

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 01/03/2022)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: /SGDHN-QĐ do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày... tháng... năm 2023)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
Trụ sở chính : Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 22200588 Fax: (84.24) 22200399
Website : www.bidv.com.vn

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

Công ty Cổ phần Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSC)
Trụ sở chính : Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.28) 38233299/(84.28) 38293826 Fax: (84.28) 3933 4822
Website : www.hsc.com.vn
Chi nhánh : Tầng 2, tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 39334693 Fax: (84.24) 39334822

3. Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : (Ông) Trần Phương
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc BIDV
Điện thoại : (84.24) 22201162 Fax: (84.24) 22225329



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 01/03/2022.

Trụ sở chính: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 22200588 – Fax: (84.24) 22200399
Website: www.bidv.com.vn – Email: bidv247@bidv.com.vn

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên trái phiếu** : Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2021 (BIDL2129006C).
- Loại trái phiếu** : Trái phiếu không chuyên đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của BIDV theo quy định.
- Mã trái phiếu** : **BID123003**
- Ngày phát hành** : Ngày 16/01/2023.
- Ngày đáo hạn** : Ngày 16/01/2031.
- Kỳ hạn trái phiếu** : 08 năm.

Lãi suất : Tại Ngày Xác Định Lãi Suất, lãi suất của Trái Phiếu cho từng Kỳ Tính Lãi được xác định theo công thức sau:

Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1,4%/năm.

“**Lãi Suất Tham Chiếu**”, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là trung bình cộng lãi suất (là lãi suất hoặc trần lãi suất nếu không công bố lãi suất) tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi đó, chi tiết xem phần *Trái Phiếu Niêm Yết – 12. Tiền lãi và lãi suất*. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phân thập phân.

“**Ngân Hàng Tham Chiếu**” bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Khu vực/TP Hà Nội và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng

là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” và gọi chung là “**Các Ngân Hàng Tham Chiếu**”).

Nếu BIDV không thực hiện mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi từ năm thứ 06 (sáu) đến khi Trái Phiếu đáo hạn sẽ bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ **3,07%/năm**.

- Kỳ trả lãi** : Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, định kỳ một (01) năm một lần
- Mệnh giá** : 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng Việt Nam)/trái phiếu.
- Tổng số lượng trái phiếu niêm yết** : 1.000 (Một nghìn) Trái Phiếu.
- Tổng giá trị trái phiếu niêm yết (theo mệnh giá)** : 100.000.000 (Một trăm triệu) Đồng Việt Nam.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 62883568 Fax: (84.24) 62885678

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính : Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 3823 3299/(84.28) 3829 3826 Fax: (84.28) 3823 3301

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về luật pháp	7
3. Rủi ro về ngành	8
4. Rủi ro hoạt động	8
5. Rủi ro khác	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	12
1. Tổ chức niêm yết	12
2. Tổ chức tư vấn	12
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	14
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
2. Cơ cấu tổ chức	28
3. Cơ cấu bộ máy quản lý	31
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	35
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết	36
6. Hoạt động kinh doanh	40
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	70
8. Vị thế của BIDV so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	77
9. Chính sách đối với người lao động.....	79
10. Chính sách cổ tức và chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của Trái Phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	81
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	82
12. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	88
13. Tài sản	119
14. Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận trong các năm tiếp theo.....	120
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	122

16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	123
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Ngân hàng mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	123
V.	TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT	123
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	135
VII.	CÁC PHỤ LỤC	135

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro cơ bản, gồm (i) rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng là rủi ro phát sinh do biến động bất lợi của lãi suất gây tổn thất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng và (ii) rủi ro lãi suất trên Sổ kinh doanh là rủi ro biến động bất lợi của lãi suất thị trường đối với giá trị của các giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, các sản phẩm phái sinh lãi suất trên Sổ kinh doanh của Ngân hàng. Trong đó, rủi ro lãi suất trên Sổ kinh doanh là một trong 4 loại rủi ro thuộc rủi ro thị trường theo quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018.

1.2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ của BIDV do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết. Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ sự bất cập trong cơ chế, chính sách của Nhà nước; môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai địch họa hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của BIDV và đòi hỏi BIDV phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Tại BIDV, Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập giới hạn tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng, đối với mỗi lĩnh vực ngành nghề cũng như thiết lập giới hạn tín dụng trung, dài hạn phù hợp với cơ cấu huy động vốn.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Mỗi khách hàng được xếp hạng ở một mức độ rủi ro theo kết quả chấm điểm trên hệ thống xếp hạng tín dụng, mức độ rủi ro này được cập nhật, điều chỉnh định kỳ hoặc đột xuất. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập dựa trên mức độ rủi ro, phương án sử dụng vốn và TSBD. Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng thông qua xây dựng mức thẩm quyền phán quyết của từng cấp từ Trụ sở chính đến chi nhánh trên cơ sở hiệu quả, chất lượng tín dụng thực tế, năng lực quản lý của từng đơn vị và đánh giá tiềm năng của từng vùng.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản trị rủi ro tín dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh hướng tới mục tiêu an toàn, hiệu quả và bền vững, BIDV luôn chủ động tiên phong áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất để quản trị rủi ro tín dụng. Đến nay, mô hình quản lý rủi ro của BIDV đã đáp ứng nguyên tắc độc lập và tập trung theo khuyến nghị của Ủy ban Basel. Trong toàn hệ thống BIDV từ Trụ sở chính đến các chi nhánh, cơ cấu tổ chức được thiết lập phù hợp, phân định rõ chức năng nhiệm vụ quyền hạn của các bộ phận/các cá nhân liên quan

theo mục tiêu quản trị rủi ro tín dụng. Hệ thống văn bản chế độ trong hoạt động cấp tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng, chính sách quản lý rủi ro toàn hàng được ban hành đầy đủ, thường xuyên được rà soát cập nhật đáp ứng quy định của NHNN (bao gồm Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018) cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

BIDV cũng quản lý tài sản có rủi ro bao gồm tài sản có rủi ro tín dụng đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu được NHNN cho phép triển khai tính toán theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN kể từ ngày 1/12/2019, trước thời hạn hiệu lực của Thông tư 41/2016/TT-NHNN.

1.3. Rủi ro tín dụng đối tác

Rủi ro tín dụng đối tác là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh trước hoặc khi đến hạn của các giao dịch: giao dịch tự doanh; giao dịch repo và reverse repo; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính với mục đích phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác.

1.4. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi BIDV có trạng thái ngoại tệ. BIDV được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Tài sản của Ngân hàng chủ yếu bằng VND, một phần bằng ngoại tệ khác. Rủi ro ngoại hối của BIDV hiện nay phát sinh và được quản lý theo các danh mục toàn hàng, danh mục tự doanh và danh mục kinh doanh phục vụ khách hàng. Rủi ro ngoại hối được quản lý tập trung tại Trụ sở chính. Rủi ro ngoại hối là một trong 4 loại rủi ro thuộc rủi ro thị trường theo quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018.

1.5. Rủi ro về thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh khi ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

1.6. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2023, tổng các cam kết ngoại bảng của BIDV là 296.953 tỷ đồng, trong đó bảo lãnh tài chính và cam kết thanh toán thư tín dụng là 283.241 tỷ đồng, các cam kết khác là 13.712 tỷ đồng. Rủi ro từ các cam kết ngoại bảng xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng (mất khả năng thanh toán Thư tín dụng (L/C), không thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh). Khi đó BIDV sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người thụ hưởng thay khách hàng. Nghĩa vụ này được hạch toán nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, BIDV đã ban hành quy trình thẩm định và cấp bảo lãnh, cam kết L/C, hệ thống định hạng tín dụng và phân loại khách hàng, quy định về tỷ lệ tài sản đảm bảo/ký quỹ dựa trên mức độ rủi ro của từng nhóm khách hàng cũng như mức độ rủi ro của từng loại bảo lãnh, cụ thể:

- Đối với các cam kết bảo lãnh: BIDV phân loại bảo lãnh theo các mức độ rủi ro tăng dần (lần lượt là: bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng/hoàn tiền tạm ứng, bảo lãnh thanh toán/vay vốn,..). Căn cứ mức độ rủi ro của từng sản phẩm

bảo lãnh và mức độ tín nhiệm của khách hàng, BIDV sẽ yêu cầu tỷ lệ tài sản đảm bảo/ký quỹ phù hợp để hạn chế rủi ro.

- Đối với các cam kết thanh toán L/C: BIDV quản lý khả năng xảy ra tổn thất thông qua việc thẩm định trước khi phát hành L/C, yêu cầu tỷ lệ ký quỹ/tài sản đảm bảo tương ứng với mức độ tín nhiệm của từng nhóm khách hàng.

2. Rủi ro về luật pháp

BIDV là ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng quy mô lớn, niêm yết, hoạt động của BIDV chịu sự điều chỉnh trực tiếp và gián tiếp của rất nhiều văn bản pháp luật khác nhau, bao gồm: Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản,... Mỗi luật này lại có một hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành bao gồm nhiều nghị định và thông tư, trong đó, tính ổn định của các thông tư chưa cao, thường xuyên thay đổi. Do vậy, có thể nói, hệ thống pháp luật về lĩnh vực tài chính, ngân hàng của Việt Nam hiện nay khá chằng chịt, đan xen, phức tạp, khiến cho hoạt động của các Ngân hàng thương mại cổ phần như BIDV tiềm ẩn một số rủi ro pháp lý cơ bản như sau:

- (i) Sự thiếu ổn định của hệ thống pháp luật: Việc thường xuyên ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật (đặc biệt là các văn bản dưới luật) cho thấy các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã bám sát diễn biến của nền kinh tế, phản ứng nhanh nhạy với các thay đổi từ đó để điều chỉnh chính sách pháp luật cho phù hợp. Tuy nhiên, bên cạnh tác động tích cực, một số văn bản pháp luật mới ban hành có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong ngắn hạn. Đồng thời, việc thường xuyên sửa đổi, bổ sung cho thấy phần nào sự thiếu ổn định, lâu dài của chính sách pháp luật, có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoạch định các chiến lược, kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn, đây cũng là dấu hiệu rủi ro đặc trưng của hệ thống pháp luật thuộc các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam.
- (ii) Sự không thống nhất giữa các quy định pháp luật: Việc nhiều cơ quan nhà nước cùng được giao thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật điều chỉnh đối với một vấn đề đôi khi dẫn đến trường hợp, nội dung hướng dẫn của cơ quan này không thống nhất nội dung hướng dẫn của cơ quan khác; bên cạnh đó, một số trường hợp, văn bản giải thích, hướng dẫn của cấp dưới không hoàn toàn thống nhất với văn bản của cấp trên (nghị định không thống nhất với luật, pháp lệnh; Thông tư không thống nhất với nghị định/luật/pháp lệnh,...) dẫn đến khó khăn cho các cá nhân, doanh nghiệp trong việc lựa chọn luật để áp dụng đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phòng tránh các rủi ro pháp lý phát sinh.
- (iii) Việc giải thích, áp dụng pháp luật của cơ quan thẩm quyền không thống nhất: Việc giải thích, hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm toán hoặc việc áp dụng luật của các cơ quan tư pháp (toà án, viện kiểm sát) đối với một vấn đề, đặc biệt là những vấn đề pháp luật quy định còn chưa rõ ràng, cụ thể, trong một số trường hợp chưa thống nhất, theo đó, theo đó, có thể gây bất lợi, rủi ro cho các cá nhân, doanh nghiệp trong quá trình tuân thủ luật pháp.

Hiện nay, lĩnh vực tài chính, ngân hàng là một trong những lĩnh vực kinh tế được Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm, các quy định pháp luật về tài chính, ngân hàng không ngừng được cải tiến, hoàn thiện nhằm tạo ra một khung pháp lý chặt chẽ, tiên bộ, phù hợp với thông lệ và

chuẩn mực quốc tế, góp phần thúc đẩy và giữ ổn định hoạt động của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế nói chung. Tuy nhiên, hiện nay, các chính sách pháp luật thuộc lĩnh vực này vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa dự đoán được chính xác khi nào thì đạt được sự ổn định, chắc chắn như hệ thống pháp luật của các quốc gia có nền kinh tế phát triển.

Ảnh hưởng của những thay đổi về chính sách, pháp luật trong tương lai là không thể dự đoán trước và nằm ngoài tầm kiểm soát của BIDV. Tuy nhiên để chủ động hạn chế rủi ro này, BIDV luôn cập nhật và phổ biến các văn bản pháp luật mới nhất đến toàn thể các phòng ban và đơn vị kinh doanh trong hệ thống. Đồng thời Ngân hàng cũng xây dựng một hệ thống các văn bản nội bộ gồm các chính sách, quy định, quy trình và bộ phận Pháp chế là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tham gia biên soạn và kiểm soát các chính sách, quy định, quy trình nội bộ,... đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và luôn được cập nhật theo những quy định mới của pháp luật.

3. Rủi ro về ngành

BIDV là một ngân hàng thương mại hoạt động trong nền kinh tế có tính cạnh tranh ngày càng cao. BIDV hiện đang chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các ngân hàng khác, bao gồm các ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa thị trường rộng hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ gia tăng đáng kể.

4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro có thể xuất hiện trong hầu hết các hoạt động của ngân hàng, là rủi ro cố hữu, gắn liền với hoạt động ngân hàng nhưng lại rất khó lường. Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với ngân hàng. RRHĐ bao gồm rủi ro pháp lý, không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

5. Rủi ro khác

5.1. Rủi ro về kinh tế vĩ mô

Năm 2022, kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều rủi ro, đặc biệt là các yếu tố tiêu cực từ bên ngoài. Đáng kể nhất là rủi ro liên quan đến căng thẳng Nga - Ukraina, đại dịch Covid-19 vẫn diễn biến khó lường có thể bùng phát trở lại, dẫn đến những hệ lụy tiêu cực như: giá năng lượng tăng, khủng hoảng nguồn cung năng lượng, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu đối với nguyên liệu đầu vào, hàng hoá thành phẩm, nông sản, làm méo mó cấu trúc của nhu cầu, thay đổi xu hướng đầu tư quốc tế...; từ đó, gia tăng rủi ro tài chính - tiền tệ, gây sức ép tới lạm phát, an ninh lương thực, cũng như làm chậm lại đà hồi phục kinh tế thế giới (vốn đã phục hồi thiếu chắc chắn sau những tác động của đại dịch).

- ❖ *Rủi ro, thách thức từ bên ngoài:* (i) dịch Covid-19 trên thế giới còn diễn biến phức tạp; (ii) rủi ro địa chính trị và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn vẫn còn phức tạp, khó lường; đặc biệt là căng thẳng Nga - Ukraina và biện pháp trừng phạt, trả đũa giữa phương Tây và

Nga khó đoán định, có tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội toàn cầu và cả Việt Nam; (iii) Trung Quốc tăng trưởng chậm lại do tập trung vào cơ cấu, chất lượng và kiểm soát rủi ro, sẽ giảm sức cầu thương mại, đầu tư; (iv) rủi ro tài khóa (nợ công, thâm hụt ngân sách) tăng, giá cả, lạm phát vẫn tăng cao, hầu hết các nước thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát; (v) sự đổ vỡ của một số ngân hàng tại Mỹ, Thụy Sĩ làm tăng rủi ro thị trường tài chính - ngân hàng toàn cầu; (vi) thiên tai, lũ lụt, biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới khả năng phục hồi kinh tế.

- ❖ *Rủi ro từ nội tại:* (i) Tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn đối mặt với nguy cơ bùng trở lại; (ii) Rủi ro lạm phát tăng khi giá cả thế giới biến động khó lường; (iii) Sản xuất công nghiệp; hoạt động xuất nhập khẩu, tình hình sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp phụ thuộc nhiều vào sự hồi phục của các thị trường quốc tế cũng như nhu cầu tiêu dùng trong nước; (iv) Giải ngân đầu tư công vẫn chậm; (v) Hoạt động bán lẻ - tiêu dùng chưa thực sự khởi sắc như trước đại dịch do tâm lý tiết kiệm và phòng thủ tăng lên do tác động của Covid-19; (vi) Nợ xấu tại các NHTM có xu hướng tăng; và (vii) Thu - chi ngân sách tiếp tục đối diện với nhiều thách thức, cơ cấu thu NSNN thiếu bền vững khi thu từ đất, kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn vẫn tăng đột biến, lấn át các nguồn thu khác.

5.2. *Rủi ro cụ thể khác tại Việt Nam*

- ❖ Thuế tại Việt Nam

Pháp luật về thuế và các quy định của Việt Nam tiếp tục được bổ sung và hướng dẫn do có những vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai và thực hiện. Bất kỳ thay đổi nào về pháp luật thuế của Việt Nam dẫn đến thay đổi nghĩa vụ thuế và tình trạng thuế của BIDV có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BIDV.

- ❖ Hạn chế chuyển tài sản về nước

Đối với Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Trái Phiếu, quyền chuyển tiền thu được từ các khoản đầu tư hay thu nhập từ các khoản đầu tư vào Trái Phiếu từ Việt Nam ra nước ngoài sẽ phải chịu sự điều chỉnh và hạn chế theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối (bao gồm cả việc mở tài khoản đầu tư gián tiếp tại tổ chức tín dụng được phép, chuyển đổi ngoại tệ) và có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế Việt Nam (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam).

5.3. *Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin*

Hệ thống CNTT có thể tiềm ẩn một số rủi ro nhất định đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng. Các rủi ro có thể đến từ việc BIDV phải sử dụng các phần mềm, dịch vụ hỗ trợ công nghệ, đường truyền, hệ thống cung cấp từ nhiều đơn vị cung cấp khác nhau; Từ việc vận hành sai, không tuân thủ chặt chẽ quy trình theo dõi, kiểm soát, bảo mật an ninh, an toàn hệ thống hay từ các rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn; Rủi ro từ việc tấn công mạng (hacker)...

Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro hệ thống CNTT, trong những năm qua, cùng với việc phát triển nguồn nhân lực CNTT hợp lý, BIDV không ngừng đầu tư trang thiết bị, xây dựng một hệ thống CNTT hoàn chỉnh: Nâng cấp hệ thống tường lửa, hệ thống phát hiện/phòng chống tấn công mạng IPS/IDS với công nghệ mới nhất; Trang bị hệ thống phòng chống virus có bản quyền, được cập nhật thường xuyên và dùng cho toàn hệ thống BIDV; Trang bị hệ thống NAC

(Net work Access control) để thực hiện kiểm soát truy cập mạng LAN trên toàn hệ thống nhằm nâng cao khả năng bảo mật cho hệ thống; cũng như các chính sách an ninh, bảo mật, an toàn hệ thống để giảm thiểu những rủi ro từ hoạt động CNTT. BIDV cũng là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam có Trung tâm dự phòng sử dụng hệ thống máy chủ dự phòng và công nghệ lưu trữ với các giải pháp tiên tiến nhất, đảm bảo hoạt động của Ngân hàng liên tục kể cả khi xảy ra các thảm họa về thiên tai và các thảm họa khác. Từ năm 2015, BIDV đã được cấp chứng chỉ quốc tế ISO/IEC 27001:2013 - chứng chỉ ISO cho hệ thống quản lý An toàn thông tin phiên bản mới trên thế giới.

Công tác quản trị và vận hành các hệ thống CNTT, đặc biệt là công tác an ninh bảo mật, an toàn thông tin tại BIDV được quan tâm, chú trọng và giám sát, kiểm soát chặt chẽ 24/7 theo hệ thống quy trình, quy định được ban hành và định kỳ rà soát, cập nhật. Các phương án, kịch bản xử lý dự phòng rủi ro trong các trường hợp phát sinh sự cố CNTT cũng được triển khai xây dựng và tổ chức diễn tập định kỳ, đồng thời phản ứng kịp thời với các sự kiện bảo mật, an toàn thông tin từ bên ngoài, đảm bảo yếu tố dự phòng vận hành liên tục, giúp hệ thống CNTT hoạt động ổn định và an toàn trong suốt thời gian qua, được các tổ chức CNTT quốc tế đánh giá cao.

Ngoài ra, trước các nguy cơ về an ninh mạng ngày càng gia tăng, BIDV đã tăng cường các công tác chuẩn bị, nâng cao tính sẵn sàng CNTT tại BIDV để đối phó với những tác động xấu từ bên ngoài và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ngày càng khắt khe về tuân thủ trong thời gian tới như: Thành lập Ban chỉ đạo/Ban ứng cứu sự cố đối với các tình huống về an ninh mạng; thành lập Trung tâm SOC để theo dõi, giám sát, phát hiện sớm và phân tích, xử lý sự cố bảo mật; Phối hợp/ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác uy tín trong công tác đánh giá an ninh ANBM hệ thống CNTT của BIDV. Phối hợp chặt chẽ với NHNN, Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam (VNISA), Bộ Công an (A05 – Cục an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao) thực hiện tốt công tác cảnh báo và giám sát an ninh mạng của BIDV. Đồng thời, để nâng cao năng lực xử lý của hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT, năm 2020, BIDV đã hoàn thành và đưa vào sử dụng Trung tâm dữ liệu mới hiện đại, theo các chuẩn quốc tế, đưa mức độ an toàn bảo mật hệ thống CNTT của BIDV ngang hàng với các Trung tâm dữ liệu cung cấp dịch vụ cho thuê trên lãnh thổ Việt Nam và khu vực, đảm bảo an toàn trước những sự cố, các đợt tấn công an ninh mạng gia tăng.

5.4. Rủi ro đối với Trái phiếu

❖ Trái Phiếu không được bảo đảm

Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của Tổ Chức Niêm Yết.

Do đó, trong trường hợp BIDV phá sản hoặc giải thể, có khả năng tỷ lệ nợ được thu hồi của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể sẽ thấp hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của BIDV. Quyền ưu tiên thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền ưu tiên thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm của BIDV. Trái Phiếu cũng không hạn chế giá trị các khoản nợ được xếp quyền ưu tiên thanh toán trước Trái Phiếu mà BIDV có thể gánh chịu hoặc tiếp nhận.

Bên cạnh đó, cấu trúc Trái Phiếu có thể có những rủi ro cho Người Sở Hữu Trái Phiếu:

- Trái Phiếu chỉ được BIDV mua lại trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện mua lại vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát; và
- BIDV được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính đó của BIDV bị lỗ.

❖ **Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp**

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì bảo đảm rằng một thị trường giao dịch cho Trái Phiếu sẽ phát triển. Trên thị trường thứ cấp, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của BIDV và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

❖ **Phát hành thêm chứng khoán**

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm BIDV có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Trái Phiếu) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

❖ **Bảo hiểm tiền gửi**

Nhà đầu tư là tổ chức cần biết rằng lợi ích được hưởng từ Trái Phiếu không phải là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi.

5.5. *Rủi ro sự kiện bất khả kháng*

Ngoài các rủi ro trên, hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, bãi công, chiến tranh,..v.v là những sự kiện ít gặp trong thực tế, ngoài tầm kiểm soát, khả năng phòng ngừa dự kiến của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Nếu các rủi ro này xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và khiến gián đoạn hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

(Ông) Phan Đức Tú	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Ông) Lê Ngọc Lâm	Chức vụ: Tổng Giám đốc
(Ông) Trần Long	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc có liên quan đến việc đăng ký niêm yết
(Bà) Tạ Thị Hạnh	Chức vụ: Kế toán trưởng
(Ông) Cao Cự Trí	Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát phụ trách hoạt động Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Đại diện được ủy quyền:	Phạm Ngọc Bích
Chức vụ:	Giám đốc điều hành

Theo Giấy ủy quyền số 12-2022/GUQ-HSC ngày 25 tháng 04 năm 2022 do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM


- ❖ “ATM”: Máy rút tiền tự động
- ❖ “BIDV”, “Tổ Chức Niêm Yết”: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- ❖ “BGĐ”: Ban Giám đốc
- ❖ “BKS”: Ban Kiểm soát
- ❖ “CHDCND”: Cộng hòa dân chủ nhân dân
- ❖ “CMTND”: Chứng minh thư nhân dân

- ❖ “CNTT”: Công nghệ Thông tin
- ❖ “CTCP”: Công ty Cổ phần
- ❖ “ĐHĐCĐ”: Đại Hội đồng Cổ đông
- ❖ “HDQT”: Hội đồng Quản trị
- ❖ “HSC”: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- ❖ “ISO”: Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
- ❖ “MHB”: Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long
- ❖ “NHTM”: Ngân hàng Thương mại
- ❖ “NHNN”: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- ❖ “RRTD”: rủi ro tín dụng
- ❖ “TMCP”: Thương mại Cổ phần
- ❖ “TNHH”: Trách nhiệm hữu hạn
- ❖ “TCTD”: Tổ chức tín dụng
- ❖ “SGDCK”: Sở Giao dịch chứng khoán
- ❖ “UBCKNN”: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- ❖ “UBND”: Ủy Ban Nhân Dân
- ❖ “UNDP”: Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc
- ❖ “USD”: Đồng đô la Mỹ
- ❖ “VND”: Việt Nam Đồng
- ❖ “VPĐD”: Văn phòng đại diện

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Tổ chức niêm yết

- ❖ Tên tiếng Việt: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- ❖ Tên tiếng Anh: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
- ❖ Tên viết tắt: BIDV
- ❖ Mã cổ phiếu: BID
- ❖ Sàn niêm yết: HSX
- ❖ Logo: 
- ❖ Vốn điều lệ đăng ký và Vốn điều lệ thực góp: 50.585.238.160.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi nghìn năm trăm tám mươi lăm tỷ hai trăm ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng)
- ❖ Trụ sở chính: Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- ❖ Điện thoại: (84-24) 22200588
- ❖ Fax: (84-24) 22200399
- ❖ Website: www.bidv.com.vn
- ❖ Mã số thuế: 0100150619
- ❖ Người đại diện theo pháp luật: Phan Đức Tú – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- ❖ Đăng ký kinh doanh:
 - Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/04/1993, cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 01/03/2022.
 - Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN ngày 23 tháng 04 năm 2012, đã được cấp sửa đổi theo Quyết định số 2021/QĐ-NHNN ngày 13/10/2015, Quyết định số 2266/QĐ-NHNN ngày 27/10/2017, Quyết định số 842/QĐ-NHNN ngày 20/4/2018, Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 30/5/2018, Quyết định số 1506/QĐ-NHNN ngày 27/09/2021 và Quyết định số 155/QĐ-NHNN ngày 16/02/2022.

Các lĩnh vực hoạt động

BIDV là một ngân hàng thương mại cổ phần đa năng, hướng tới hình thành tập đoàn tài chính – ngân hàng với các lĩnh vực kinh doanh:

❖ Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;

❖ Hoạt động ngân hàng bán lẻ: tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ;

❖ Hoạt động ngân hàng đầu tư: BIDV thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua công ty chứng khoán hoặc loại hình công ty khác mà BIDV nắm giữ cổ phần hoặc có phần vốn góp theo quy định của pháp luật. Hoạt động ngân hàng đầu tư bao gồm nhưng không hạn chế ở các loại hình sau:

- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư, tư vấn phát hành chứng khoán, IPO, tư vấn niêm yết;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán; đại lý phát hành chứng khoán;
- Môi giới và tự doanh chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Dịch vụ lưu ký chứng khoán, ngân hàng giám sát;
- Dịch vụ quản lý tài sản;
- Hoạt động nghiên cứu;
- Các hoạt động ngân hàng đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

❖ Bảo hiểm: BIDV thực hiện cung ứng dịch vụ bảo hiểm sau đây dưới hình thức thành lập công ty có liên quan hoặc làm đại lý cho các công ty bảo hiểm theo quy định của pháp luật:

- Bảo hiểm nhân thọ;
- Bảo hiểm phi nhân thọ;
- Tái bảo hiểm;
- Các dịch vụ bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, được thành lập theo Quyết định 177/TTg ngày 26/04/1957 của Thủ tướng Chính phủ với nhiệm vụ chính ban đầu là cấp phát vốn ngân sách cho đầu tư xây dựng cơ bản, phục vụ công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất

nước. Trong suốt 18 năm (từ 1957 đến 1975), Ngân hàng Kiến thiết đã bám sát nhiệm vụ cốt lõi, cấp phát vốn kịp thời, hiệu quả để xây dựng hàng trăm công trình quốc kế dân sinh ở miền Bắc. Đồng thời, ngân hàng đã tổ chức những đơn vị đặc biệt để cấp vốn xây dựng các công trình cầu đường, thông tin liên lạc, đường ống xăng dầu dọc tuyến đường Hồ Chí Minh, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Sau đại thắng mùa Xuân 1975, Ngân hàng Kiến thiết đã tiếp quản và sớm hình thành mạng lưới hoạt động ở các tỉnh thành phía Nam để làm nhiệm vụ quản lý và cung ứng vốn nhằm tái thiết và xây dựng CNXH trên cả nước. Trong giai đoạn này, ngân hàng đã tập trung mọi nguồn lực với trách nhiệm cao nhất để tiếp tục thực hiện quản lý hiệu quả nguồn vốn phục vụ xây dựng các công trình tạo đà cho phát triển kinh tế.

Nhằm triển khai chủ trương tập trung hệ thống tín dụng, tiền tệ vào một ngân hàng thống nhất, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 259/CP ngày 24/6/1981 về việc chuyển Ngân hàng Kiến thiết thuộc Bộ Tài chính để thành lập Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam thuộc Ngân hàng Nhà nước với nghiệp vụ chủ yếu vẫn là cấp phát, cho vay thi công xây lắp. Đây cũng là thời gian Ngân hàng tham gia tích cực vào việc cung ứng vốn xây dựng nhiều công trình lớn, tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước... Trong gần 10 năm, Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng đã vượt qua nhiều khó khăn để có những bước phát triển mạnh mẽ trong dòng chảy đổi mới của đất nước, khẳng định vị thế là một ngân hàng chuyên doanh chủ lực trong lĩnh vực kiến thiết, đầu tư, xây dựng đất nước. Qua đó, ngân hàng đã góp phần thiết thực hình thành cơ chế mới trong đầu tư kinh tế, khơi dậy tiềm năng to lớn của toàn xã hội để phát triển sản xuất kinh doanh...

Thực hiện Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước và Pháp lệnh ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Quyết định số 401/CT ngày 14/11/1990 để thành lập Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) trên cơ sở chuyên đổi từ Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng. Tiếp tục phát huy truyền thống xung kích và sáng tạo, BIDV đã có những đột phá về xóa bao cấp trong đầu tư xây dựng cơ bản, tự lo một phần tới tự lo toàn bộ nguồn vốn cho đầu tư trung và dài hạn các công trình, dự án theo kế hoạch nhà nước; từ độc canh tín dụng theo kế hoạch đã phát triển thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ mới theo nhu cầu của thị trường.

Đến cuối năm 1994, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, hoạt động cấp phát, tín dụng chỉ định được tách ra khỏi chức năng nhiệm vụ của BIDV để hình thành nên Tổng cục Đầu tư Phát triển (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam). Và kể từ 01/01/1995, BIDV chính thức hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại. Mặc dù chính thức chuyển sang kinh doanh thương mại muộn nhất trong số các ngân hàng quốc doanh của Việt Nam, song bằng khát vọng cống hiến, bản lĩnh vững vàng, tinh thần đoàn kết, sự năng động sáng tạo,... BIDV đã trưởng thành vượt bậc về bản lĩnh vượt khó và tư duy kinh doanh; gặt hái được những thành tựu quan trọng về phát triển thể chế, mạng lưới, sản phẩm - dịch vụ, công nghệ, đối ngoại... Trong suốt thời gian tiếp đó, BIDV đã có những đổi mới toàn diện và mạnh mẽ, đột phá và tăng tốc; hoạt động kinh doanh an toàn và hiệu quả; vươn lên thành một ngân hàng có đẳng cấp cao, có đủ năng lực cạnh tranh và tự tin tham gia vào sân chơi quốc tế...

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước, BIDV cổ phần hóa thành công và từ tháng 5/2012 chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (theo Giấy phép số 84/GP-NHNN ngày 23-4-2012 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Từ đó đến nay, BIDV tiếp tục quán triệt, chấp hành nghiêm túc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ; chỉ đạo điều hành của Ngân hàng Nhà nước; linh hoạt theo diễn biến thị trường, chủ động, sáng tạo, nỗ lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và kế hoạch kinh doanh... BIDV đã chuyển đổi toàn diện, đồng bộ sang mô hình ngân hàng thương mại hiện đại, đa năng; xác lập mô

hình kinh doanh theo tiêu chí của ngân hàng hiện đại; xác định khách hàng là trung tâm, công nghệ và nguồn nhân lực là giá trị, là công cụ cạnh tranh cốt lõi. BIDV cũng đã có những bước tiến phát triển trong đổi mới thể chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành. Hoạt động kinh doanh của BIDV luôn tăng trưởng mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành ngân hàng và đất nước.

Trong giai đoạn này, có một số dấu mốc đáng chú ý: (i) Ngày 25 - 5 - 2015, BIDV sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà đồng bằng Sông Cửu Long (MHB) vào hệ thống; (ii) Ngày 11/11/2019, BIDV hoàn thành giao dịch hợp tác chiến lược với Tập đoàn tài chính Hana (Hàn Quốc) và công bố Ngân hàng Hana trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài. Đây là giao dịch mua bán sáp nhập lớn nhất lịch sử ngành tài chính ngân hàng Việt Nam, đem lại lợi ích to lớn cho BIDV và cho cổ đông Nhà nước... (iii) Ngày 11/01/2021, BIDV ban hành “Chiến lược phát triển kinh doanh của BIDV đến năm 2025, tầm nhìn 2030”; (iv) Ngày 26/04/2022, nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày thành lập, BIDV chính thức điều chỉnh nhận diện thương hiệu...

Trải qua 66 năm hoạt động với gần 30 năm kinh doanh thương mại, từ một ngân hàng đơn sở hữu, hoạt động đơn lĩnh vực trong môi trường nội địa và khách hàng thuần túy là doanh nghiệp nhà nước, BIDV ngày nay đã trở thành một định chế tài chính đa sở hữu, hoạt động đa quốc gia, kinh doanh đa năng, đa lĩnh vực, vận hành công khai, minh bạch theo chuẩn mực, thông lệ quản trị quốc tế... Từ một ngân hàng chuyên doanh với quy mô ban đầu rất khiêm tốn là 11 chi nhánh và 200 cán bộ,... BIDV ngày nay có mạng lưới kinh doanh rộng khắp gồm 1.085 chi nhánh, phòng giao dịch trong và ngoài nước, 10 công ty con và các hiện diện thương mại tại Lào, Campuchia, Myanmar, Nga, Đài Loan (Trung Quốc) với hơn 28.000 cán bộ được đào tạo bài bản, dạn dày kinh nghiệm... BIDV hiện đang phục vụ hơn 15 triệu khách hàng cá nhân, tổ chức; giao dịch với hơn 2.300 định chế tài chính ở 177 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu... Vào thời điểm kết thúc năm 2022, BIDV vững vàng với vị thế là ngân hàng thương mại có quy mô đứng đầu Việt Nam với tổng tài sản đạt trên 2,12 triệu tỷ đồng; vốn điều lệ đạt 50.585 tỷ đồng...

Với những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của đất nước, BIDV tự hào được Đảng, Nhà nước Việt Nam phong tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Ba; Huân chương Lao động các hạng... BIDV cũng đã được Đảng, Nhà nước Lào trao tặng thưởng Huân chương Hữu nghị, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Nhất...; được Quốc vương Campuchia trao tặng Huân chương Hoàng gia hạng Nhất, Huân chương Monisaraphon hạng Maha Sereivath... Bên cạnh đó, BIDV còn được các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế ghi nhận, vinh danh với nhiều giải thưởng, tiêu biểu như: Top 2.000 công ty đại chúng lớn nhất và quyền lực nhất thế giới, Top 25 Thương hiệu tài chính dẫn đầu Việt Nam, Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, Ngân hàng SME tốt nhất Đông Nam Á; Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam, Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam, Ngân hàng Chuyển đổi số xuất sắc; Doanh nghiệp vì cộng đồng...

Bảng 1: Chặng đường phát triển của BIDV

Năm	Sự kiện
26/04/1957	Được thành lập với tên gọi Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, trực thuộc Bộ Tài Chính, 100% sở hữu Nhà nước.
27/05/1957	Thành lập 11 Chi nhánh Ngân hàng Kiến thiết đầu tiên.
15/11/1976	Mở rộng quy mô hoạt động ra toàn quốc.



Năm	Sự kiện
24/06/1981	Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam (trực thuộc Ngân hàng Nhà nước).
14/11/1990	Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
1992	Bắt đầu hoạt động với các đối tác nước ngoài.
01/01/1995	Chuyển sang hoạt động như một Ngân hàng thương mại với số vốn điều lệ là 1.100 tỷ đồng.
23/03/1996	Trở thành Doanh nghiệp Nhà nước hạng đặc biệt.
1996	Là Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam được các công ty kiểm toán quốc tế thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo 2 chuẩn mực Việt Nam và quốc tế, và áp dụng liên tục cho tới nay (18 năm).
27/12/2000	Đón nhận Danh hiệu “Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới”.
2001	Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam nhận chứng chỉ ISO 9001:2000.
2001–2006	Thực hiện đề án tái cơ cấu ngân hàng. Tăng vốn điều lệ từ 1.100 tỷ đồng lên 4.077 tỷ đồng.
2006	Là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam được tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín toàn cầu Moody’s thực hiện xếp hạng tín nhiệm, và được áp dụng liên tục cho tới nay (10 năm).
25/04/2007	Đón nhận Huân chương Hồ Chí Minh.
2008	Chuyển đổi mô hình tổ chức theo dự án hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn 2 do World Bank tài trợ. Tăng vốn điều lệ lên 8.756 tỷ đồng.
2009	Tăng vốn điều lệ lên 10.498 tỷ đồng.
2010	Tiếp tục tăng vốn điều lệ, đạt mức 14.600 tỷ đồng. Bắt đầu tiến hành định hạng năng lực tài chính bởi tổ chức định hạng quốc tế S&P.
2011	Điều chỉnh giảm vốn điều lệ xuống mức 12.947 tỷ đồng do thực hiện bóc tách các khoản đầu tư vào thị trường Campuchia theo chỉ đạo của Chính phủ. Ngày 28/12/2011, tiến hành IPO thành công với việc phát hành 3% vốn điều lệ (tương đương với 847,5 tỷ đồng), giá đầu thành công bình quân là 18.583 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).
08/03/2012	Tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần đầu và thông qua đề án Tái cơ cấu 2011-2015 và chiến lược phát triển nhằm đưa BIDV trở thành ngân hàng kinh doanh đa dạng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, hoạt động theo thông lệ quốc tế, có chất lượng và hiệu quả hàng đầu trong các định chế tài chính tại Việt Nam.
01/05/2012	Chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 (đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 27/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp) với số vốn điều lệ là 23.012 tỷ đồng.
06/08/2013	Tăng vốn điều lệ lên 28.112.026.440.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.

Năm	Sự kiện
24/01/2014	Cổ phiếu BIDV (mã BID) chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).
25/05/2015	Sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà đồng bằng Sông Cửu Long (MHB) vào hệ thống BIDV
2015	22/05/2015: Tăng vốn điều lệ lên 31.481.237.440.000 đồng. 29/09/2015: Tăng vốn điều lệ lên 34.187.153.340.000 đồng.
30/06/2016	BIDV được cấp phép chính thức thành lập chi nhánh tại Myanmar.
2016	BIDV trở thành ngân hàng TMCP đầu tiên cán mốc giá trị tổng tài sản trên 1 triệu tỷ đồng.
26/4/2017	Kỷ niệm 60 năm ngày thành lập BIDV và đón nhận Huân chương Lao động hạng nhất của Chủ tịch nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam, Huân chương độc lập hạng nhất của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Huân chương Hoàng gia cao quý nhất của Quốc vương Campuchia.
11/11/2019	Hoàn thành giao dịch chiến lược với Tập đoàn Tài chính Hana (Hàn Quốc) và công bố Hana Bank trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài sở hữu 15% vốn điều lệ của BIDV. Đây là thương vụ M&A với một nhà đầu tư chiến lược lớn nhất trong lịch sử ngành ngân hàng Việt Nam. Tăng vốn điều lệ lên 40.220.180.400.000 VND.
11/01/2021	Ban hành “Chiến lược phát triển kinh doanh của BIDV đến năm 2025, tầm nhìn 2030”.
31/12/2021	Căn cứ văn bản số 8625/NHNN-TTGSNH ngày 07/12/2021 của NHNN về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ của BIDV, BIDV phát hành thành công hơn 1.036 triệu cổ phiếu để chi trả cổ tức và tăng vốn điều lệ lên 50.585 tỷ đồng, tiếp tục giữ vững vị trí là ngân hàng thương mại có vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường.
26/04/2022	Nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày thành lập, BIDV chính thức điều chỉnh nhận diện thương hiệu.

Nguồn: BIDV

Bảng 2: Một số phần thưởng, danh hiệu, giải thưởng BIDV được trao trong thời gian qua

A Phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước Việt Nam	
1	Danh hiệu “Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới” (2000).
2	Huân chương Hồ Chí Minh (2007).
3	Huân chương Độc lập hạng Nhất (2002, 2012).
4	Huân chương Độc lập hạng Ba (1999).
5	Huân chương Lao động hạng Nhất (1997, 2017).
6	Huân chương Lao động hạng Nhì (1992).



7 Huân chương Lao động hạng Ba (1987, 2022).

8 Bằng khen của Chính phủ (2010, 2013, 2015).

B Phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước Lào

1 Huân chương Độc lập hạng Nhất (2017).

2 Huân chương Độc lập hạng Nhì (2012).

3 Huân chương Lao động hạng Nhất (2011).

4 Huân chương Lao động hạng Nhì (2002).

5 Huân chương Hữu nghị (2007, 2014).

6 Huân chương Lao động hạng Nhì (2010).

7 Huân chương Phát triển (Phatthana) hạng Nhì (2022).

C Phần thưởng cao quý của Quốc vương Campuchia

1 Huân chương Monisaraphon hạng Moha Sereivath (hạng cao quý nhất) (2017).

2 Huân chương Hoàng gia (Royal Order of Cambodia Grand Cross) hạng Nhất (2012).

3 Huân chương Đại tướng quân hạng Mohasereivath (hạng cao quý nhất) (2015).

4 Huân chương Sahametrei hạng Moha Sena (2022).

D Danh hiệu, giải thưởng tiêu biểu của các tổ chức trong nước

1 **Hội đồng Thương hiệu Quốc gia:**

7 lần công nhận BIDV là Thương hiệu quốc gia (2008, 2010, 2012, 2014, 2016, 2020, 2022).

2 **Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA):**

25 lần trao giải thưởng Sao Khuê cho các sản phẩm dịch vụ của BIDV

- 02 chương trình phần mềm: Thanh toán hóa đơn online và Cổng trao đổi thông tin nộp thuế điện tử của BIDV (2015).
- 02 sản phẩm: BIDV iBank (Chương trình giao dịch ngân hàng điện tử dành cho khách hàng tổ chức) và BIDV IDM (Hệ thống quản lý ứng dụng tập trung tại BIDV). Đặc biệt, sản phẩm BIDV iBank đã lọt vào top 10 danh hiệu Sao Khuê năm 2018 (2018).
- 03 sản phẩm: Ứng dụng công nghệ tự động hóa RPA (Robotic Process Automation) trong nghiệp vụ thanh toán theo bảng kê tại BIDV, Chương trình Cổng thanh toán Kiều hối cho khách hàng cá nhân, Quản lý doanh thu Bảo hiểm BIC qua hệ thống BIDV (2019).
- 06 sản phẩm: Hệ thống BIDV E-zone, hệ thống Đầu tư tiền gửi tự động và thanh toán song phương cho bảo hiểm xã hội Việt Nam, hệ thống hỗ trợ bán hàng trên thiết bị di động cho KHTC, hệ thống sao kê tài khoản khách hàng, hệ thống quản lý bán chéo sản phẩm BIDV Sale Power, hệ thống cổng thanh toán mở - BIDV Paygate (2020).
- 06 sản phẩm: hệ thống Ngân hàng Lưu ký và Giám sát; hệ thống tài khoản định danh; hệ thống BIDV Home; hệ thống đăng ký trực tuyến/ đăng ký dịch vụ tập trung; hệ

thống Mua bán Trái phiếu; Ứng dụng thể thao thiện nguyện gắn kết hoạt động kinh doanh BIDV RUN (2021).

- 06 sản phẩm: Dịch vụ Ngân hàng số thể hệ mới SmartBanking; Ommi BIDV iBank - Ngân hàng số cho khách hàng tổ chức; Dịch vụ chuyển tiền quốc tế song phương 24/7; Ứng dụng công nghệ AI trong giải pháp eKYC trên SmartBanking; Hệ thống đánh giá chất lượng trực tuyến cán bộ và thi tuyển cán bộ mới BIDV; Hệ thống dữ liệu hoạt động ODS (2022).
- 3 **Hội Truyền thông số Việt Nam và Tạp chí điện tử Viettimes:**
 - Giải thưởng Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc (2021).
 - 4 **Vietnam Report và Báo VietNamNet:**
 - Giải thưởng Top 10 Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín (5 năm liên tiếp 2018 - 2022).
 - Giải thưởng Top 10 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (5 năm liên tiếp 2017 - 2022).
 - 5 **Tạp chí Kinh tế Việt Nam:**
 - Giải thưởng Top 10 thương hiệu mạnh ngành ngân hàng (2022).
 - Giải thưởng Top 10 sản phẩm thuộc nhóm Ngân hàng – Tài chính – Bảo hiểm cho sản phẩm Thẻ tín dụng tính năng hoàn tiền của BIDV tại Giải thưởng Tin dùng Việt Nam (2021).
 - 6 **Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS):**
 - Giải thưởng Ngân hàng đối tác tiêu biểu (2021).
 - Giải thưởng Bank with The Best POS Network (2021).
 - Giải thưởng Dynamic Bank (2021).
 - 7 **Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI):**
 - Giải thưởng Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững (3 năm liên tiếp 2018 - 2020).
 - Giải thưởng Top 10 doanh nghiệp bền vững lĩnh vực thương mại – dịch vụ (2022).
 - 8 **Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam:**
 Nhiều lần trao tặng BIDV danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động.”

E Danh hiệu, giải thưởng tiêu biểu của các tổ chức, định chế tài chính quốc tế

- 1 **Tạp chí Forbes:**
 - Giải thưởng Top 2.000 công ty đại chúng lớn và quyền lực nhất thế giới (8 năm liên tiếp 2015 - 2022).
 - Giải thưởng Top 50 thương hiệu dẫn đầu Việt Nam.
 - Giải thưởng Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam (2021, 2022).
- 2 **Tổ chức Brand Finance:**
 - Giải thưởng Top 200 thương hiệu ngân hàng giá trị nhất toàn cầu (2023).
- 3 **Tạp chí Global Banking & Finance Review (Anh quốc):**

- Giải thưởng Ngân hàng bán buôn số 1 của năm (2021).
 - Giải thưởng Tổ chức tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất Việt Nam (2 năm liên tiếp 2018 - 2019).
 - Giải thưởng Giao dịch phát hành trái phiếu tốt nhất Việt Nam (2019).
 - Giải thưởng Ngân hàng dành cho Khách hàng doanh nghiệp tốt nhất Đông Nam Á (2022).
 - Giải thưởng Ngân hàng cung cấp sản phẩm tài trợ chuỗi cung ứng tốt nhất Việt Nam (2022).
 - Giải thưởng Ngân hàng SME tốt nhất Đông Nam Á (2 năm liên tiếp 2021 - 2022).
 - Giải thưởng Ngân hàng số sáng tạo nhất Việt Nam (2 năm liên tiếp 2021 - 2022).
- 4 ***Tạp chí The Asian Banker:***
- Giải thưởng Ngân hàng cung cấp sản phẩm ngoại hối tốt nhất (2020).
 - Giải thưởng Ngân hàng giao dịch tốt nhất Việt Nam (2020).
 - Giải thưởng Ngân hàng lưu ký – giám sát tốt nhất Việt Nam (2021, 2022).
 - Giải thưởng Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam lần thứ 8 (hạng mục State-owned) (2015-2023).
 - Giải thưởng Dịch vụ ngân hàng cao cấp Private Banking tốt nhất Việt Nam (2023).
 - Giải thưởng Thẻ tín dụng quốc tế tốt nhất Việt Nam (2023).
 - Giải thưởng Sản phẩm Cho vay mua nhà tốt nhất Việt Nam (2023).
- 5 ***Tổ chức thẻ quốc tế Mastercard:***
- Giải thưởng Ngân hàng dẫn đầu về doanh số chấp nhận thanh toán (2022).
 - Giải thưởng Ngân hàng dẫn đầu về doanh số chi tiêu online nước ngoài (2022).
- 6 ***Tạp chí Alpha Southeast Asia (Hong Kong):***
- Giải thưởng Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam (5 năm liên tiếp 2018 - 2022).
- 7 ***Tạp chí Asian Banking & Finance (Singapore):***
- Giải thưởng “Ngân hàng Việt Nam tiêu biểu nhất về Công nghệ và Vận hành” (3 năm liên tiếp 2015 - 2017).
 - Giải thưởng Giải pháp Sản phẩm dịch vụ khách hàng doanh nghiệp sáng tạo tốt nhất Việt Nam (Corporate Client Initiative of the Year) (3 năm liên tiếp 2018 - 2020).
 - Giải thưởng Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam (3 năm liên tiếp 2018 - 2022).
 - Giải thưởng Ngân hàng phục vụ khách hàng FDI tốt nhất Việt Nam (2022).
 - Giải thưởng Ngân hàng cung cấp dịch vụ phái sinh tốt nhất Việt Nam (2022).
 - Giải thưởng Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam (5 năm liên tiếp 2018 - 2022).
- 8 ***Tạp chí International Finance Magazine (IFM):***
- Giải thưởng Thẻ tín dụng tốt nhất Việt Nam (4 năm liên tiếp 2016 - 2019).

- Giải thưởng Dịch vụ thanh toán thẻ POS/ATM tốt nhất (2016, 2017, 2019).
 - Giải thưởng Best Mobile Banking Support dành cho chương trình BIDV SmartBanking (2019).
- 9 **Tạp chí Asiamoney:**
- Ngân hàng nội địa cung cấp dịch vụ quản lý tiền mặt tốt nhất Việt Nam (2020).
 - Đứng đầu các hạng mục trong chương trình Fixed Income Poll 2013 và FX Poll 2013, 2014, 2015 và 2016 do tổ chức bầu chọn, bao gồm:
 - + Ngân hàng cung cấp sản phẩm thị trường vốn nợ xuất sắc nhất Việt Nam.
 - + Ngân hàng cung cấp sản phẩm về lãi suất xuất sắc nhất tại Việt Nam.
 - + Ngân hàng chào bán sản phẩm thị trường vốn nợ và sản phẩm về lãi suất tốt nhất Việt Nam.
 - + Ngân hàng cung cấp dịch vụ phái sinh về tín dụng, lãi suất và hàng hóa tốt nhất Việt Nam.
 - + Ngân hàng có hoạt động nghiên cứu, phân tích và dự báo về kinh tế, thị trường tín dụng và lãi suất tốt nhất Việt Nam.
 - + Ngân hàng nội địa cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam do các Định chế tài chính và các doanh nghiệp bầu chọn.
 - + Ngân hàng có sản phẩm và dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam do các doanh nghiệp bầu chọn.
 - + Ngân hàng có sản phẩm quyền chọn ngoại tệ tốt nhất Việt Nam do các doanh nghiệp bầu chọn.
 - + Ngân hàng có thông tin nghiên cứu, phân tích dự báo thị trường ngoại hối tốt nhất Việt Nam do các doanh nghiệp bầu chọn.
- 10 **Tạp chí Euromoney:**
- Giải thưởng Ngân hàng nội địa cung cấp sản phẩm tài trợ Xuất nhập khẩu tốt nhất Việt Nam (2017).
- 11 **Tạp chí Global Finance:**
- Giải thưởng Ngân hàng có dịch vụ mua bán ngoại tệ tốt nhất Việt Nam (2016).
- 12 **Tạp chí The Asset Trilpe A:**
- Giải thưởng Tổ chức tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất Việt Nam.
 - Giải thưởng Giao dịch phát hành trái phiếu bằng đồng nội tệ tốt nhất Việt Nam (2016).
- 13 **Tạp chí International Business Magazine:**
- Giải thưởng Ngân hàng quản lý rủi ro sáng tạo nhất Việt Nam (2022).
- 14 **Tạp chí Asia Risk:**
- Giải thưởng Ngân hàng của năm (House of the Year) (2017).

Nguồn: BIDV

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ khi BIDV chuyển sang hoạt động theo hình thức ngân hàng cổ phần là 23.011.705.420.000 đồng. Từ đó đến nay, BIDV đã thực hiện tăng vốn 05 lần với chi tiết như sau:



Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
1	06/08/2013	5.100.321.020.000	28.112.026.440.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (tỷ lệ 4,52784%) và chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 17,63655%)	510.032.102	- Nghị quyết số 1335/NQ-HĐQT ngày 09/8/2013 v/v tăng vốn điều lệ và thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ; - Văn bản số 3840/NHNN-TTGSNH ngày 30/5/2013 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 16/GCN-UBCK ngày 10/6/2013 của UBCKNN; - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 1274/BC-HĐQT ngày 05/08/2013; - Công văn số 4492/UBCK-QLPH ngày 06/08/2013 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng; - GCNĐKDN số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 21/08/2013.
2	22/05/2015	3.369.211.000.000	31.481.237.440.000	Phát hành cổ phiếu hoán đổi để sáp nhập với Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long (tỷ lệ hoán đổi 1:1)	336.921.100	- Nghị quyết số 1462/NQ-BIDV ngày 25/05/2015 của Hội đồng quản trị v/v tăng vốn điều lệ và thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ; - Quyết định số 589/QĐ-NHNN ngày 25/4/2015 của NHNN về việc sáp nhập Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long vào Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; - Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi số 19/GCN-UBCK ngày 25/4/2015 của UBCKNN; - Công văn số 2585/UBCK-QLPH ngày 22/05/2015 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước v/v báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi BIDV; - GCNĐKDN số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 14/07/2015.

Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu



3	29/09/2015	2.705.915.900.000	34.187.153.340.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 8,595329%)	270.591.590	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 3155/NQ-BIDV ngày 02/10/2015 của Hội đồng quản trị v/v tăng vốn điều lệ và thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ; - Văn bản số 3626/NHNN-TTGSNH ngày 22/5/2015 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 52/GCN-UBCK ngày 29/7/2015 của UBCKNN; - Công văn số 6209/UBCK-QLPH ngày 30/09/2015 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước v/v xác nhận kết quả chào bán của BID; - GCNĐKDN số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 26/04/2016.
4	31/10/2019	6.033.027.060.000	40.220.180.400.000	Chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài (giá chào bán: 33.640 đồng/cổ phiếu)	603.302.706	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 837/2018/NQ-ĐHĐCD ngày 16/11/2018 của Đại hội đồng cổ đông BIDV v/v thông qua Phương án chào bán cổ phần và tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phần riêng lẻ cho Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài; - Văn bản số 1029/NHNN-TTGSNH ngày 21/02/2019 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Nghị quyết số 696/NQ-BIDV ngày 22/07/2019 của Hội đồng quản trị BIDV v/v thông qua văn kiện giao dịch với nhà đầu tư chiến lược nước ngoài; - Văn bản số 6479/UBCK-QLCB ngày 25/10/2019 của UBCKNN về đã nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ; - GCNĐKDN số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 25 ngày 20/02/2020.

Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu

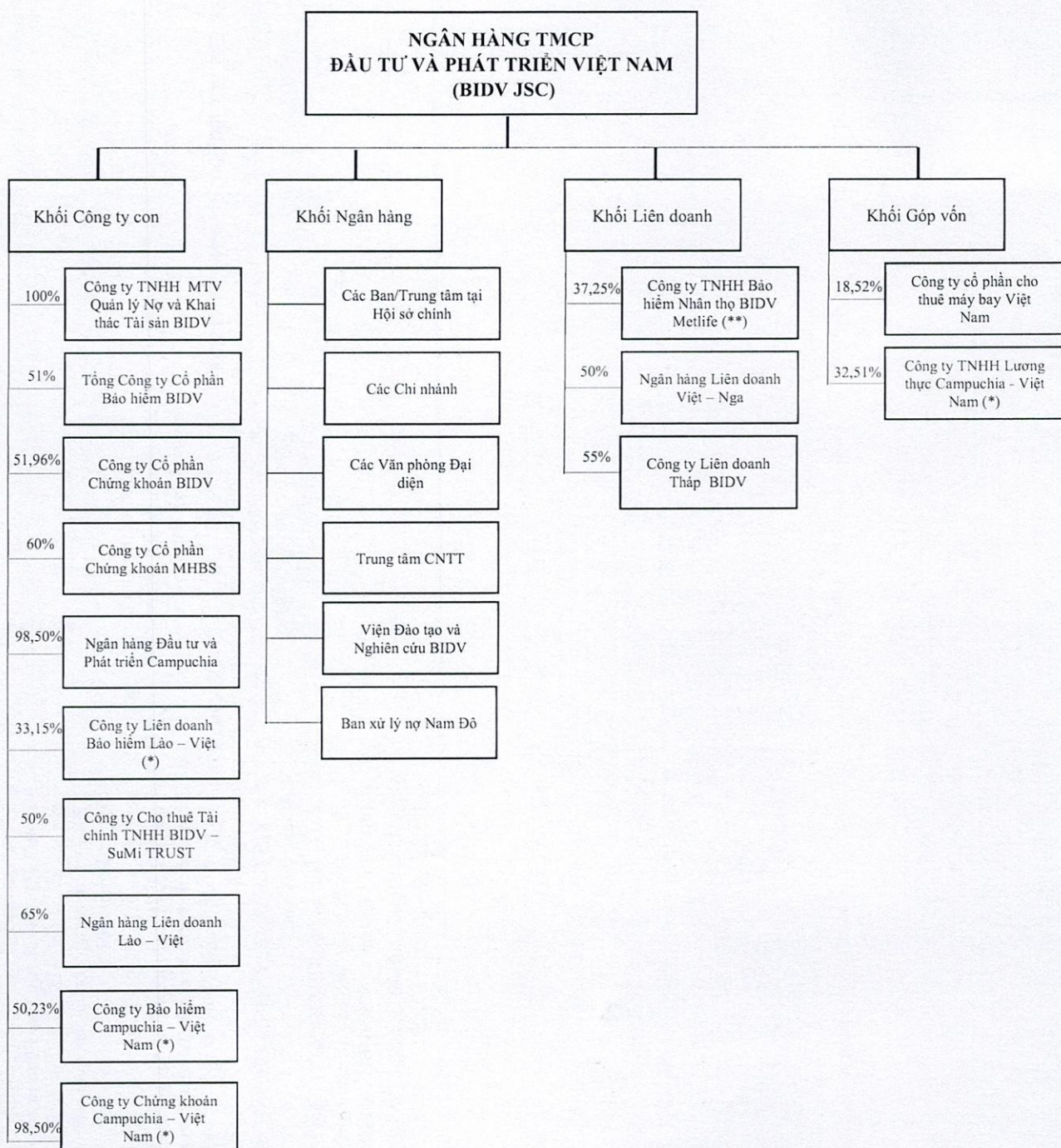


5	31/12/2021	40.220.180.400.000	50.585.238.160.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại lũy kế đến năm 2019 và lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ và chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020	1.036.505.776	<p>- Nghị quyết số 1141/2021/NQ-DHĐCD ngày 05/12/2021 của Đại hội đồng cổ đông BIDV v/v thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2021 thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại lũy kế đến năm 2019 và lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ và chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020;</p> <p>- Nghị quyết số 1159/NQ-BIDV ngày 08/12/2021 của Hội đồng quản trị BIDV v/v phê duyệt triển khai Phương án tăng vốn điều lệ năm 2021 thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại lũy kế đến năm 2019 và lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ và chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020;</p> <p>- Văn bản số 8625/NHNN-TTGSNH ngày 07/12/2021 của NHNN về chấp thuận tăng vốn;</p> <p>- Văn bản số 346/UBCK-QLCB ngày 18/01/2022 của UBCKNN về đã nhận được đầy đủ hồ sơ báo cáo điều chỉnh kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (thay thế Văn bản số 9003/UBCK-QLCB ngày 29/12/2021);</p> <p>- GCNĐKDN số 0100150619 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 01/03/2022.</p>
---	------------	--------------------	--------------------	---	---------------	---

Nguồn: BIDV

2. Cơ cấu tổ chức

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của BIDV



Ghi chú:

(*) Sở hữu gián tiếp qua công ty con.

(**) Sở hữu trực tiếp và sở hữu gián tiếp qua công ty con.

Tính đến thời điểm 31/03/2023, cơ cấu tổ chức của BIDV như sau:

❖ Khối ngân hàng: gồm có

- 01 Trụ sở chính tại Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- 189 chi nhánh tại Việt Nam với chi tiết như bên dưới:

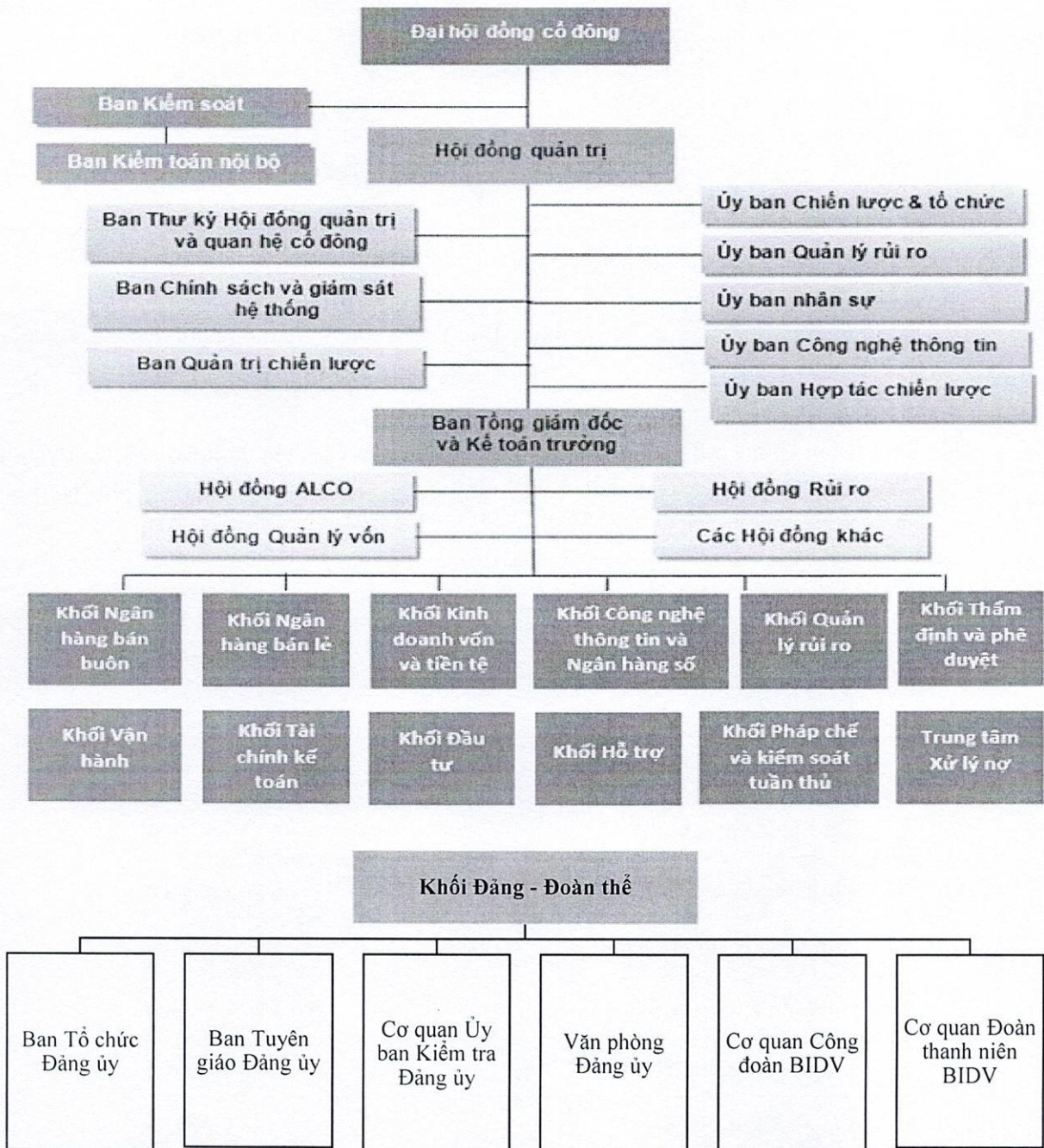
STT	Vị trí địa lý	Số lượng chi nhánh
1	Hà Nội	34
2	Thành phố Hồ Chí Minh	36
3	Địa bàn động lực phía Bắc ngoài Thành phố Hà Nội	18
4	Địa bàn Đồng Bằng Sông Hồng	6
5	Địa bàn miền núi phía Bắc	17
6	Bắc Trung Bộ	14
7	Nam Trung Bộ	15
8	Tây Nguyên	12
9	Địa bàn động lực phía Nam ngoài Thành phố Hồ Chí Minh	15
10	Đồng Bằng Sông Cửu Long	22
	Tổng cộng	189

- 1 chi nhánh nước ngoài tại Myanmar;
 - 895 Phòng Giao dịch;
 - 03 đơn vị sự nghiệp (Trung tâm Công nghệ Thông tin, Trung tâm dịch vụ kho quỹ phía Nam, Viện đào tạo và nghiên cứu);
 - 02 Văn phòng Đại diện tại Việt Nam (Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng);
 - 04 Văn phòng Đại diện tại nước ngoài (Campuchia, Lào, Đài Loan, Liên Bang Nga).
- ❖ Khối công ty con gồm 10 đơn vị, gồm:
- Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản BIDV (BAMC);
 - Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC hoặc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV);
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC hoặc Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV);
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB (MHBS);
 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC);
 - Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt (LVI);
 - Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi TRUST (BSL);
 - Ngân hàng liên doanh Lào-Việt (LVB);
 - Công ty Chứng khoán Campuchia – Việt Nam (CVS);

- Công ty Bảo hiểm Campuchia – Việt Nam (CVI).
- ❖ Khối liên doanh gồm 03 đơn vị:
 - Ngân hàng liên doanh Việt - Nga (VRB);
 - Công ty liên doanh Tháp BIDV;
 - Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife.
- ❖ Khối Góp vốn gồm 02 đơn vị:
 - Công ty cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC);
 - Công ty TNHH Lương thực Campuchia - Việt Nam.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý

Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của BIDV



3.1. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của BIDV, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

Handwritten marks at the bottom right corner.

3.2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành BIDV, thực trạng tài chính BIDV và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát BIDV gồm 02 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Cao Cự Trí	Thành viên Ban Kiểm soát được giao Phụ trách Ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên ban Kiểm soát

Ban Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban Kiểm soát thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ.

3.3. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị BIDV, có toàn quyền nhân danh BIDV để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của BIDV, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị BIDV gồm 10 thành viên.

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Phan Đức Tú	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Ngọc Lâm	Ủy viên
3	Ông Đặng Văn Tuyên	Ủy viên
4	Bà Phan Thị Chinh	Ủy viên
5	Ông Ngô Văn Dũng	Ủy viên
6	Ông Phạm Quang Tùng	Ủy viên
7	Ông Yoo Je Bong	Ủy viên
8	Ông Trần Xuân Hoàng	Ủy viên
9	Ông Lê Kim Hòa	Ủy viên
10	Ông Nguyễn Văn Thạnh	Ủy viên độc lập

Các Ban, Ủy Ban trực thuộc HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc đối với các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT, bao gồm:

- Ủy ban Chiến lược và tổ chức
- Ủy ban Quản lý rủi ro
- Ủy ban nhân sự

- Ủy ban Công nghệ thông tin
- Ủy ban Hợp tác chiến lược BIDV – Hanabank
- Ban Thư ký Hội đồng Quản trị và Quan hệ cổ đông
- Ban Chính sách và Giám sát hệ thống
- Ban Quản trị Chiến lược

3.4. Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm quản lý công việc hàng ngày của BIDV theo Điều Lệ của BIDV. Ban Điều hành chịu sự giám sát của HĐQT.

Ban Điều hành có các hội đồng là Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có, Hội đồng Quản lý vốn, Hội đồng rủi ro, Hội đồng tín dụng Trung ương và một số Hội đồng khác.

Cơ cấu Ban Điều hành BIDV như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc
2	Ông Quách Hùng Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Trần Phương	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Thiên Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Phan Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Hoàng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
8	Ông Trần Long	Phó Tổng Giám đốc
9	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Phó Tổng Giám đốc
10	Ông Sung Ki Jung	Thành viên Ban điều hành
11	Ông Từ Quốc Học	Trưởng Khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ
12	Bà Tạ Thị Hạnh	Kế toán trưởng

3.5. Các khối chức năng tại Hội sở chính:

Hội sở chính của BIDV được tổ chức theo 13 khối chức năng bao gồm:

- ❖ Khối Ngân hàng bán buôn: Chịu trách nhiệm duy trì và phát triển quan hệ của ngân hàng với các khách hàng là tổ chức. Cụ thể, khối này có trách nhiệm giới thiệu các sản phẩm tới các

khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ...; đồng thời chịu trách nhiệm quản lý khả năng sinh lợi của các sản phẩm này.

❖ **Khối Ngân hàng bán lẻ:** Chịu trách nhiệm đối với hoạt động marketing, phát triển và kinh doanh các sản phẩm được chuẩn hóa cho các khách hàng bán lẻ.

❖ **Khối Kinh doanh vốn và tiền tệ:** Chịu trách nhiệm thực hiện giao dịch kinh doanh vốn và tiền tệ phục vụ yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO) cho Sở Ngân hàng, tiếp thị và trực tiếp giao dịch các sản phẩm kinh doanh vốn và tiền tệ với khách hàng và đơn vị kinh doanh trong nội bộ ngân hàng nhằm mục tiêu sinh lời và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

❖ **Khối Công nghệ thông tin và ngân hàng số:** Chịu trách nhiệm phát triển các sản phẩm ngân hàng số hiện đại và quản lý hoạt động công nghệ thông tin của ngân hàng.

❖ **Khối Quản lý rủi ro:** Chịu trách nhiệm kiểm soát các hoạt động tín dụng và các rủi ro khác mà ngân hàng có thể gặp phải. Khối này thực hiện kiểm tra các hoạt động kinh doanh tiềm năng được các khối kinh doanh khác đề xuất.

❖ **Khối Thẩm định và phê duyệt:** Chịu trách nhiệm thẩm định độc lập các đề xuất cấp tín dụng, đầu tư, cấp hạn mức giao dịch tương lai hàng hóa từ các bộ phận kinh doanh, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp tín dụng/cấp hạn mức giao dịch tương lai hàng hóa theo thẩm quyền được giao.

❖ **Khối Vận hành:** Chịu trách nhiệm về các khoản thanh toán và thu chi trực tiếp, cụ thể: Thanh toán trong nước, chuyển tiền quốc tế và chuyển điện SWIFT; quản lý các khoản vay, dịch vụ khách hàng, dịch vụ kho quỹ và hoạt động tài trợ thương mại.

❖ **Khối Tài chính Kế toán:** Phụ trách thông tin về tài chính kế toán của ngân hàng và các công ty con, truyền tải thông tin quản lý về bộ phận kế toán Trụ sở chính và kế toán chung; quản lý tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm phân tích tài chính và giám sát.

❖ **Khối Đầu tư:** Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động đầu tư của toàn hệ thống.

❖ **Khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ:** Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tính tuân thủ của các đơn vị, bộ phận trong hệ thống BIDV và công tác pháp chế của ngân hàng.

❖ **Khối Hỗ trợ:** Thực hiện hỗ trợ các hoạt động kinh doanh nói chung và tổng thể của ngân hàng.

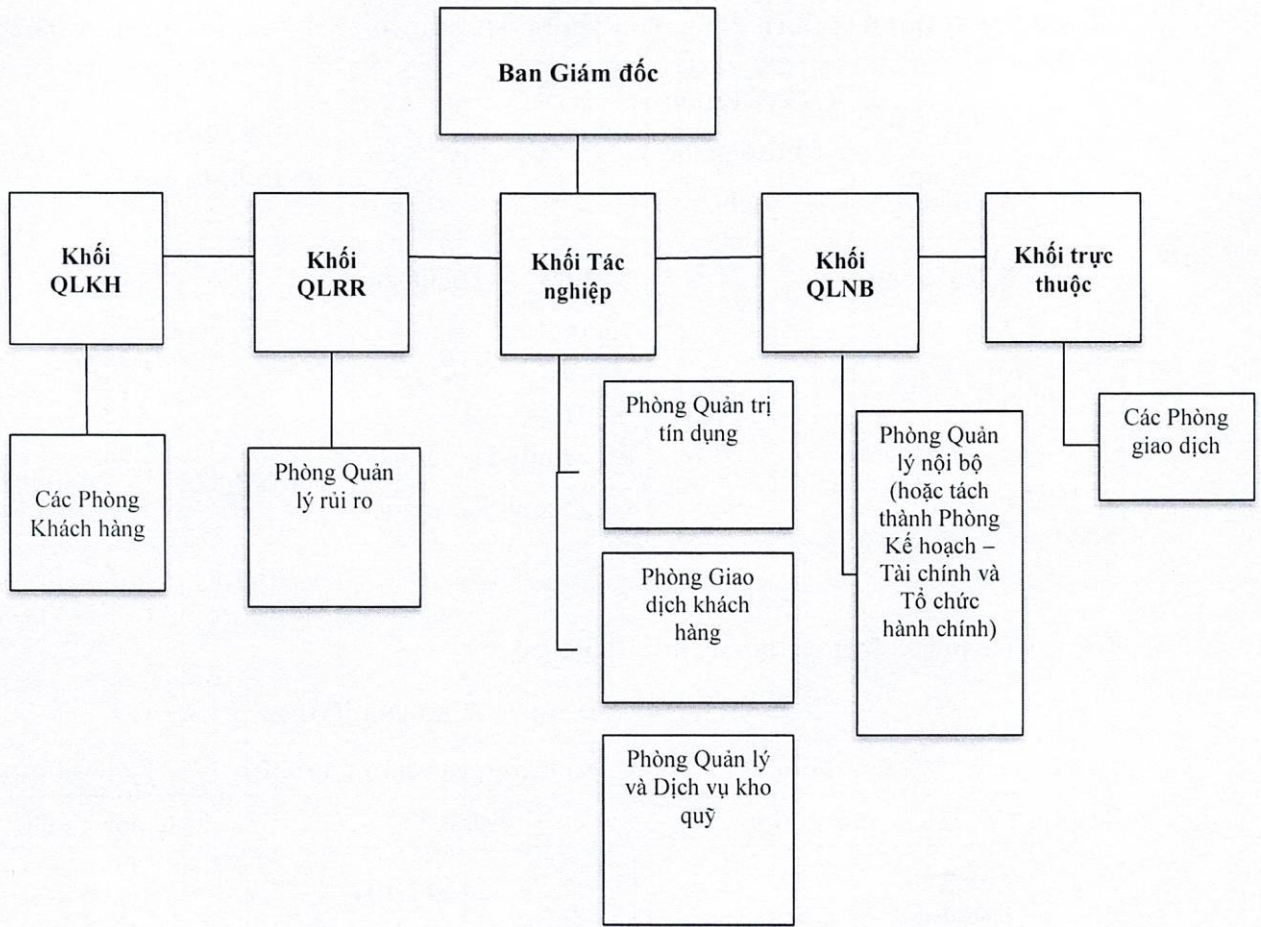
❖ **Trung tâm Xử lý nợ** là đơn vị độc lập thuộc cơ cấu tổ chức của Hội sở chính, chịu trách nhiệm quản lý, xử lý và thu hồi các khoản nợ có vấn đề của toàn hệ thống BIDV.

❖ **Khối Đảng – Đoàn thể** trực thuộc Đảng ủy Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bao gồm các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy BIDV.

3.6. Cấu trúc các chi nhánh

Tính đến tháng 4/2023, BIDV có 190 chi nhánh (bao gồm 189 chi nhánh tại Việt Nam và 01 chi nhánh nước ngoài). Mô hình chi nhánh tại Việt Nam có cơ cấu tổ chức như sau:

Hình 3: Mô hình tổ chức các chi nhánh của BIDV



(1) Cơ cấu tổ chức thông thường của chi nhánh bao gồm Ban Giám đốc và các Khối chức năng giúp việc cho Ban Giám đốc như sau:

- Khối Quản lý khách hàng: Gồm các Phòng khách hàng
- Khối Quản lý rủi ro: Gồm Phòng quản lý rủi ro
- Khối Tác nghiệp: Gồm Phòng Quản trị tín dụng, Phòng Giao dịch khách hàng, Phòng/Tổ Quản lý và Dịch vụ kho quỹ
- Khối Quản lý nội bộ: Gồm Phòng Quản lý nội bộ (hoặc tách thành Phòng Kế hoạch – Tài chính và Tổ chức hành chính)
- Khối trực thuộc: Gồm các Phòng Giao dịch

(2) Phòng Quản lý và dịch vụ kho quỹ chỉ có tại các chi nhánh có quy mô giao dịch lớn

(3) Chi nhánh ĐBSCL không có các Phòng Khách hàng cá nhân và Khối trực thuộc

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông sáng lập

Không có

Handwritten mark

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/03/2023

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/03/2023

STT	Tên cổ đông	GCNĐKDN/ Mã số giao dịch	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15/SL	49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	4.096.775.461	80,99%
2	KEB Hana Bank	CC2259	35 Eulji-ro, Jung-Gu, Seoul, Korea	758.778.572	14,999999%

Nguồn: Danh sách cổ đông của BIDV chốt tại ngày 31/03/2023

4.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/03/2023

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông của BIDV

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ phiếu phổ thông	5.058.523.816	100
1	Cá nhân Trong đó:	28.517.101	0,56
A	Trong nước	26.868.400	0,53
B	Ngoài nước	1.648.701	0,03
2	Tổ chức Trong đó:	5.030.006.715	99,44
A	Trong nước	4.157.631.293	82,19
B	Ngoài nước	872.375.422	17,24
II	Cổ phiếu ưu đãi	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0
	Tổng cộng	5.058.523.816	100

Nguồn: Danh sách cổ đông của BIDV chốt tại ngày 31/03/2023

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Công ty mẹ của BIDV, tổ chức nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với BIDV

BIDV hiện có 01 cơ quan nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với BIDV là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cụ thể như sau:

- Tên: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN).
- Địa chỉ: số 49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Ngân hàng nhà nước Việt Nam tiền thân là Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, được thành lập ngày 06/05/1951 theo sắc lệnh số 15/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 26/10/1961, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chính:
 - NHNN là cơ quan ngang bộ của Chính phủ và là Ngân hàng trung ương của Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng Ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.
 - Hoạt động của NHNN là nhằm ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm sự an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- Vốn điều lệ: Không có, vì NHNN là cơ quan quản lý Nhà nước.
- Số lượng cổ phần và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của NHNN tại BIDV (tại thời điểm 31/03/2023) là 4.096.775.461 cổ phần, chiếm 80,99% vốn điều lệ.

5.2. Danh sách các công ty con của BIDV:

Bảng 5: Danh sách các công ty con tại thời điểm 31/03/2023

T T	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ đã đăng ký/Vốn điều lệ thực góp	Vốn đăng ký/Vốn thực góp của BIDV	Tỷ lệ sở hữu của BIDV tại 31/03/2023
1	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV – SuMi TRUST (“BSL”)	Tầng 23, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	Cho thuê tài chính	895,6 tỷ đồng	448 tỷ đồng	50,00%
2	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản BIDV (“BAMC”)	Tầng 12, số 263 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Tài chính	100 tỷ đồng	100 tỷ đồng	100,00%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (“BSC”)	Tầng 8, 9 Tòa nhà Thái Holdings, 210 Đường Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Thị trường vốn	1.878 tỷ đồng	976 tỷ đồng	51,96%
4	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (“BIC”)	số 263 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Bảo hiểm	1.172 tỷ đồng	598 tỷ đồng	51,00%
5	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (“LVI” (*))	3rd Floor, LVB Tower, No 44, Lanexang Avenue, Hatsady Village, Chamthabouly District, Vientiane, Lao PDR	Bảo hiểm	3.000.000 USD	0	33,15%

T T	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ đã đăng ký/Vốn điều lệ thực góp	Vốn đăng ký/Vốn thực góp của BIDV	Tỷ lệ sở hữu của BIDV tại 31/03/2023
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB (“MHBS”)	153 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Thị trường vốn	170 tỷ đồng	102 tỷ đồng	60,00%
7	Ngân hàng Đầu tu và Phát triển Campuchia (“BIDC”)	No 235, Preah Norodom Blvd, Sangkat Tonle Bassac, Khan Chamkamorn, Phnom Penh, Cambodia	Tài chính/ Ngân hàng	100.000.000 USD	98.500.000 USD	98,50%
8	Ngân hàng Liên doanh Lào – Việt (“LVB”)	LVB Tower, No 44 Lane Xang Blvd, Vientiane, Lao PDR	Ngân hàng	791.357.560. 000 LAK	1.294 tỷ đồng	65,00%
9	Công ty Chứng khoán Campuchia – Việt Nam (“CVS”) (*)	No 235, Preah Norodom Blvd, Sangkat Tonle Bassac, Khan Chamkamorn, Phnom Penh, Cambodia	Chứng khoán	1.500.000 USD	0	98,50%
10	Công ty Bảo hiểm Campuchia – Việt Nam (“CVI”) (*)	8th Floor, No 398 Monivong Beungkeng Kang 1, Charnkar Mon Phnom Penh Cambodia	Bảo hiểm	7.000.000 USD	0	50,23%

Nguồn: BIDV

(*) Sở hữu gián tiếp qua công ty con.

5.3. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với BIDV

Bảng 6: Danh sách các công ty liên doanh liên kết tại thời điểm 31/03/2023

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ đã đăng ký/Vốn điều lệ thực góp	Vốn đăng ký/Vốn thực góp của BIDV	Tỷ lệ sở hữu của BIDV tại 31/03/2023
I. Công ty liên doanh						
1	Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga (“VRB”)	Số 75 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Tài chính/Ngân hàng	3.008 tỷ đồng	1.505 tỷ đồng	50,00%
2	Công ty liên doanh Tháp BIDV (“BIDV Tower”)	Tầng 13, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hà Nội	Xây dựng, vận hành và quản lý khối văn phòng làm việc	209 tỷ đồng	115 tỷ đồng	55,00%
3	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV Metlife (“BML”) (**)	Tầng 10 Tháp A Vincom, 191 Bà Triệu – Hà Nội	Bảo hiểm	1.145 tỷ đồng	451 tỷ đồng	37,25%
II. Công ty liên kết						
1	Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam (“VALC”)	Số 18, Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Mua và cho thuê máy bay	1.318 tỷ đồng	244 tỷ đồng	18,52%
2	Công ty TNHH Lương thực Campuchia - Việt Nam (“Cavifood”) (*)	National Route 5, Spean Khpus Vilage, Sangkat Kilomet 6, Khan RusseyKeo District, Phnompenh, Cambodia	Kinh doanh lương thực và sản phẩm nông nghiệp	8.000.000 USD	0	32,51%

Nguồn: BIDV

(*) Sở hữu gián tiếp qua công ty con.

(**) Sở hữu trực tiếp và gián tiếp qua công ty con.

5.4. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối BIDV

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cổ đông lớn của BIDV, nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối BIDV, cụ thể như sau:

- NHNN đóng vai trò là Cổ đông Nhà nước và là Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại BIDV.
- Trụ sở chính của NHNN đặt tại số 49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- NHNN tiền thân là Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, được thành lập vào ngày 06/05/1951 theo Sắc lệnh số 15/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 26/10/1961, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chính:
- + NHNN là cơ quan ngang bộ của Chính phủ và là Ngân hàng trung ương của Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng Ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.
- + Hoạt động của NHNN là nhằm ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm sự an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- Vốn điều lệ: Không có, vì NHNN là cơ quan quản lý Nhà nước.
- Giá trị và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của NHNN tại BIDV (tại thời điểm 31/03/2023): 40.967.754.610.000 đồng, chiếm 80,99% vốn điều lệ.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Ngành nghề kinh doanh chính

6.1.1. Chủn loại và chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- ❖ Sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp:
 - Sản phẩm tín dụng: BIDV hiện có đa dạng các nhóm sản phẩm tín dụng dành cho KHDN, trong đó bên cạnh các phẩm tín dụng truyền thống như cho vay ngắn hạn – trung dài hạn, cho vay thấu chi, cho vay tuần hoàn, bảo lãnh, chiết khấu, thẻ tín dụng doanh nghiệp ... hiện còn có Gói sản phẩm chuyên biệt theo ngành: cho vay thi công xây lắp, gói sản phẩm tài trợ ngành Dược phẩm, ... Ngoài các sản phẩm tín dụng, BIDV còn xây dựng các cơ chế đặc thù cho từng đối tượng khách hàng (Cơ chế cấp tín dụng đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, cơ chế tín dụng đặc thù dành cho khách hàng DNNVV, Chính sách cấp tín dụng đối với KHDNNN lớn, rất lớn, Chính sách bảo lãnh tạm ứng đặc thù đối với KH thi công xây lắp, ...) đồng thời hàng năm căn cứ tình hình thị trường, BIDV sẽ xây dựng Gói tín dụng ưu đãi lãi suất cho các KHDN theo từng đối tượng cụ thể (theo phân khúc, theo ngành nghề, theo kỳ hạn, ...).
 - Sản phẩm tiền gửi: Bên cạnh danh mục sản phẩm dùng chung cho đối tượng khách hàng doanh nghiệp đã khá đa dạng và tương đồng với các Ngân hàng thương mại khác trên thị trường, BIDV thường xuyên nắm bắt nhu cầu gửi tiền/quản lý dòng tiền đặc biệt của khách hàng để kịp thời nghiên cứu, thiết kế sản phẩm tiền gửi đặc thù cho từng khách hàng/nhóm khách hàng doanh nghiệp nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu đặc thù của doanh nghiệp, từ đó góp phần duy trì và gia tăng nguồn tiền gửi ổn định vào hệ thống BIDV (như sản phẩm tiền gửi ký quỹ, tiền gửi chuyên dùng dành cho khách hàng tổ chức, dịch vụ quản lý tài khoản Escrow, tiền gửi có kỳ hạn online trên BIDV iBank, tiền gửi đặc thù dành cho Ban quản trị nhà chung cư, Cục/chi cục thi hành án, công đoàn cơ sở của các trường học, đơn vị hành chính sự nghiệp khác...)
 - Các sản phẩm dịch vụ khác: ngoài các sản phẩm liên quan tới huy động vốn và tín dụng,

BIDV hiện đang cung cấp các sản phẩm phi tín dụng đa dạng tới khách hàng doanh nghiệp bao gồm tài trợ thương mại, thanh toán và quản lý tiền mặt.... Đối với dòng sản phẩm tài trợ thương mại, bên cạnh các sản phẩm truyền thống (LC, nhờ thu, chiết khấu), BIDV còn cung cấp nhiều sản phẩm đặc thù như cho vay thực hiện hợp đồng xuất khẩu, Tài trợ nhập khẩu theo hợp đồng khung, tài trợ thương mại theo hạn mức tín dụng tự động, tài trợ nhập khẩu đảm bảo bằng lô hàng nhập, UPAS L/C, UPAS nhờ thu, UPAS VNĐ, Chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất, Forfaiting, Tài trợ L/C nội địa, L/C giáp lưng... Đồng thời BIDV cũng đã triển khai dịch vụ TTTM trên kênh số (iBank) để phát triển nền khách hàng sử dụng đa dạng các sản phẩm, dịch vụ trên kênh số và hỗ trợ khách hàng ở xa địa bàn. Ngoài ra, BIDV cũng đang phát triển các dòng sản phẩm tài trợ chuỗi cung ứng rất phong phú và đa dạng như bao thanh toán, tài trợ doanh nghiệp cung ứng, tài trợ nhà phân phối trong các lĩnh vực tiềm năng, tài trợ các chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp đầu ngành, triển khai chương trình phần mềm tài trợ chuỗi BIDV SCF nhằm tăng cường minh bạch hóa tài chính và khả năng tiếp cận công nghệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đối với dòng sản phẩm thanh toán và quản lý tiền mặt BIDV cung cấp các sản phẩm như: Thanh toán lương, Nộp Ngân sách nhà nước và các khoản thu khác, BIDV iBank ...

- Dịch vụ Ngân hàng số: thời gian qua, BIDV đã tập trung đẩy mạnh số hoá sản phẩm dịch vụ, ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến trên thế giới nhằm nâng cao tiện ích cho khách hàng và đáp ứng yêu cầu số hoá hoạt động quản lý tài chính của các doanh nghiệp như: dịch vụ Thu hộ qua tài khoản định danh (Virtual Account), liên kết với các fintech như FAST, MISA, KIU ... cung cấp dịch vụ BIDV iConnect cho phép doanh nghiệp sử dụng dịch vụ ngân hàng ngay trên phần mềm ERP, triển khai dịch vụ thu phí lệ phí cảng biển, thiết kế các gói Quản lý dòng tiền tập trung theo đặc thù các tập đoàn/tổng công ty lớn, tăng cường quan hệ chặt chẽ với khách hàng, đẩy mạnh thu dịch vụ và thu hút nguồn tiền nhàn rỗi từ khách hàng.

❖ Sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng cá nhân:

Năm 2023, BIDV tiếp tục triển khai nhiều sản phẩm ứng dụng công nghệ số, kết hợp với việc xây dựng một hành trình khách hàng khép kín, đưa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số trở thành lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ. Danh mục sản phẩm bán lẻ của BIDV hiện nay gồm hơn 100 sản phẩm, chia thành một số nhóm sản phẩm chính như sau:

- Tiền gửi là sản phẩm có thế mạnh của BIDV và có ưu thế vượt trội về quy mô so với các ngân hàng thương mại khác trên thị trường. Tổng quy mô huy động vốn dân cư của BIDV đến 31/03/2023 đạt hơn 810.280 tỷ đồng, chiếm hơn 47% tổng huy động vốn của BIDV. Để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, BIDV đã triển khai nhiều sản phẩm huy động theo từng đối tượng khách hàng với cơ cấu kỳ hạn hợp lý cùng các chương trình khuyến mại hấp dẫn như gói sản phẩm dành cho khách hàng đồ lương, khách hàng sinh viên, khách hàng là doanh nhân, tiểu thương, nhận trợ cấp, khách hàng là nhân viên văn phòng và các sản phẩm vốn đầu tư chuyên dùng. Bên cạnh các sản phẩm tiền gửi truyền thống, BIDV đã tích cực triển khai sản phẩm Tiền gửi Online qua Smartbanking tạo thiện cảm rất tốt với khách hàng, giúp khách hàng vượt qua các giới hạn về thời gian cũng như không gian trong việc quản lý tài sản của mình. BIDV đã triển khai sản phẩm Tiền gửi Tích lũy Online, tích lũy Ước Mơ, Tích lũy mua nhà An Phú Gia trên Smartbanking với các sản phẩm đa dạng phù hợp với nhu cầu và mục đích khách hàng. Ngoài ra để đẩy mạnh và thu hút khách hàng sử dụng kênh số, BIDV đã triển khai hình thức đăng ký mở tài khoản, Smartbanking, thẻ dành cho khách hàng mới bằng hình thức eKYC, khách hàng không cần ra quầy có thể đăng ký sử dụng dịch vụ ngay tại nhà.



- Cho vay bán lẻ cũng là sản phẩm lợi thế của BIDV với quy mô dư nợ bán lẻ dẫn đầu thị trường. Đến 31/03/2023, tổng dư nợ bán lẻ đạt ~ 672,838 tỷ đồng, tăng trưởng xấp xỉ 4% so với 31/12/2022. Hoạt động tín dụng bán lẻ của BIDV tiếp tục giữ vững vị thế và ngày càng vượt xa về quy mô dư nợ TDBL so với các Ngân hàng khác trong khối NHTMCP, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trên 20%. Trong các sản phẩm cho vay, BIDV đặc biệt có ưu thế với sản phẩm cho vay nhà ở, đây là sản phẩm 4 năm liên tiếp được bình chọn là sản phẩm cho vay tốt nhất Việt Nam của tạp chí The Asian Banker. Với sự phát triển của công nghệ số, sản phẩm cho vay nhanh Quick Loan qua ứng dụng Smart Banking mới ra đời cũng đã đạt giải sản phẩm cho vay tốt nhất năm 2021. Đồng thời, BIDV đã triển khai sản phẩm cho vay cầm cố tiền gửi online trên ứng dụng Smartbanking từ đầu năm 2022.

Hiện tại, BIDV triển khai hệ thống khởi tạo khoản vay bán lẻ (RLOS) để rút ngắn thời gian phê duyệt tín dụng, nâng cao hiệu suất phục vụ khách hàng. Trong thời gian tới, BIDV tiếp tục nghiên cứu phát triển các dự án số hóa, chuẩn hóa sản phẩm tín dụng để gia tăng tiện ích và thuận tiện đối với khách hàng, đa dạng kênh bán hàng, đa dạng hóa sản phẩm tín dụng bán lẻ, tăng khả năng cạnh tranh của BIDV trên thị trường, tăng hàm lượng công nghệ đối với sản phẩm tín dụng bán lẻ của BIDV cũng như giảm thời gian tác nghiệp của cán bộ, giảm thiểu thủ tục hồ sơ chứng từ, tiết kiệm thời gian của khách hàng.

- Dịch vụ thanh toán cá nhân là sản phẩm truyền thống và đóng góp lớn trong tổng thu dịch vụ bán lẻ của BIDV. Với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực thanh toán nội địa và quốc tế, BIDV đã xây dựng nhiều sản phẩm, dịch vụ thanh toán cho khách hàng với nhiều lợi ích vượt trội, thời gian xử lý nhanh chóng, chính xác, mức độ bảo mật cao. Bên cạnh hệ thống SWIFT GPI (Global Payments Innovation) được triển khai từ tháng 09/2018 hỗ trợ khách hàng chuyển tiền ra nước ngoài nhanh chóng, an toàn và tiện lợi, BIDV cũng đã hợp tác với các định chế tài chính, đối tác quốc tế triển khai các sản phẩm kiều hối mới cung cấp cho khách hàng như dịch vụ chuyển tiền 247 hợp tác với KebHanabank, dịch vụ nhận tiền kiều hối Ria, KoronaPay...
- Dịch vụ ngân hàng số là sản phẩm mới nhất song có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ nhất trong danh mục sản phẩm của BIDV. Số lượng khách hàng cá nhân sử dụng dịch vụ ngân hàng số khoảng 10 triệu khách hàng. BIDV là ngân hàng kết nối nhiều nhất với các công ty Fintech với 30/41 trung gian thanh toán và hơn 1000 nhà cung cấp dịch vụ trực tiếp để triển khai các dịch vụ thanh toán tiền điện, nước, học phí, viễn thông, chứng khoán. BIDV thường xuyên nâng cấp các sản phẩm ngân hàng điện tử và bổ sung các tính năng số hóa cho các sản phẩm đặc biệt là sản phẩm số chiến lược BIDV Smartbanking; trong đó có một số tính năng nổi trội mới triển khai như: Mở rộng triển khai công nghệ AI nhận diện giọng nói trên Smartbanking, xây dựng bàn phím thông minh trên Smartbanking, triển khai giải pháp Smart OTP thay cho tin nhắn qua SMS tích hợp sẵn trong Smartbanking đảm bảo an toàn, tiết kiệm, triển khai hệ thống tích điểm đổi quà, đăng ký nhận thông báo cước tiền điện, tiền nước viễn thông truyền hình qua tin nhắn OTT, thông báo chương trình khuyến mại/dịch vụ mới và nhiều tiện ích khác được tích hợp.

6.1.2. Hoạt động huy động vốn

Huy động vốn là nghiệp vụ ngân hàng huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của khách hàng là tổ chức và cá nhân trên nguyên tắc có hoàn trả gốc và lãi để hình thành nên nguồn vốn huy động đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

BIDV thực hiện huy động vốn trên các nguyên tắc: Tuân thủ quy định của pháp luật, chính sách tiền tệ của NHNN trong từng thời kỳ; Đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên gửi tiền và BIDV theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ; Thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết với khách hàng, các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản của khách hàng và ngân hàng trong huy động vốn; Gắn liền với sử dụng vốn đảm bảo mục tiêu an toàn, hiệu quả theo quy định của pháp luật và phù hợp với định hướng của HĐQT trong từng thời kỳ.

Để đảm bảo nhu cầu nguồn vốn trong từng thời kỳ, BIDV thực hiện huy động vốn theo nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng với các đặc điểm khác nhau: huy động vốn từ cá nhân, tổ chức kinh tế, định chế tài chính phi tín dụng qua các sản phẩm tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá; huy động vốn từ nguồn ủy thác của các tổ chức trong nước, nước ngoài; vay tổ chức tín dụng trong nước, nước ngoài... Bên cạnh các sản phẩm truyền thống phục vụ tại quầy giao dịch, với định hướng phát triển ngân hàng hiện đại hội nhập quốc tế, BIDV cũng đã triển khai nhiều sản phẩm huy động vốn ứng dụng công nghệ cao, mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng. Các sản phẩm tiền gửi tiêu biểu hiện tại bao gồm:

- Tiền gửi thanh toán: dành cho khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán mở tại Ngân hàng với mục đích gửi, giữ tiền hoặc thực hiện các giao dịch thanh toán qua Ngân hàng bằng các phương tiện thanh toán. Tài khoản thanh toán gắn với nhiều dịch vụ tiện ích như dịch vụ thẻ, dịch vụ ngân hàng điện tử, chuyển tiền ...
 - Tài khoản thanh toán đặc biệt: Tiền gửi chuyên dùng đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam; Tiền gửi đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam; Tiền gửi ký quỹ; Tiền gửi chuyên thu; Tiền gửi thanh toán chuyên dùng.
 - Tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn dành cho khách hàng với mức lãi suất hấp dẫn. Một số sản phẩm tiền gửi kỳ hạn BIDV cung cấp:
 - ✓ Sản phẩm tiền gửi thông thường;
 - ✓ Tiền gửi Online: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn được mở qua ứng dụng Smartbanking;
 - ✓ Nhóm sản phẩm tiền gửi tích lũy: Là sản phẩm tiền gửi kỳ hạn, khách hàng có thể gửi định kỳ tự động vào ngày mở tài khoản hàng tháng của khách hàng nhằm tích lũy cho nhu cầu tương lai, sản phẩm tiền gửi: Tích lũy trẻ em “Lớn lên cùng yêu thương”, Tiền gửi Tích lũy Bảo An; Tiền gửi tích lũy cho khách hàng doanh nghiệp;....
 - ✓ Tiền gửi như ý: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn mà khách hàng có thể lựa chọn kỳ hạn gửi tiền theo ngày phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn nhằm tối đa lợi ích cho khoảng thời gian vốn nhàn rỗi.
 - ✓ Tiền gửi tiết kiệm thông minh: Là sản phẩm tiền gửi có ngày đáo hạn tự động chuyển sang ngày làm việc tiếp theo nếu ngày đáo hạn của tài khoản trùng với ngày nghỉ/lễ để đảm bảo quyền lợi cho khách hàng.
- Nguồn vốn huy động của BIDV bao gồm:
- Tiền gửi của khách hàng.
 - Phát hành giấy tờ có giá.

- Các khoản nợ Chính Phủ và NHNN.
- Tiền gửi và vay các TCTD khác.

Bảng 7: Nguồn vốn huy động giai đoạn 2021 – 31/03/2023

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		Tăng trưởng 2022/2021	31/03/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Theo BCTC hợp nhất							
Tiền gửi của khách hàng	1.380.398	84,82%	1.473.598	75,16%	6,75%	1.497.395	77,28%
Phát hành giấy tờ có giá	123.682	7,60%	157.052	8,01%	26,98%	169.979	8,77%
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	25.340	1,56%	152.753	7,79%	502,81%	123.422	6,37%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	98.007	6,02%	177.221	9,04%	80,82%	146.847	7,58%
Tổng cộng	1.627.427	100%	1.960.624	100%	20,47%	1.937.643	100%
Theo BCTC riêng lẻ							
Tiền gửi của khách hàng	1.361.008	85,21%	1.456.810	75,35%	7,04%	1.479.268	77,47%
Phát hành giấy tờ có giá	122.709	7,68%	157.182	8,13%	28,09%	170.834	8,95%
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	23.849	1,49%	151.710	7,85%	536,13%	122.325	6,41%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	89.601	5,61%	167.635	8,67%	87,09%	136.929	7,17%
Tổng cộng	1.597.167	100%	1.933.337	100%	21,05%	1.909.356	100%

Nguồn: BCTC riêng lẻ, hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, BCTC riêng lẻ, hợp nhất Quý I/2023 đã công bố

Tại thời điểm 31/03/2023, tổng nguồn vốn huy động trên BCTC hợp nhất và riêng lẻ lần lượt đạt 1.937.643 tỷ đồng và 1.909.356 tỷ đồng. Nguồn vốn huy động đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng vốn, đảm bảo an toàn thanh khoản hệ thống. Kết quả trên thể hiện vị thế của BIDV trên thị trường và sự gắn bó, tín nhiệm của khách hàng đối với BIDV trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt trên thị trường.

➤ **Tiền gửi của khách hàng:** Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trên 75% tổng nguồn huy động vốn của BIDV trong giai đoạn 2021 - 2022.

Bảng 8: Cơ cấu tiền gửi khách hàng giai đoạn 2021-31/03/2023

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	Tăng trưởng 2022/2021	31/03/2023
Theo BCTC hợp nhất					
Tổng tiền gửi khách hàng		1.380.398	1.473.598	6,75%	1.497.395
1	Phân theo kỳ hạn (%)				
	Không kỳ hạn	19,37%	18,36%	1,20%	15,85%
	Tiền gửi có kỳ hạn	80,25%	81,13%	7,92%	83,80%
	Tiền gửi vốn chuyên dụng	0,38%	0,51%	41,64%	0,35%
2	Phân theo loại tiền (%)				
	VND	94,69%	92,90%	4,73%	93,55%
	Ngoại tệ	5,31%	7,10%	42,89%	6,45%
Theo BCTC riêng lẻ					
Tổng tiền gửi khách hàng		1.361.008	1.456.810	7,04%	1.479.268
1	Phân theo kỳ hạn (%)				
	Không kỳ hạn	19,31%	18,27%	1,27%	15,70%
	Tiền gửi có kỳ hạn	80,30%	81,22%	8,26%	83,95%
	Tiền gửi vốn chuyên dụng	0,39%	0,51%	41,64%	0,36%
2	Phân theo loại tiền (%)				
	VND	96,16%	94,07%	4,72%	94,81%
	Ngoại tệ	3,84%	5,93%	65,15%	5,19%

Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, BCTC riêng lẻ, hợp nhất Quý I/2023 đã công bố

Về kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn luôn đóng góp trên 80% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn. Tại 31/12/2022, tổng tiền gửi nội tệ của BIDV trên BCTC hợp nhất và riêng lẻ lần lượt đạt 1.368.930 tỷ đồng và 1.370.448 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 4,73% và 4,72% so với thời điểm 31/12/2021. Tại thời điểm 31/03/2023, tiền gửi có kỳ hạn của BIDV trên BCTC hợp nhất và riêng lẻ lần lượt đạt 1.254.761 tỷ đồng và 1.241.793 tỷ đồng.

Bảng 9: Huy động tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn giai đoạn 2021-31/03/2023

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Tăng trưởng 2022/2021	31/03/2023
Theo BCTC hợp nhất				
Không kỳ hạn	267.331	270.547	1,20%	237.335
Có kỳ hạn	1.107.781	1.195.563	7,92%	1.254.761
Tiền gửi vốn chuyên dụng	5.287	7.488	41,63%	5.300

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Tăng trưởng 2022/2021	31/03/2023
Tổng	1.380.398	1.473.598	6,75%	1.497.395
Theo BCTC riêng lẻ				
Không kỳ hạn	262.783	266.123	1,27%	232.174
Có kỳ hạn	1.092.938	1.183.199	8,26%	1.241.793
Tiền gửi vốn chuyên dụng	5.287	7.488	41,64%	5.300
Tổng	1.361.008	1.456.810	7,04%	1.479.268

Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, BCTC riêng lẻ, hợp nhất Quý I/2023 đã công bố

Tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi khách hàng của BIDV (trên 90%). Tại 31/03/2023, tổng tiền gửi nội tệ của BIDV trên BCTC hợp nhất và riêng lẻ lần lượt đạt 1.400.843 tỷ đồng và 1.402.577 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 2,33% và 2,34% so với thời điểm 31/12/2022.

Bảng 10: Huy động tiền gửi khách hàng theo đồng tiền giai đoạn 2021-31/03/2023

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Tăng trưởng 2022/2021	31/03/2023
Theo BCTC hợp nhất				
VND	1.307.147	1.368.930	4,73%	1.400.843
Ngoại tệ	73.251	104.668	42,89%	96.552
Tổng	1.380.398	1.473.598	6,75%	1.497.395
Theo BCTC riêng lẻ				
VND	1.308.716	1.370.448	4,72%	1.402.557
Ngoại tệ	52.292	86.362	65,15%	76.710
Tổng	1.361.008	1.456.810	7,04%	1.479.268

Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, BCTC riêng lẻ, hợp nhất Quý I/2023 đã công bố

6.1.3. Hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng luôn là hoạt động cốt lõi trong sự phát triển của BIDV. Tại thời điểm 31/03/2023, BIDV có tổng dư nợ cho vay khách hàng tổ chức kinh tế và dân cư hợp nhất đạt 1.597.152 tỷ đồng. BIDV hiện là một trong những ngân hàng có thị phần dư nợ tín dụng lớn nhất tại Việt Nam. Thu nhập từ hoạt động cho vay chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu thu nhập của BIDV.

❖ Quy mô và tốc độ tăng trưởng tín dụng

Tăng trưởng tín dụng của BIDV tại 31/12/2022 theo BCTC hợp nhất và riêng lẻ lần lượt đạt mức 12,37% và 12,74%, tại 31/03/2023 lần lượt đạt mức 4,92% và 5,00%, tuân thủ giới hạn tín dụng của NHNN. Mục tiêu của BIDV giai đoạn này và trong giai đoạn tiếp theo là tăng trưởng tín dụng

gắn với chuyển dịch nền khách hàng, nâng cao chất lượng tín dụng đảm bảo mục tiêu phát triển an toàn bền vững theo đúng yêu cầu của HĐQT BIDV, đảm bảo tuân thủ chỉ đạo của NHNN.

Bảng 11: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn trong giai đoạn 2021-31/03/2023

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		Tăng trưởng 2022/2021 (%)	31/03/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Theo BCTC hợp nhất							
Nợ ngắn hạn	872.506	64,41	990.938	65,10%	13,57	1.056.699	66,16
Nợ trung hạn	73.765	5,45	75.744	4,98%	2,68	79.904	5,00
Nợ dài hạn	408.361	30,15	455.540	29,93%	11,55	460.550	28,84
Tổng	1.354.633	100	1.522.222	100	12,37	1.597.152	100
Theo BCTC riêng lẻ							
Nợ ngắn hạn	857.140	64,94	977.162	65,66	14,00	1.042.449	66,71
Nợ trung hạn	66.676	5,05	69.528	4,67	4,28	72.258	4,62
Nợ dài hạn	396.165	30,01	441.460	29,67	11,43	447.843	28,66
Tổng	1.319.980	100	1.488.151	100	12,74	1.562.551	100

Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, BCTC riêng, hợp nhất Quý I/2023 đã công bố

❖ **Chất lượng nợ cho vay**

BIDV định hướng chú trọng quan hệ tín dụng đối với những khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, hạn chế cho vay khách hàng nhóm 2 và không cho vay những khách hàng ở nhóm nợ xấu. Kiểm soát chất lượng tín dụng, chủ động nhận diện các khoản nợ tiềm ẩn nguy cơ trở thành nợ xấu, triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp nhằm hạn chế tối đa phát sinh mới nợ xấu.

Tỷ lệ nợ xấu của BIDV trong giai đoạn 2022-2023 ở mức dưới 2% do BIDV đã thực hiện đồng bộ các biện pháp ngăn ngừa và xử lý rủi ro kịp thời. Tại thời điểm 31/03/2023, tỷ lệ nợ xấu của BIDV là 1,55% theo BCTC hợp nhất và 1,50% theo BCTC riêng lẻ. Phân loại nợ của BIDV theo chất lượng như sau:

Bảng 12: Phân loại nợ cho vay theo chất lượng trong giai đoạn 2021-31/03/2023

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		Tăng trưởng 2022/2021 (%)	31/03/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Theo BCTC hợp nhất							
Nợ dù tiêu	1.325.855	97,88	1.479.013	97,16	11,55	1.535.435	96,14

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		Tăng trưởng 2022/2021 (%)	31/03/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
chuẩn							
Nợ cần chú ý	15.232	1,12	25.586	1,68	67,98	36.988	2,32
Nợ dưới tiêu chuẩn	2.758	0,20	3.154	0,21	14,38	7.145	0,45
Nợ nghi ngờ	3.506	0,26	2.693	0,18	-23,19	4.284	0,27
Nợ có khả năng mất vốn	7.283	0,54	11.776	0,77	61,69	13.300	0,83
Tổng cộng	1.354.633	100,00	1.522.222	100,00	12,37	1.597.152	100,00
Nợ xấu	13.546	0,99	17.622	1,16	30,09	24.730	1,55
Theo BCTC riêng lẻ							
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.294.245	98,05	1.447.568	97,27	11,85	1.503.987	96,25
Nợ cần chú ý	13.472	1,02	23.902	1,61	77,42	35.086	2,25
Nợ dưới tiêu chuẩn	2.352	0,18	3.088	0,21	31,29	6.784	0,43
Nợ nghi ngờ	3.416	0,26	2.586	0,17	-24,29	4.191	0,27
Nợ có khả năng mất vốn	6.496	0,49	11.006	0,74	69,44	12.503	0,80
Tổng cộng	1.319.980	100,00	1.488.151	100,00	12,74	1.562.551	100,00
Nợ xấu	12.264	0,93	16.681	1,12	36,01	23.477	1,50

Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, BCTC riêng, hợp nhất Quý I/2023 đã công bố

Từ thời điểm 01/10/2021, BIDV thực hiện việc phân loại nợ bằng việc áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đồng thời theo phương pháp định lượng và định tính quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Thông tư 11/2021/TT-NHNN (sau đây gọi là “Thông tư 11”). Đối với các khách hàng không đủ điều kiện xếp hạng tín dụng nội bộ, BIDV thực hiện việc phân loại các khoản cho vay theo phương pháp định lượng dựa trên các quy định tại Điều 10 của Thông tư 11.

BIDV đã đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu cùng với hàng loạt các chuẩn mực Basel II, được NHNN công nhận đáp ứng yêu cầu Thông tư 41/2016/TT-NHNN trước thời hạn. Về khung quản lý rủi ro, BIDV đã ban hành các chính sách, quy định về khung quản lý rủi ro tổng thể (bao gồm khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro) và các loại rủi ro trọng yếu. BIDV cũng đã hoàn thiện các công cụ đo lường rủi ro hiện đại, theo dõi và giám sát chặt chẽ rủi ro. Mặt khác, công tác chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ tại BIDV góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro hướng tới các thông lệ quốc tế.

Bảng 13: Dự quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của BIDV giai đoạn 2021-31/03/2023

Đơn vị: Tỷ đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2021	19.005	10.098	29.104
31/12/2022	26.904	11.322	38.226
31/03/2023	30.486	11.873	42.359

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý I/2023 đã công bố

❖ **Rủi ro lãi suất**

Đối với rủi ro lãi suất Sở ngân hàng là khả năng xảy ra tổn thất đối với thu nhập lãi thuần và/hoặc giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (khe hở tái định giá) và khe hở thời lượng của Sở ngân hàng, thu nhập lãi thuần và giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu của BIDV có thể sẽ bị ảnh hưởng.

❖ **Hoạt động bảo lãnh**

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng và là thế mạnh của BIDV. Tại thời điểm 31/12/2022, tổng cam kết ngoại bảng của BIDV đạt 308.944 tỷ đồng và tại thời điểm 31/03/2023 là 296.953 tỷ đồng, trong đó bảo lãnh tài chính và cam kết thanh toán thu tín dụng là 283.241 tỷ đồng, các cam kết khác là 13.712 tỷ đồng.

❖ **Tỷ lệ an toàn vốn**

Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ của BIDV tại thời điểm 31/03/2023 là 9,14%, đáp ứng quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

6.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và hoạt động thanh toán

Trong giai đoạn 2006 đến nay, hoạt động kinh doanh ngoại hối và phái sinh của BIDV đã đạt được nhiều kết quả khả quan, và đạt được các thành tích như: Giải thưởng của tạp chí Asia Money dành cho Ngân hàng nội địa cung ứng dịch vụ ngoại hối tốt nhất (2007-2009 và 2013-2016); Giải thưởng “Ngân hàng cung ứng dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam” do tạp chí Global Finance bình chọn năm 2017; Giải thưởng “Ngân hàng nội địa cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam” do Asian Banking & Finance bình chọn năm 2018, 2019, 2020 và 2022; Giải thưởng Ngân hàng cung cấp sản phẩm ngoại hối tốt nhất Việt Nam (2020, 2022) do Tạp chí The Asian Banker trao tặng; 06 lần nhận giải thưởng Ngân hàng của Năm Việt Nam về quản trị rủi ro và kinh doanh các sản phẩm phái sinh trong các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2017 và 2018 do tạp chí AsiaRisk trao tặng; Giải thưởng ADFIAP do Hiệp hội các Định chế Tài chính Châu Á - Thái Bình Dương trao tặng năm 2007; Giải thưởng của tạp chí Asia Money 4 năm liên tiếp (2013-2016) dành cho Ngân hàng nội địa có hoạt động phái sinh lãi suất tốt nhất và Ngân hàng nội địa có hoạt động kinh doanh sản phẩm phái sinh hàng hóa tốt nhất; Ngân hàng nội địa có hoạt động nghiên cứu và phân tích tỷ giá, lãi suất tốt nhất năm 2013, 2014, 2015, 2016; Giải thưởng “Ngân hàng cung cấp dịch vụ phái sinh tốt nhất Việt Nam” do tạp chí Asian Banking & Finance bình chọn năm 2022 và nhiều giải thưởng quốc tế danh giá khác.

Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối giai đoạn 2021 – 31/03/2023

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022		31/03/2023	
	Giá trị	Giá trị	Tăng/giảm (2022/2021)	Giá trị	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2022
Theo BCTC hợp nhất	1.896	3.140	65,61%	672,73	15,09%
Theo BCTC riêng lẻ	1.820	3.018	65,82%	670,32	20,55%

Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, BCTC riêng, hợp nhất Quý I/2023 đã công bố

❖ Dịch vụ ngoại hối

BIDV cung cấp dịch vụ mua bán ngoại tệ với các sản phẩm: mua bán ngoại tệ giao ngay, mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ và quyền chọn ngoại tệ với nhiều đối tượng khách hàng khác nhau (tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh tế, khách hàng cá nhân...). BIDV luôn đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu khách hàng bằng việc cung cấp tỷ giá cạnh tranh và phương thức giao dịch linh hoạt, qua đó góp phần hỗ trợ phát triển các hoạt động khác của ngân hàng như hoạt động tín dụng, thanh toán quốc tế, huy động vốn...; đồng thời, đưa hoạt động kinh doanh ngoại tệ trở thành hoạt động có đóng góp lớn trong tổng thu nhập dịch vụ tại BIDV. Thu từ hoạt động ngoại hối tính đến 31/03/2023 đạt 672,73 tỷ đồng theo BCTC hợp nhất và 670,32 tỷ đồng theo BCTC riêng lẻ, lần lượt tăng 15,09% và 20,55% so với cùng kỳ năm 2022, duy trì Top 3 ngân hàng có thị phần mua bán ngoại tệ lớn nhất thị trường.

❖ Dịch vụ phái sinh

BIDV bắt đầu triển khai cung cấp các sản phẩm phái sinh trên toàn hệ thống từ cuối năm 2006. Hiện BIDV là ngân hàng Việt Nam tiên phong trong việc nghiên cứu, triển khai các sản phẩm phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá, lãi suất, giá cả hàng hóa trên thị trường Việt Nam và được các ngân hàng đối tác nước ngoài đánh giá rất cao. Từ chỗ bắt đầu với một vài sản phẩm cơ bản năm 2006, đến nay BIDV đã triển khai đa dạng các sản phẩm phái sinh từ cơ bản đến phức hợp trong 02 mảng phái sinh bao gồm phái sinh tài chính và phái sinh hàng hóa như hoán đổi lãi suất một đồng tiền, hoán đổi tiền tệ chéo, đầu tư cơ cấu, hàng hóa tương lai, hoán đổi giá cả hàng hóa, quyền chọn giá cả hàng hóa... Các sản phẩm phái sinh đa dạng đã mang lại lợi ích rất lớn cho khách hàng, càng khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường. Vì vậy, BIDV được các tạp chí uy tín trên thế giới đánh giá rất cao với 6 lần (2012-2015, 2017 và 2018) giành giải thưởng “Ngân hàng cung cấp sản phẩm phái sinh tốt nhất thị trường Việt Nam – House of the year, Vietnam” của tạp chí tài chính uy tín Asia Risk và 4 lần liên tiếp (2013-2016) được Tạp chí AsiaMoney bình chọn là “Ngân hàng cung cấp sản phẩm phái sinh tốt nhất thị trường Việt Nam do khách hàng bình chọn”.

❖ Hoạt động thanh toán

Dịch vụ thanh toán (bao gồm thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế) là một trong ba dòng sản phẩm đóng góp chính trong tổng thu dịch vụ BIDV. BIDV cung cấp hàng trăm sản phẩm dịch vụ cho đối tượng khách hàng là cá nhân, tổ chức và định chế tài chính. Đến 31/03/2023, doanh thu từ dịch vụ thanh toán trong nước tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2022, cụ thể doanh số thanh toán đạt 11.942 nghìn tỷ (tăng 0,09%), số lượng giao dịch đạt 20,41 triệu giao dịch (tăng 0,60). Trong khi đó, doanh thu từ dịch vụ thanh toán quốc tế và TTTM, cụ thể là hoạt động thanh toán xuất nhập khẩu đạt 11.312 triệu USD (giảm nhẹ ở mức 0,02%) so với cùng kỳ năm 2022. Hiện

nay, toàn hệ thống đang nỗ lực đẩy mạnh mở rộng và phát triển khách hàng có hoạt động xuất nhập khẩu để nâng cao chất lượng và hiệu quả của dịch vụ thanh toán nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng trong cả năm 2023.

Bảng 15: Kết quả hoạt động thanh toán trong nước và quốc tế của BIDV giai đoạn 2021-31/03/2023

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		31/03/2023	
	Giá trị	Tăng trưởng so với cùng kỳ 2020	Giá trị	Tăng trưởng so với cùng kỳ 2021	Giá trị	Tăng trưởng so với cùng kỳ 2022
Thanh toán trong nước						
Số lượng giao dịch (triệu)	53,37	18,73%	58,31	9,26%	20,41	0,60%
Doanh số thanh toán (nghìn tỷ đồng)	42.360	57,01%	48.333	14,10%	11.942	0,09%
Thanh toán quốc tế và TTTM						
Thanh toán xuất nhập khẩu (triệu USD)	41.755	32,23%	51.322	22,91%	11.312	(0,02%)

Nguồn: BIDV

❖ Dịch vụ Thanh toán trong nước

Đây là dịch vụ thế mạnh của BIDV, được hỗ trợ bởi hệ thống các kênh thanh toán đa dạng, tốc độ xử lý nhanh, an toàn và bảo mật. Ngoài việc tham gia các kênh thanh toán do NHNN tổ chức như thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS), BIDV còn chủ động xây dựng chương trình kết nối thanh toán song phương/đa phương với 42 đối tác là các NHTM, các định chế tài chính, trong đó kết nối thanh toán điện tử song phương 24/7 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ thanh toán truyền thống, để không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán, BIDV đã triển khai các kênh giao dịch hiện đại như Internet/Mobile banking/Smartbanking... BIDV iBank cung cấp giải pháp ngân hàng số tổng thể với hơn 18 chức năng/nhóm chức năng, đáp ứng toàn diện các nhu cầu giao dịch của khách hàng bao gồm: vấn tin, chuyển tiền trong nước/quốc tế, thanh toán hóa đơn, tiền gửi có kỳ hạn online, nộp thuế/ngân sách nhà nước... và các giải pháp dịch vụ ngân hàng số đặc thù, chuyên biệt như dịch vụ quản lý dòng tiền; dịch vụ quản lý tài khoản định danh/tài khoản ảo, kết nối hệ sinh thái ERP connection với hệ thống kế toán nội bộ của khách hàng.

Với những kết quả ấn tượng về chuyên đổi số, trong thời gian qua, BIDV đã được nhiều tổ chức uy tín trong nước và quốc tế vinh danh với nhiều giải thưởng tiêu biểu như: “Ngân hàng chuyển đổi số xuất sắc” của Tạp chí Global Finance, “Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc” của Hội Truyền thông số Việt Nam và Tạp chí điện tử Viettimes, “Ngân hàng chuyển đổi số tiêu biểu” của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam và Tập đoàn Dữ liệu quốc tế IDG Việt Nam, Danh hiệu Sao Khuê của Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam, “Giải pháp công nghệ số tiêu biểu” của Hội Truyền thông số Việt Nam... BIDV SmartBanking đã được trao giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2022 cho hạng mục “Sản phẩm, Giải pháp, Công nghệ số tiêu biểu”.

❖ Dịch vụ thanh toán quốc tế và thanh toán xuất nhập khẩu.

Kế hoạch đẩy mạnh hệ thống thanh toán công nghệ số của BIDV được hoàn thiện và triển khai quyết liệt từ năm 2021 đã góp phần nâng cao năng suất lao động, hạn chế các thao tác thủ công, giúp khách hàng trải nghiệm không gian số với công nghệ tiên tiến. Trong năm 2020-2022, BIDV đã phát triển thành công một số sản phẩm, dịch vụ thanh toán quốc tế mới bao gồm: Sản phẩm chuyển tiền quốc tế từ Hàn Quốc về Việt Nam trên cơ sở hợp tác giữa KEB Hana Bank và BIDV, Sản phẩm chuyển tiền quốc tế từ Campuchia về Việt Nam trên cơ sở hợp tác giữa BIDV và BIDC, dịch vụ kiều hối KoronaPay với Credit Union, RIA financial Services. ..., đồng thời BIDV đã nâng cấp nhiều tính năng tiên tiến hỗ trợ khách hàng doanh nghiệp đối với sản phẩm chuyển tiền quốc tế trên chương trình iBank.

BIDV thường xuyên chú trọng ứng dụng những nền tảng công nghệ hiện đại nhất vào việc nâng cấp, cải tiến sản phẩm dịch vụ thanh toán quốc tế. BIDV đã triển khai Swift GPI từ rất sớm với 3 vai trò là ngân hàng gửi điện, ngân hàng trung gian và ngân hàng nhận điện với các dịch vụ gCCT, gCOV, gSRP và API phiên bản mới (version 3), kết nối API với hệ thống Swift để đồng bộ tức thời trạng thái xử lý điện trên từ hệ thống Swift về hệ thống các chương trình nội bộ, tạo điều kiện triển khai thành công các giải pháp thanh toán mới nhằm tối ưu hóa hệ thống thanh toán qua Swift:

- Giải pháp Payment Plus: tối ưu hóa việc lựa chọn kênh chuyển tiền quốc tế và đánh giá dịch vụ do các NH Nostro cung cấp, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ CTQT;
- Giải pháp Pre-validation: phát huy tính năng của Swift GPI để thực hiện kiểm tra trước các chỉ dẫn về số tài khoản/chủ tài khoản người hưởng, hạn chế các giao dịch gian lận, giảm sai sót chỉ dẫn thanh toán... góp phần gia tăng tốc độ xử lý giao dịch, đảm bảo người hưởng nhận được tiền trong ngày;
- ISO20022: giải pháp chuyển đổi chuẩn tin điện phục vụ triển khai ISO20022 đảm bảo phù hợp với yêu cầu của tổ chức Swift, và thực trạng hệ thống thanh toán tại BIDV;
- Dịch vụ Swift Go :dịch vụ chuyển tiền nhanh, giá trị thấp dưới 10.000 USD/EUR/GBP qua kênh Swift;
- Dịch vụ BIDV i-Swift: triển khai công tra cứu thông tin Swift GPI trên BIDV web portal trên cơ sở kết nối với kho dữ liệu BIDV-iSwift nhằm cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời về giao dịch CTQT qua Swift, gia tăng trải nghiệm dịch vụ cho khách hàng;
- Tiếp tục nâng cấp ứng dụng RPA vào việc (i) phân chia điện Swift đến tại chương trình Gateway Monitor của BIDV, (ii) theo dõi tiến độ xử lý điện tra soát từ Ngân hàng nước ngoài, (iii) tự động gửi email thông báo điện chuyển tiền quốc tế đến cho KHDN giúp góp phần tăng tỷ lệ xử lý tự động điện Swift đến tại chương trình Gateway Monitor lên đến 90%, nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm thời gian xử lý điện, tăng lợi thế cạnh tranh phục vụ khách hàng 24/7 của BIDV.

Với mạng lưới 1.200 ngân hàng đại lý, giao dịch tài khoản trực tiếp với khoảng 50 ngân hàng trên toàn thế giới và nền tảng công nghệ hiện đại, hoạt động thanh toán quốc tế tại BIDV luôn được xử lý an toàn, chính xác, nhanh chóng, đem lại sự hài lòng cho khách hàng. Hoạt động thanh toán quốc tế tại BIDV đã được nhiều ngân hàng đại lý đánh giá cao, BIDV liên tiếp nhiều năm nhận

giải thưởng dành cho “Ngân hàng có tỷ lệ điện xử lý tự động STP cao nhất” của các ngân hàng lớn trên thế giới như: Bank of New York Mellon, ngân hàng Standard Charter Bank, JP Morgan Chase Bank, Wells Fargo Bank, Citibank...

Hoạt động tài trợ thương mại và bảo lãnh quốc tế, chuyên tiền của BIDV cũng được cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức Quacert và được kiểm soát theo Mục tiêu chất lượng công bố công khai về thời gian thực hiện và sự hài lòng của khách hàng. Hệ thống phần mềm tác nghiệp TTTM được xây dựng mới, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi để tăng trưởng về cả chất lượng, số lượng đối với dịch vụ Tài trợ thương mại và bảo lãnh quốc tế.

6.1.5. Hoạt động đầu tư

Ngoài các hoạt động tín dụng và huy động vốn, nhằm mục đích đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, BIDV cũng là một trong số những ngân hàng hoạt động tích cực trong hoạt động đầu tư với một số sản phẩm tiền gửi, cho vay TCTD, đầu tư chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, góp vốn liên doanh,....

Bảng 16: Danh mục đầu tư của BIDV giai đoạn 2021 – 31/03/2023

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		Tăng trưởng 2022/2021 (%)	31/03/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Theo BCTC hợp nhất							
1. Tiền gửi, cho vay các TCTD khác	135.940	42,22	221.178	47,93	62,70	174.793	42,00
Tiền gửi tại các TCTD khác	112.043	34,80	203.467	44,09	81,60	162.364	39,01
Cho vay các TCTD khác	24.027	7,46	17.796	3,86	-25,93	12.515	3,01
DPRR tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-129	-0,04	-85	-0,02	-34,11	- 85	- 0,02
2. Chứng khoán kinh doanh	6.069	1,89	1.701	0,37	-71,97	1.603	0,39
Chứng khoán kinh doanh	6.083	1,89	1.749	0,38	-71,25	1.624	0,39
DPRR chứng khoán kinh doanh	-14	-	- 47	- 0,01	235,71	- 21	- 0,01
3. Chứng khoán đầu tư	177.089	55,01	235.636	51,06	33,06	236.749	56,89
CK đầu tư sẵn sàng bán	111.675	34,69	162.283	35,16	45,32	163.982	39,40
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	65.711	20,41	73.735	15,98	12,21	73.148	17,58

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		Tăng trưởng 2022/2021 (%)	31/03/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
DPRR chứng khoán đầu tư	-298	-0,09	-381	-0,08	27,85	- 381	- 0,09
4. Góp vốn, đầu tư dài hạn	2.848	0,88	2.978	0,65	4,58	3.027	0,73
Đầu tư vào công ty liên doanh	2.134	0,66	2.243	0,49	4,67	2.272	0,55
Đầu tư vào công ty liên kết	596	0,19	628	0,14	5,49	648	0,16
Đầu tư dài hạn khác	215	0,07	215	0,05	0,00	215	0,05
DP giảm giá đầu tư dài hạn	-98	-0,03	-108	-0,02	11,03	- 109	- 0,03
Tổng cộng	321.946	100	461.493	100,00	43,33	416.172	100,00
Theo BCTC riêng lẻ							
1. Tiền gửi, vay các TCTD khác	141.027	43,15	224.765	48,21	59,38	177.488	42,25
Tiền gửi tại các TCTD khác	116.482	35,64	206.297	44,24	77,11	164.400	39,14
Vay các TCTD khác	24.674	7,55	18.554	3,98	-24,80	13.173	3,14
DPRR tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-129	-0,04	-85	-0,02	-34,11	- 85	- 0,02
2. Chứng khoán kinh doanh	4.847	1,48	62	0,01	-98,73	62	0,01
Chứng khoán kinh doanh	4.851	1,48	62	0,01	-98,72	62	0,01
DPRR chứng khoán kinh doanh	-4	-	0	-	-100,00	-	-
3. Chứng khoán đầu tư	173.166	52,98	233.602	50,10	34,90	234.692	55,87
CK đầu tư sẵn sàng bán	111.419	34,09	162.030	34,75	45,42	163.732	38,98
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	62.018	18,97	71.924	15,43	15,97	71.312	16,98
DPRR chứng khoán đầu tư	-271	-0,08	-352	-0,08	29,89	- 352	- 0,08
4. Góp vốn, đầu tư dài hạn	7.807	2,39	7.838	1,68	0,40	7.838	1,87
Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh	7.721	2,36	7.721	1,66	0,00	7.721	1,84

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		Tăng trưởng 2022/2021 (%)	31/03/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Đầu tư vào công ty liên kết	244	0,07	244	0,05	0,00	244	0,06
Đầu tư dài hạn khác	154	0,05	154	0,03	0,00	154	0,04
DP giảm giá đầu tư dài hạn	-312	-0,10	-280	-0,06	-10,12	-280	-0,07
Tổng cộng	326.847	100	466.267	100,00	42,65	420.080	100,00

Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, BCTC riêng, hợp nhất Quý I/2023 đã công bố

Tổng danh mục đầu tư của BIDV tại thời điểm 31/12/2022 là 466.267 tỷ đồng (theo số liệu riêng lẻ) và 461.493 tỷ đồng (theo số liệu hợp nhất), tương ứng tăng trưởng lần lượt 42,65% và 43,33% so với năm 2021. Thời điểm 31/03/2023 là 420.080 tỷ đồng (theo số liệu riêng lẻ) và 416.172 tỷ đồng (theo số liệu hợp nhất).

Tiền gửi và vay các TCTD luôn chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động đầu tư của BIDV. Trong năm 2022, số dư theo BCTC riêng lẻ và hợp nhất lần lượt là 224.765 tỷ đồng và 221.178 tỷ đồng, tăng trưởng 59,38% và 62,70% so với năm 2021. Tại thời điểm 31/03/2023, số dư theo BCTC riêng lẻ và hợp nhất lần lượt là 117.488 tỷ đồng và 174.793 tỷ đồng và chiếm xấp xỉ 42% tỷ trọng hoạt động đầu tư của ngân hàng.

Danh mục chứng khoán kinh doanh của BIDV thời điểm 31/12/2022 theo BCTC riêng lẻ có giá trị là 62 tỷ đồng và theo BCTC hợp nhất có giá trị là 1.701 tỷ đồng, giảm khoảng 99% theo BCTC riêng lẻ và 71% theo BCTC hợp nhất so với năm 2021. Tại thời điểm 31/03/2023, danh mục chứng khoán kinh doanh của BIDV theo BCTC riêng lẻ có giá trị là 62 tỷ đồng và theo BCTC hợp nhất có giá trị là 1.603 tỷ đồng. Tuy nhiên cơ cấu chứng khoán kinh doanh chỉ chiếm chưa tới 0,5% tổng giá trị đầu tư của ngân hàng, do đó nhìn chung các biến động danh mục chứng khoán kinh doanh không ảnh hưởng nhiều tới tổng danh mục đầu tư.

Trong khi đó chứng khoán đầu tư luôn chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động đầu tư của BIDV. Tại thời điểm 31/12/2022 và 31/03/2023 lần lượt là 235.636 tỷ đồng và 236.749 tỷ đồng theo số liệu hợp nhất và lần lượt là 233.602 tỷ đồng và 234.692 tỷ đồng theo số liệu riêng lẻ, tương ứng tăng trưởng ở mức xấp xỉ 0,5% trong vòng 03 tháng đầu năm 2023. Tỷ trọng chứng khoán đầu tư luôn chiếm trên 50% giá trị hoạt động đầu tư của BIDV.

Hoạt động đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh liên kết nhìn chung duy trì ổn định qua các năm, ở mức 7.807-7.838 tỷ đồng theo số liệu năm 2022 và Quý I.2023 theo BCTC riêng lẻ.

6.1.6. Hoạt động ngân hàng đại lý

BIDV đang huy động và quản lý hơn 220 nguồn vốn từ Chính phủ các nước Đức, Thụy Sĩ, Nga, Pháp, Nhật Bản và các tổ chức Tài chính quốc tế lớn như WB, AFD, ADB, KFW, NIB, EIB, EDCF với tổng giá trị cam kết 18.9 tỷ USD tương đương 447.000 tỷ đồng. Năm 2022, BIDV tiếp tục là ngân hàng dẫn đầu trong hoạt động nguồn vốn ủy thác nước ngoài (NVUTNN), huy động thành công hơn 400 triệu USD (tương đương 9.500 tỷ đồng) NVUTNN từ các Tổ chức tài chính quốc tế và các Quỹ của Liên Hợp Quốc (UNDP, UNFPA, UNICEF). Là ngân hàng thương mại

nhà nước trụ cột của ngành ngân hàng, BIDV đã đồng hành cùng các Bộ ngành triển khai nhiều Chương trình/dự án lớn, trọng điểm quốc gia theo chủ trương định hướng của Chính phủ trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, điện, nước, cơ sở hạ tầng, chống biến đổi khí hậu, năng lượng tái tạo, giúp cải thiện đời sống, môi trường, nâng cao trình độ cho người dân, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Xác định mục tiêu hướng tới một ngân hàng xanh, BIDV luôn tiên phong trong việc huy động thành công nhiều nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế để phát triển tín dụng xanh, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững như Nguồn vốn AFD cho Hạn mức tín dụng xanh (SUNREF – 100 triệu USD), Nguồn vốn WB cho Dự án Năng lượng tái tạo (REDP – 200 triệu USD) và Dự án Hiệu quả tiết kiệm năng lượng trong ngành công nghiệp Việt Nam (VEEIE – 50 triệu USD). Trong đó, Hạn mức tín dụng xanh SUNREF là khoản vay ưu đãi trực tiếp đầu tiên AFD cấp cho một ngân hàng thương mại tại Việt Nam và được AFD đánh giá là một trong những dự án triển khai nhanh nhất trong các dự án AFD đã thực hiện. Để đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn quản lý rủi ro nghiêm ngặt của nguồn vốn, cùng với sự hỗ trợ của AFD, trong năm 2022, BIDV đã ban hành văn bản hướng dẫn quản lý rủi ro môi trường xã hội cho các dự án năng lượng tái tạo tham gia sử dụng nguồn vốn SUNREF và tổ chức các khóa đào tạo kiến thức chuyên sâu về phân tích tài chính, quản lý rủi ro môi trường xã hội đối với các dự án đầu tư lĩnh vực năng lượng tái tạo, hiệu quả năng lượng cho các cán bộ ngân hàng.

Phát huy thế mạnh là một trong những ngân hàng chủ lực thu xếp và tài trợ cho nhiều dự án đầu tư lớn, BIDV đã triển khai giải ngân hiệu quả các NVUTNN đến người vay cuối cùng, hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân được tiếp cận với các NVUTNN có điều kiện vay ưu đãi, thời gian vay dài để đầu tư vào nhiều lĩnh vực khác nhau theo chủ trương phát triển của Chính phủ.

Trong quá trình đồng hành phát triển cùng đất nước, BIDV không ngừng nâng cao chất lượng quản trị rủi ro, chú trọng chuẩn hóa quy trình, xây dựng cơ chế quản lý, kiểm soát chặt chẽ, tăng cường số hóa sản phẩm, dịch vụ NVUTNN, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo triển khai các nguồn vốn an toàn, hiệu quả, giữ vững uy tín với Nhà tài trợ. Qua đó, BIDV tiếp tục là cầu nối hiệu quả cho nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ, được các Nhà tài trợ, Bộ Ngành, Khách hàng ghi nhận và đánh giá cao.

Với ưu thế trong lĩnh vực tín dụng đầu tư, hệ thống chi nhánh rộng khắp cả nước, đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp trong phục vụ, cho vay lại các NVUTNN cùng khả năng cung cấp nhiều dịch vụ ngân hàng hiện đại, đa dạng có thể hỗ trợ quá trình thực hiện các chương trình/dự án đạt kết quả cao, BIDV tự hào là ngân hàng hàng đầu trong hoạt động NVUTNN tại Việt Nam, đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai các NVUTNN thành công.

6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản lý RRTD, BIDV đã và đang xây dựng hệ thống quản lý RRTD đầy đủ, toàn diện theo quy định của NHNN và dần tiến đến áp dụng các chuẩn mực theo đúng thông lệ quốc tế. Kể từ ngày 01/12/2019, BIDV đã được NHNN công nhận đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu cùng với hàng loạt các chuẩn mực Basel II theo Thông tư 41 của NHNN. Việc quản lý rủi ro tín dụng được tiến hành có hệ thống từ việc xác định khâu vị rủi ro, đo lường đến việc phòng ngừa, xử lý rủi ro tín dụng. BIDV đã triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm quản lý rủi ro tín dụng hiệu quả trong toàn hệ thống.

❖ Định hướng hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng của BIDV tăng trưởng ổn định, bền vững phù hợp với phê duyệt của NHNN. Trong từng năm, Ngân hàng xác định cơ cấu, giới hạn tín dụng trong từng ngành nghề, lĩnh vực, thời hạn vay, loại tiền, khu vực địa lý... khác nhau để tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo các mục tiêu kinh doanh trong năm.

❖ **Mô hình quản lý rủi ro**

Hiện nay, BIDV thực hiện phân cấp thẩm quyền trong phán quyết tín dụng từ các cấp tại Hội sở chính (Hội đồng quản trị, Ủy Ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng trung ương, Ban điều hành...) đến các cấp, chức danh tại Chi nhánh. Việc phân cấp cho các cấp, chức danh điều hành tại Chi nhánh đảm bảo phù hợp theo các quy trình cấp tín dụng bán buôn, bán lẻ và mức phân cấp được Hội sở chính rà soát, giao hàng năm cho từng chi nhánh căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế, mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng của chi nhánh. Các tiêu chí để xác định mức thẩm quyền phán quyết tín dụng đối với Chi nhánh bao gồm: (i) hiệu quả tín dụng; (ii) chất lượng hoạt động tín dụng; (iii) quy mô dư nợ của Chi nhánh; (iv) hiệu quả, năng lực quản trị điều hành của chi nhánh và (v) các căn cứ khác.

Mô hình tổ chức phê duyệt và quản lý rủi ro tín dụng tại BIDV được thành lập với 3 khối chính: Khối quan hệ khách hàng (bán buôn và bán lẻ), Khối quản lý rủi ro và Khối tác nghiệp. BIDV đã thành lập Ủy ban Quản lý Rủi ro trực thuộc HĐQT; Hội đồng Tín dụng trung ương trực thuộc Tổng giám đốc và Hội đồng tín dụng cơ sở thuộc chi nhánh. Bên cạnh đó, hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng tại ba miền và quản lý tập trung tại Hội sở chính, luôn tiến hành các đợt kiểm tra rà soát tính tuân thủ chính sách, quy trình nội bộ của BIDV cũng như các quy định của pháp luật, đảm bảo BIDV có thể phòng ngừa và hạn chế được rủi ro trong hoạt động tín dụng.

❖ **Quy trình đánh giá rủi ro tín dụng**

BIDV không ngừng hoàn thiện quy trình quản trị rủi ro thông qua việc (i) thường xuyên rà soát quy trình đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nền khách hàng của BIDV, (ii) xác định khẩu vị và chiến lược rủi ro từng thời kỳ, và (iii) triển khai các dự án nhằm tăng cường và hiện đại hóa việc quản trị rủi ro của Ngân hàng như xây dựng hệ thống công cụ đo lường rủi ro hiện đại...

Về quản trị danh mục tín dụng: Trên cơ sở chiến lược phát triển từng thời kỳ (định hướng kinh doanh, khách hàng và thị trường mục tiêu) BIDV đã xây dựng và ban hành chiến lược và khẩu vị rủi ro/giới hạn tín dụng theo ngành/lĩnh vực... nhằm mục tiêu đa dạng hóa danh mục tín dụng, kiểm soát rủi ro đảm bảo an toàn và hiệu quả tối ưu. Theo đó BIDV đẩy mạnh cho vay đối với các ngành được đánh giá có triển vọng tốt, ngành được Chính phủ ưu tiên nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc phân tán rủi ro, không tập trung vào một số ít ngành lĩnh vực, đồng thời hạn chế cho vay đối với các ngành có độ rủi ro cao và các ngành không phù hợp với chiến lược phát triển của Việt Nam và xu hướng hội nhập quốc tế,...

❖ **Công cụ quản lý rủi ro**

BIDV đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro thông qua việc xây các công cụ phục vụ mục tiêu quản trị rủi ro hệ thống như: Hệ thống thông tin quản lý (MIS); Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (liên tục cải tiến và hoàn thiện nhằm phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro để thực hiện phân loại nợ và áp dụng các chính sách phù hợp)...

BIDV thực hiện Phân loại nợ định kỳ theo cả phương pháp định lượng và phương pháp định tính được quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Thông tư 11/2021/TT-NHNN của NHNN, trường hợp kết quả phân loại một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 khác nhau thì khoản nợ phải

được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm thông tin tín dụng (CIC) cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Dự phòng chung được tính bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng cụ thể được tính bằng giá trị còn lại của khoản nợ trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định của NHNN:

STT	Hạng	Nhóm nợ	Phân loại nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	AAA	Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	AA+			
3	AA			
4	AA-			
5	A+			
6	A			
7	A-			
8	BBB			
9	BB+			
10	BB			
11	BB-	Nhóm 2	Nợ cần chú ý	5%
12	B			
13	D1	Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
14	D2	Nhóm 4	Nợ nghi ngờ	50%
15	D3	Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Ngoài ra, BIDV duy trì hệ thống thông tin báo cáo để phục vụ cả mục tiêu quản lý nội bộ và nhằm báo cáo các cơ quan chức năng. Các thông tin về danh mục tín dụng, chất lượng tín dụng... đều được báo cáo Hội đồng Quản trị và Ban điều hành theo định kỳ hoặc đột xuất.

BIDV duy trì hệ thống thông tin báo cáo để phục vụ cả mục tiêu quản lý nội bộ và nhằm báo cáo các cơ quan chức năng. BIDV đã hoàn tất dự án hiện đại hoá, theo đó BIDV có thể khai thác thông tin về khách hàng, nhóm khách hàng, danh mục tín dụng tự động từ hệ thống.

Bên cạnh đó, BIDV cũng đang triển khai dự án tư vấn “Quản lý và đo lường rủi ro tín dụng đối tác”. Dự án dự kiến sẽ trang bị cho BIDV khung quản lý rủi ro tín dụng đối tác một cách toàn diện về tổ chức quản lý, các công cụ đo lường theo phương pháp SA-CCR và theo phương pháp nâng cao. BIDV cũng là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai Dự án tư vấn riêng về rủi ro tín dụng đối tác theo thông lệ tiên tiến.

a. Quản lý rủi ro tín dụng đối tác

❖ Về mô hình quản lý: Quản lý rủi ro TĐĐT được thực hiện trên toàn hệ thống theo mô hình 3 tuyến bảo vệ. Tuyến bảo vệ thứ nhất bao gồm các khối kinh doanh và khối tác nghiệp, tuyến

bảo vệ thứ hai bao gồm khối quản lý rủi ro và khối tuân thủ, tuyến bảo vệ thứ ba là bộ phận kiểm toán nội bộ.

❖ Về văn bản chế độ: BIDV là ngân hàng đầu tiên trong hệ thống triển khai Dự án tư vấn Đo lường và Quản lý rủi ro tín dụng đối tác theo thông lệ tiên tiến. Đến thời điểm hiện tại, BIDV đã ban hành các Chính sách, Quy định, Cẩm nang xác lập, quản lý hạn mức và Cẩm nang kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro tín dụng đối tác.

❖ Về công cụ quản lý: Trên cơ sở kết quả tư vấn từ Dự án, BIDV hiện cũng là ngân hàng đầu tiên áp dụng các công cụ và phương pháp tiên tiến SA-CCR theo Basel III, bên cạnh phương pháp CEM theo quy định của NHNN. Ngoài ra, hệ thống hạn mức cũng đã tiệm cận với các thông lệ tiên tiến, bao gồm hạn mức tiền thanh toán, hạn mức thanh toán.

b. Quản lý rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng

❖ Về mô hình quản lý: Quản lý rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng (RRLS SNH) được thực hiện tập trung tại Trụ sở chính với cơ cấu tổ chức được thiết lập theo mô hình 3 tuyến bảo vệ.

❖ Về văn bản chế độ: BIDV đã ban hành đồng bộ hệ thống văn bản bao gồm chính sách, quy định, các văn bản hướng dẫn, trong đó xác định rõ các nội dung cần triển khai và trách nhiệm của các bên liên quan đối với việc nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro và báo cáo theo đúng quy định của NHNN, đáp ứng yêu cầu quản trị nội bộ. Các văn bản được rà soát tối thiểu hàng năm và chỉnh sửa khi phát sinh, đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN và phù hợp thực tế triển khai.

❖ Về công cụ quản lý: Các công cụ đo lường RRLS SNH được triển khai áp dụng bao gồm: (i) trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap profile), (ii) thay đổi thu nhập lãi thuần (Δ NII), (iii) khe hở thời lượng (duration gap), và (iv) thay đổi giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (Δ EVE). Trên cơ sở kết quả đo lường rủi ro thông qua các công cụ nêu trên, hệ thống hạn mức được xác lập và theo dõi hàng ngày nhằm đảm bảo kiểm soát rủi ro của Ngân hàng. Kiểm tra sức chịu đựng RRLS SNH cũng được thực hiện định kỳ nhằm xác định khả năng chống đỡ của Ngân hàng trước các điều kiện căng thẳng, từ đó có biện pháp dự phòng ứng phó phù hợp

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

❖ Về mô hình quản lý: Quản lý rủi ro thanh khoản được thực hiện tập trung tại Trụ sở chính với cơ cấu tổ chức được thiết lập theo mô hình 3 tuyến bảo vệ.

❖ Về văn bản chế độ: Hệ thống văn bản chế độ về quản lý rủi ro thanh khoản được ban hành đồng bộ từ chính sách, quy định đến các cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ, trong đó xác định rõ các nội dung cần triển khai và trách nhiệm của các bên liên quan đối với việc nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro thanh khoản. Các văn bản được rà soát tối thiểu hàng năm và chỉnh sửa khi phát sinh, đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN và phù hợp thực tế triển khai.

❖ Về công cụ quản lý: Bên cạnh các chỉ tiêu an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN, BIDV còn thiết lập giới hạn đối với hệ thống chỉ tiêu nội bộ và xây dựng bộ chỉ tiêu nhận dạng căng thẳng thanh khoản; thực hiện tính toán, theo dõi và báo cáo hàng ngày để đưa ra các cảnh báo kịp thời. BIDV luôn bám sát các diễn biến của thị trường, nhu cầu thanh toán của khách hàng và dự kiến các tình huống bất lợi để chuẩn bị sẵn các kịch bản điều hành cân đối vốn phù hợp. Kiểm tra sức chịu đựng rủi ro thanh khoản cũng được thực hiện định kỳ 2 lần/năm và đột xuất khi cần thiết nhằm xác định khả năng chống đỡ của ngân hàng trước các điều kiện căng thẳng thanh

khoản, từ đó có biện pháp dự phòng ứng phó phù hợp. BIDV cũng đã xây dựng mô hình hành vi khách hàng để dự đoán chính xác hơn dòng tiền thực tế, qua đó tăng cường hiệu quả công tác quản lý rủi ro thanh khoản. Việc triển khai giải pháp ALM theo thông lệ bao gồm các cấu phần tính toán các chỉ tiêu Basel III, quản lý rủi ro thanh khoản trong ngày... cũng đang được thực hiện.

d. Quản lý rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro thị trường được xác định là một trong những loại rủi ro trọng yếu cần quản lý, theo dõi, kiểm soát chặt chẽ tại BIDV. Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong triển khai, cụ thể:

- ❖ Về mô hình quản lý: Quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tập trung tại Trụ sở chính theo mô hình 3 tuyến bảo vệ.
- ❖ Về văn bản chế độ: BIDV đã ban hành đầy đủ các văn bản chế độ hệ thống, đồng bộ từ chính sách, quy định đến các cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ, thực hiện rà soát các văn bản hàng năm nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định của NHNN và phù hợp thực tế.
- ❖ Về công cụ quản lý: BIDV đã thiết lập hệ thống hạn mức, giới hạn kiểm soát rủi ro thị trường (LCS) bao gồm đầy đủ các hạn mức và ngưỡng cảnh báo sớm cho từng danh mục/sản phẩm, đồng thời nghiên cứu, áp dụng hệ thống công cụ quản lý rủi ro thị trường đáp ứng yêu cầu NHNN và phù hợp theo thông lệ Basel bao gồm Trạng thái rủi ro; Lãi/lỗ thực tế và dự kiến; Độ nhạy (BPV, thời lượng, độ lồi); Giá trị chịu rủi ro (VaR); Kiểm tra hồi tố (Backtest); Kiểm tra sức chịu đựng (Stresstest); Vốn yêu cầu cho Rủi ro thị trường theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và Kiểm tra sức chịu đựng về vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

e. Quản lý rủi ro hoạt động

Để quản lý rủi ro hoạt động, BIDV đã triển khai các công việc bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN, phù hợp với thông lệ quốc tế và tình hình hoạt động thực tế:

- ❖ Về mô hình quản lý: thiết lập cơ cấu tổ chức theo mô hình 3 tuyến bảo vệ.
- ❖ Về văn bản chế độ: hệ thống VBCĐ về quản lý rủi ro hoạt động được ban hành đồng bộ từ chính sách, quy định đến các cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ, trong đó quy định và hướng dẫn cụ thể các nội dung cần triển khai, trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan. VBCĐ thực hiện rà soát hàng năm nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định của NHNN và phù hợp thực tế.
- ❖ Về công cụ quản lý: BIDV đã thiết lập khẩu vị, hạn mức rủi ro hoạt động và cơ chế theo dõi, giám sát; Nghiên cứu, triển khai 5 công cụ đo lường rủi ro hoạt động (Tự đánh giá rủi ro và kiểm soát - RCSA, Chỉ số rủi ro trọng yếu - KRI, Thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất rủi ro hoạt động; Sử dụng phát hiện của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; Thí điểm sơ đồ hóa quy trình nghiệp vụ); Triển khai quản lý rủi ro hoạt động đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới; Quản lý rủi ro hoạt động đối với hoạt động thuê ngoài; Xây dựng, triển khai kế hoạch duy trì hoạt động liên tục và mua bảo hiểm để giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động; Thực hiện tính vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và kiểm tra sức chịu đựng về vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN; Hệ thống báo cáo về rủi ro hoạt động được thực hiện đầy đủ, báo cáo Ban Lãnh đạo và gửi các đơn vị trong toàn hệ thống.

Ngoài ra, BIDV luôn chú trọng xây dựng và phát triển các chương trình, giải pháp phần mềm hỗ trợ công tác quản lý rủi ro, tăng cường chuyên đổi số; Triển khai các chương trình đào tạo, truyền

thông định kỳ nhằm nâng cao kiến thức, nhận thức về quản lý rủi ro cho cán bộ trong toàn hệ thống.

f. Quản lý rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là những sự kiện pháp lý bất lợi nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại vật chất hoặc phi vật chất đối với hoạt động của doanh nghiệp. Rủi ro nói chung và rủi ro pháp lý trong hoạt động ngân hàng luôn được đề cao hơn vì kinh doanh ngân hàng là loại hình kinh doanh đặc biệt, tiềm ẩn nhiều rủi ro và có khả năng gây tác động đả vỡ mang tính hệ thống.

Tại BIDV, hoạt động quản lý, kiểm soát và hạn chế rủi ro pháp lý luôn được tôn trọng, đề cao trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật. Theo đó, các hoạt động để quản lý rủi ro pháp lý của BIDV được thể hiện trên các mặt:

- ❖ Xây dựng và ban hành hệ thống quy định, quy trình, quy chế, mẫu biểu hướng dẫn thực hiện tất cả các mảng nghiệp vụ để áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống; thường xuyên hệ thống hóa, pháp điển hóa để đảm bảo sự thống nhất, phù hợp;
- ❖ Thẩm định pháp lý toàn diện đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật đối với tất cả các văn bản chế độ nội bộ của BIDV trước khi ban hành và áp dụng trên thực tế;
- ❖ Tư vấn pháp lý thường xuyên trong mọi hoạt động BIDV, đặc biệt là tư vấn xử lý tranh chấp, thu hồi nợ;
- ❖ Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và văn bản chế độ nội bộ cho cán bộ toàn hệ thống;
- ❖ Giám sát, kiểm tra sau đối với quá trình triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và văn bản nội bộ;
- ❖ Luôn cập nhật các chính sách, quy định pháp luật mới ban hành;
- ❖ Chủ động: (a) nghiên cứu, tham gia quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của BIDV từ đó nắm bắt xu hướng thay đổi chính sách pháp luật và có định hướng hoạt động phù hợp; và (b) kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi các mâu thuẫn, bất cập, chông chéo tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;
- ❖ Thường xuyên kiện toàn, tăng cường, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ pháp chế đảm bảo đủ năng lực đáp ứng nhu cầu tư vấn pháp lý ngày càng tăng đối với hoạt động nghiệp vụ trong toàn bộ hệ thống.

Đối với các giao dịch có giá trị lớn, tính chất phức tạp hoặc liên quan đến yếu tố nước ngoài, BIDV chỉ định các công ty luật có uy tín, kinh nghiệm để tư vấn nhằm đảm bảo chặt chẽ, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và hạn chế các rủi ro pháp lý. Bên cạnh sự hỗ trợ từ Ban Pháp chế, các đơn vị thành viên cũng được phép thuê luật sư bên ngoài để giải quyết các vấn đề pháp lý của mình.

g. Quản lý rủi ro công nghệ thông tin

BIDV đã nhận diện rủi ro công nghệ thông tin là một loại rủi ro trọng yếu và đang thực hiện quản lý rủi ro công nghệ thông tin một cách độc lập với rủi ro hoạt động. BIDV đã nghiên cứu xây dựng Đề án Quản lý rủi ro công nghệ thông tin, ban hành Chính sách, Chiến lược, Quy định nội



bộ với các công cụ đo lường được thực hiện riêng cho rủi ro công nghệ thông tin, tuân thủ các quy định tại thông tư Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

6.3. Thị trường hoạt động

a. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Là một trong ba ngân hàng thương mại có mạng lưới rộng nhất Việt Nam, BIDV có địa bàn kinh doanh trải dài và mạng lưới rộng khắp, phủ kín 63 tỉnh/thành phố trên cả nước với tổng số điểm mạng lưới đến 31/03/2023 gồm:

- 01 Trụ sở chính tại Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- 189 chi nhánh tại Việt Nam;
- 1 chi nhánh nước ngoài (tại Myanmar);
- 895 Phòng Giao dịch;
- 03 đơn vị sự nghiệp (Trung tâm Công nghệ Thông tin, Trung tâm dịch vụ kho quỹ phía Nam, Viện đào tạo và nghiên cứu);
- 02 Văn phòng Đại diện tại Việt Nam (TP.Hồ Chí Minh và TP.Đà Nẵng);
- 04 Văn phòng Đại diện tại nước ngoài (Campuchia, Lào, Đài Loan, Liên Bang Nga).

Mạng lưới chi nhánh tại Việt Nam của BIDV phân theo khu vực địa bàn như sau:

- 34 Chi nhánh tại thành phố Hà Nội;
- 36 Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- 18 Chi nhánh tại địa bàn động lực phía Bắc ngoài thành phố Hà Nội;
- 6 Chi nhánh tại địa bàn Đồng Bằng Sông Hồng;
- 17 Chi nhánh tại địa bàn miền núi phía Bắc;
- 14 Chi nhánh tại Bắc Trung Bộ;
- 15 Chi nhánh tại Nam Trung Bộ;
- 12 Chi nhánh tại Tây Nguyên;
- 15 Chi nhánh tại địa bàn động lực phía Nam ngoài thành phố Hồ Chí Minh;
- 22 Chi nhánh tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Mạng lưới hoạt động trong nước phân bố rộng khắp các tỉnh/thành phố giúp BIDV tiếp cận một số lượng lớn khách hàng trên toàn quốc và các khu lân cận, cung cấp dịch vụ đa dạng cho nhiều đối tượng khách hàng từ cá nhân, hộ gia đình đến các loại hình tổ chức, doanh nghiệp.

b. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Về mạng lưới khách hàng:

❖ Khách hàng doanh nghiệp lớn

BIDV đã tập trung khai thác tối đa tiềm năng khách hàng doanh nghiệp lớn hiện tại, tăng cường mở rộng nền tảng khách hàng lõi, phát triển hệ thống quản trị xuyên suốt cùng cơ chế chính sách khách hàng linh hoạt phù hợp theo từng nhóm khách hàng. Đến hết 31/03/2023, BIDV đang có hơn 6.800 khách hàng doanh nghiệp lớn, trong đó tập trung chủ yếu ở địa bàn Hà Nội (hơn 1.970 khách hàng), địa bàn TP. Hồ Chí Minh (1.630 khách hàng). Trong số hơn 6.800 khách hàng này, tập trung theo ngành nghề: Bán buôn (chiếm 23.9%), Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (chiếm 7.9%), Sản xuất và phân phối điện khí đốt (chiếm 5.4%), Sản xuất chế biến thực phẩm (chiếm 4.7%)...

❖ Khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV).

- Về số lượng khách hàng DNNVV: Đến hết 31/03/2023, số lượng KHDNNVV tại BIDV (bao gồm cả đơn vị hành chính sự nghiệp) đạt xấp xỉ 359.000 khách hàng (tăng trưởng gần 6.000 khách hàng so với cuối năm 2022, tương ứng 1,7%).
- Về địa bàn: Khách hàng DNNVV của BIDV trải rộng cả 03 miền Bắc – Trung – Nam. Trong đó, khu vực miền Bắc chiếm tỷ trọng lớn nhất. Về cơ bản nền khách hàng hiện đang có xu hướng tập trung chủ yếu tại 02 địa bàn chính là TP Hà Nội (bao gồm hơn 83.500 khách hàng, chiếm tỷ trọng 23.2%) và TP Hồ Chí Minh (bao gồm khoảng 51.100 khách hàng, chiếm tỷ trọng 14.2%).
- Về ngành nghề kinh doanh: Hiện BIDV đang có quan hệ với các khách hàng DNNVV ở đa dạng các ngành nghề khác nhau. Trong đó khách hàng hoạt động tập trung chủ yếu trong các ngành nghề như Bán buôn (chiếm 21.9%), Xây dựng (chiếm 16.5%), Giáo dục đào tạo (chiếm 4.6%),...

❖ Khách hàng doanh nghiệp nước ngoài (FDI).

Hiện nay, số lượng khách hàng FDI tại BIDV là hơn 6.600 khách hàng từ tất cả các quốc gia, vùng lãnh thổ có đầu tư lớn vào Việt Nam như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Singapore, Đài Loan, và các nước Châu Âu và Bắc Mỹ..., trong đó bao gồm nhiều khách hàng là thành viên thuộc các Tập đoàn/Doanh nghiệp lớn có uy tín trên toàn cầu, các tên tuổi hàng đầu đã xuất hiện tại Việt Nam của các quốc gia trên. Mạng lưới khách hàng FDI của BIDV trải rộng trên toàn quốc, tập trung tại các địa bàn thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài như TP. Hồ Chí Minh (1.506 khách hàng chiếm tỷ trọng 22,8%), Bình Dương và Đồng Nai (1.370 khách hàng chiếm tỷ trọng 20,7%), Hà Nội (1.350 khách hàng chiếm tỷ trọng 20,4%). Ngành nghề kinh doanh của khối khách hàng FDI đa dạng, trong đó một số ngành nghề nổi bật, thu hút nhiều vốn đầu tư như Công nghiệp chế biến - chế tạo (52%), Bán buôn (13,2%), Xây dựng (5,7%), Kinh doanh bất động sản (2,4%)...

❖ Khách hàng Định chế tài chính (ĐCTC): bao gồm gần 2.700 CIF khách hàng tại Việt Nam và các quốc gia trên thế giới, số lượng khách hàng khá ổn định trong các năm gần đây và được chia thành các nhóm khách hàng như sau:

- ĐCTC là Tổ chức tín dụng (1.200 CIF khách hàng): bao gồm ĐCTC trong nước: 35 NHTM Việt Nam, 12 Công ty tài chính và Công ty tài chính tiêu dùng, 2 Công ty cho thuê tài chính, 460 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và 2 tổ chức tài chính vi mô; và ĐCTC nước ngoài: hơn 1.100 ngân hàng đại lý trên toàn thế giới.

- ĐCTC phi TCTD (gần 1.500 CIF khách hàng) bao gồm:
 - ✓ ĐCTC Việt Nam đặc biệt: BHXH, Bộ Tài Chính, Hải Quan, Kho Bạc Nhà nước, các Quỹ ngoài ngân sách...
 - ✓ ĐCTC thương mại: bao gồm các công ty chứng khoán Công ty bảo hiểm Công ty Quản lý quỹ và các quỹ đầu tư và các ĐCTC khác.
 - ✓ ĐCTC là tổ chức đa phương: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB); Ngân hàng Thế giới (World Bank), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF); ĐCTC Tài chính Quốc tế (IFC) và Hiệp hội Ngân hàng Trung Quốc - ASEAN (CAIBA).
- ❖ Khách hàng cá nhân:

Tính đến 31/03/2023, BIDV đã đạt hơn 16 triệu khách hàng cá nhân, chiếm ~15% dân số cả nước, tốc độ tăng trưởng số lượng khách hàng cá nhân trung bình đạt 15%/năm, trong đó 34% số lượng khách hàng tập trung ở 2 thành phố lớn là Hà Nội và Tp.Hồ Chí Minh. Tỷ lệ khách hàng hoạt động thường xuyên (Active) đạt 54%, trung bình mỗi khách hàng Active đăng ký sử dụng 4.5 sản phẩm dịch vụ ngân hàng bán lẻ.

Về sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng:

Quý I.2023, BIDV tiếp tục triển khai nhiều sản phẩm ứng dụng công nghệ số, kết hợp với việc xây dựng một hành trình khách hàng khép kín, đưa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số trở thành lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ. Danh mục sản phẩm bán lẻ của BIDV hiện nay gồm hơn 100 sản phẩm, chia thành một số nhóm sản phẩm chính như sau:

- ✓ Tiền gửi là sản phẩm có thế mạnh của BIDV và có ưu thế vượt trội về quy mô so với các ngân hàng thương mại khác trên thị trường. Tổng quy mô huy động vốn dân cư của BIDV đến 31/03/2023 đạt hơn 818.280 tỷ đồng, chiếm hơn 47% tổng huy động vốn của BIDV. Để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, BIDV đã triển khai nhiều sản phẩm huy động theo từng đối tượng khách hàng với cơ cấu kỳ hạn hợp lý cùng các chương trình khuyến mại hấp dẫn như gói sản phẩm dành cho khách hàng đồ lương, khách hàng sinh viên, khách hàng là doanh nhân, tiểu thương, nhận trợ cấp, khách hàng là nhân viên văn phòng và các sản phẩm vốn đầu tư chuyên dùng. Bên cạnh các sản phẩm tiền gửi truyền thống, BIDV đã tích cực triển khai sản phẩm Tiền gửi Online qua Smartbanking tạo thiện cảm rất tốt với khách hàng, giúp khách hàng vượt qua các giới hạn về thời gian cũng như không gian trong việc quản lý tài sản của mình. BIDV đã triển khai sản phẩm Tiền gửi Tích lũy Online, tích lũy Ước Mơ, Tích lũy mua nhà An Phú Gia trên Smartbanking với các sản phẩm đa dạng phù hợp với nhu cầu và mục đích khách hàng. Ngoài ra để đẩy mạnh và thu hút khách hàng sử dụng kênh số, BIDV đã triển khai hình thức đăng ký mở tài khoản, Smartbanking, thẻ dành cho khách hàng mới bằng hình thức eKYC, khách hàng không cần ra quầy có thể đăng ký sử dụng dịch vụ ngay tại nhà.

- ✓ Cho vay bán lẻ cũng là sản phẩm lợi thế của BIDV với quy mô dư nợ bán lẻ dẫn đầu thị trường. Đến 31/03/2023, tổng dư nợ bán lẻ đạt ~ 672,838 tỷ đồng, tăng trưởng xấp xỉ 4% so với 31/12/2023. Hoạt động tín dụng bán lẻ của BIDV tiếp tục giữ vững vị thế và ngày càng vượt xa về quy mô dư nợ TDBL so với các Ngân hàng khác trong khối NHTMCP, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trên 20%. Trong các sản phẩm cho vay, BIDV đặc biệt có ưu thế với sản phẩm cho vay nhà ở, đây là sản phẩm 4 năm liên tiếp được bình chọn là sản phẩm cho vay tốt nhất Việt Nam của tạp chí The Asian Banker. Với sự phát triển của công nghệ số, sản phẩm cho vay nhanh Quick Loan qua ứng dụng Smart Banking mới ra đời cũng đã đạt giải sản phẩm cho

vay tốt nhất năm 2021. Đồng thời, BIDV đã triển khai sản phẩm cho vay cầm cố tiền gửi online trên ứng dụng Smartbanking từ đầu năm 2022.

✓ Hiện tại, BIDV triển khai hệ thống khởi tạo khoản vay bán lẻ (RLOS) để rút ngắn thời gian phê duyệt tín dụng, nâng cao hiệu suất phục vụ khách hàng. Trong thời gian tới, BIDV tiếp tục nghiên cứu phát triển các dự án số hóa, chuẩn hóa sản phẩm tín dụng để gia tăng tiện ích và thuận tiện đối với khách hàng, đa dạng kênh bán hàng, đa dạng hóa sản phẩm tín dụng bán lẻ, tăng khả năng cạnh tranh của BIDV trên thị trường, tăng hàm lượng công nghệ đối với sản phẩm tín dụng bán lẻ của BIDV cũng như giảm thời gian tác nghiệp của cán bộ, giảm thiểu thủ tục hồ sơ chứng từ, tiết kiệm thời gian của khách hàng.

✓ Dịch vụ thanh toán cá nhân là sản phẩm truyền thống và đóng góp lớn trong tổng thu dịch vụ bán lẻ của BIDV. Với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực thanh toán nội địa và quốc tế, BIDV đã xây dựng nhiều sản phẩm, dịch vụ thanh toán cho khách hàng với nhiều lợi ích vượt trội, thời gian xử lý nhanh chóng, chính xác, mức độ bảo mật cao. Bên cạnh hệ thống SWIFT GPI (Global Payments Innovation) được triển khai từ tháng 09/2018 hỗ trợ khách hàng chuyển tiền ra nước ngoài nhanh chóng, an toàn và tiện lợi, BIDV cũng đã hợp tác với các định chế tài chính, đối tác quốc tế triển khai các sản phẩm kiều hối mới cung cấp cho khách hàng như dịch vụ chuyển tiền 24/7 hợp tác với KebHanabank, dịch vụ nhận tiền kiều hối Ria, KoronaPay...

✓ Dịch vụ ngân hàng số là sản phẩm mới nhất song có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ nhất trong danh mục sản phẩm của BIDV. Số lượng khách hàng cá nhân sử dụng dịch vụ ngân hàng số khoảng 10 triệu khách hàng. BIDV là ngân hàng kết nối nhiều nhất với các công ty Fintech với 30/41 trung gian thanh toán và hơn 1000 nhà cung cấp dịch vụ trực tiếp để triển khai các dịch vụ thanh toán tiền điện, nước, học phí, viễn thông, chứng khoán. BIDV thường xuyên nâng cấp các sản phẩm ngân hàng điện tử và bổ sung các tính năng số hóa cho các sản phẩm đặc biệt là sản phẩm số chiến lược BIDV Smartbanking; trong đó có một số tính năng nổi trội mới triển khai như: Mở rộng triển khai công nghệ AI nhận diện giọng nói trên Smartbanking, xây dựng bàn phím thông minh trên Smartbanking, triển khai giải pháp Smart OTP thay cho tin nhắn qua SMS tích hợp sẵn trong Smartbanking đảm bảo an toàn, tiết kiệm, triển khai hệ thống tích điểm đổi quà, đăng ký nhận thông báo cước tiền điện, tiền nước viễn thông truyền hình qua tin nhắn OTT, thông báo chương trình khuyến mại/dịch vụ mới và nhiều tiện ích khác được tích hợp.

❖ Các sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng doanh nghiệp, bao gồm:

Sản phẩm cho vay: BIDV hiện đang cung cấp nhiều nhóm sản phẩm tín dụng đa dạng và phong phú đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng doanh nghiệp. Trong đó bao gồm:

- ✓ Nhóm sản phẩm tín dụng cơ bản (cho vay theo hạn mức/món, cho vay đầu tư dự án)
- ✓ Nhóm sản phẩm tín dụng đặc thù (cho vay thấu chi, cho vay tuần hoàn, chiết khấu GTCG, thẻ TDDN, ...)
- ✓ Nhóm sản phẩm tín dụng theo ngành nghề lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp, theo đối tượng khách hàng (Cơ chế cấp tín dụng đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, Cơ chế tín dụng đặc thù dành cho khách hàng DN NVV, cho vay thi công xây lắp, gói sản phẩm tài trợ ngành Dược phẩm, Chính sách bảo lãnh tạm ứng đặc thù đối với KH thi công xây lắp, ...)

- ✓ Nhóm sản phẩm tài trợ chuỗi: bao thanh toán, tài trợ doanh nghiệp cung ứng, tài trợ nhà phân phối trong các lĩnh vực tiềm năng, tài trợ các chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp đầu ngành).
- ✓ Sản phẩm tiền gửi: Bên cạnh danh mục sản phẩm dùng chung cho đối tượng khách hàng doanh nghiệp đã khá đa dạng và tương đồng với các Ngân hàng thương mại khác trên thị trường, BIDV thường xuyên nắm bắt nhu cầu gửi tiền/quản lý dòng tiền đặc biệt của khách hàng để kịp thời nghiên cứu, thiết kế sản phẩm tiền gửi đặc thù cho từng khách hàng/nhóm khách hàng doanh nghiệp nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu đặc thù của doanh nghiệp, từ đó góp phần duy trì và gia tăng nguồn tiền gửi ổn định vào hệ thống BIDV.

Các sản phẩm dịch vụ khác: ngoài các sản phẩm liên quan tới huy động vốn và tín dụng, BIDV hiện đang cung cấp các sản phẩm phi tín dụng đa dạng tới khách hàng doanh nghiệp. Ngoài các sản phẩm về tài trợ thương mại như cho vay thực hiện hợp đồng xuất khẩu, tài trợ nhập khẩu đảm bảo bằng lô hàng nhập, UPAS L/C, UPAS VNĐ, Forfaiting, Tài trợ L/C nội địa, L/C giáp lưng... hoặc các sản phẩm thanh toán và quản lý tiền tệ như: Thanh toán lương, Thanh toán tự động dành cho KHDN, Sản phẩm BIDV iBank (bao gồm QLDT, KSDT),..., lương, Thanh toán tự động dành cho KHDN, Tài khoản Escrow, Sản phẩm BIDV iBank (bao gồm QLDT, KSDT),..., BIDV đang tập trung phát triển sản phẩm dịch vụ thanh toán, thu hộ với hàm lượng công nghệ cao đặc biệt được quan tâm, chú trọng nhằm nâng cao tiện ích cho khách hàng sử dụng như Thu hộ qua Tài khoản định danh (Virtual Account), Thu hộ qua phí, thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, truyền hình cáp, thanh toán lương, nộp thuế điện tử và các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt khác nhằm tăng thu phí dịch vụ và thu hút nguồn tiền gửi không kỳ hạn với chi phí thấp của khách hàng.

c. Thị phần và khả năng cạnh tranh

❖ Năm 2022, BIDV vẫn giữ vững vị thế thị trường và thị phần quy mô hoạt động hàng đầu trong hệ thống ngân hàng Việt Nam. Cụ thể :

Bảng 17: Thị phần của BIDV so với toàn ngành trong những năm gần đây

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng

Năm	Tổng tài sản			Dư nợ			Huy Động Vốn		
	Toàn ngành	BIDV	Thị phần	Toàn ngành	BIDV	Thị phần	Toàn ngành	BIDV	Thị phần
2019	12.579	1.490	11,9%	8.195	1.117	13,6%	8.793	1.114	12,7%
2020	14.020	1.517	10,8%	9.193	1.214	13,2%	10.020	1.227	12,3%
2021	15.961	1.762	11,0%	10.444	1.355	13,0%	10.946	1.380	12,6%
2022	18.276	2.121	11,6%	11.924	1.522	12,8%	11.819	1.474	12,5%

Nguồn: BIDV, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ghi chú:

- Nguồn: BCTC của BIDV, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Thị phần Dư nợ = Cho vay KH BIDV/ DNTD nền kinh tế

- Thị phần HĐV = Tiền gửi khách hàng BIDV/ (Tiền gửi TCKT + Tiền gửi dân cư hệ thống)

Bên cạnh đó, với kết quả hoạt động tích cực, BIDV tiếp tục được các tổ chức, cộng đồng đánh giá cao với các giải thưởng uy tín: Top 10 doanh nghiệp lớn nhất (Vietnam Report), Top 25 Thương hiệu tài chính dẫn đầu và Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam (Forbes Việt Nam); giải thưởng Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam lần thứ 6 (The Banker), giải thưởng Ngân hàng bán buôn số 1 của năm và Ngân hàng điện tử sáng tạo nhất Việt Nam (Global banking and Finance review - GBAF), giải thưởng Ngân hàng nội địa cung cấp sản phẩm quản lý tiền mặt tốt nhất Việt Nam năm 2020 (Asiamoney), giải thưởng Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam 3 năm liên tiếp 2018-2020 (The Asian banking and Finance, Singapore và The Alpha Southeast Asia), giải thưởng Ngân hàng giao dịch tốt nhất Việt Nam và Ngân hàng quản lý tiền tệ tốt nhất Việt Nam (The Asian Banker)...

BIDV hiện đã ban hành Chiến lược chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, BIDV đã đẩy mạnh các hoạt động chuyển đổi số, phát triển các dịch vụ ngân hàng số hiện đại, tập trung triển khai hoàn thành các dự án CNTT trọng điểm.

Ngoài ra, nhờ sự hợp tác chiến lược với đối tác Hana Bank, BIDV nhận được chương trình hỗ trợ kỹ thuật dài hạn, bao gồm nhưng không giới hạn trên 6 lĩnh vực: Tăng cường Quản lý rủi ro, Hợp tác trong kinh doanh, CNTT& Chuyển đổi số, Cải thiện quy trình, Phát triển văn hóa doanh nghiệp, Bồi dưỡng nhân tài cho tương lai. Theo đó, năng lực tài chính, năng lực quản trị điều hành, quản trị rủi ro của BIDV ngày càng được nâng cao; việc phát triển các sản phẩm dịch vụ hiện đại, công nghệ thông tin, nguồn nhân lực... ngày càng phát triển, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu sản phẩm, tiện ích của khách hàng, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

❖ **Năng lực tài chính ngày càng được nâng cao**

Năm 2022 vốn điều lệ của BIDV đạt 50.585,24 tỷ đồng, đứng thứ 2 toàn hệ thống ngân hàng tại Việt Nam. Ngoài ra, nhờ sự hợp tác chiến lược với đối tác Hana Bank, BIDV nhận được chương trình hỗ trợ kỹ thuật dài hạn, bao gồm nhưng không giới hạn trên 6 lĩnh vực: quản trị chiến lược phát triển ngân hàng; quản lý hệ thống công nghệ và ngân hàng số; tăng cường phát triển ngân hàng bán lẻ; đa dạng hóa danh mục tài sản sinh lời; quản trị rủi ro; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Theo đó, năng lực quản trị điều hành; quản trị rủi ro; phát triển các sản phẩm dịch vụ hiện đại, công nghệ thông tin, nguồn nhân lực;...v.v. của BIDV đang ngày càng phát triển, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu sản phẩm, tiện ích của khách hàng, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

❖ **Dẫn đầu về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin**

BIDV được đánh giá là một trong những NHTM dẫn đầu ICT Index trong nhiều năm qua. Hiện nay, BIDV đang tiếp tục phát triển nhiều sản phẩm ngân hàng số theo xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0. Đặc biệt, BIDV đã có bước tiến lớn về mô hình tổ chức là thành lập Trung tâm ngân hàng số, đánh dấu bước đi quan trọng trong chiến lược phát triển với công nghệ và ngân hàng số là một trong 3 trụ cột chính của BIDV.

6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Để tiếp tục phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của mình, hiện tại BIDV đang triển khai các dự án sau:

Bảng 18: Một số dự án đầu tư xây dựng công trình đang triển khai từ năm 2019 – 31/03/2023

STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Tình hình triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới HĐKD của BIDV
1	Trụ sở làm việc Chi nhánh Sa Pa	Số 20 đường Ngũ Chi Sơn, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai	Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu	
2	Trụ sở làm việc Chi nhánh Cẩm Phả	Số 204 đường Trần Phú, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh	Hiện dự án đang dừng triển khai để chờ kết luận của UBND thành phố Cẩm Phả v/v thu hồi đất trụ sở CN Cẩm Phả	
3	Trụ sở làm việc Chi nhánh Bắc Quảng Bình	368 Quang Trung - Phường Ba Đồn - Thị xã Ba Đồn - Quảng Bình	Đang triển khai thi công xây dựng công trình	
4	Trụ sở làm việc Chi nhánh Hạ Long	Số 74 Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long, Quảng Ninh	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.	
5	Trụ sở làm việc Chi nhánh Lam Sơn	Đường Phan Chu Trinh TP Thanh Hóa	Đang triển khai thi công xây dựng công trình	
6	Trụ sở làm việc Chi nhánh Hùng Vương	1464 đường Hùng Vương, P Tiên Cát, Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu	
7	Trụ sở làm việc Chi nhánh Tam Điệp	Đường Trần Phú, phường Bắc Sơn, TP Tam Điệp, Ninh Bình	Đang triển khai thi công xây dựng công trình	
8	Trụ sở làm việc Chi nhánh Đồng Tháp	12A Đường 30/4 P1 Đồng Tháp	Đang triển khai thi công xây dựng công trình	
9	Trụ sở làm việc Chi nhánh Quy Nhơn	399-403 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định	Đang triển khai thi công xây dựng công trình	
10	Trụ sở làm việc PGD Đồng Văn – Chi nhánh Hà Giang	Thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang	Đã hoàn thành xây dựng. Đơn vị kiểm toán đang kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành	Trong giai đoạn 2019-31/03/2023, có 1 số dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BIDV như: - Dự án đã hoàn thành làm tăng nhận diện thương hiệu, đảm bảo cơ sở vật chất là trụ sở cho Chi nhánh hoạt động kinh doanh. - Các chi phí đầu tư đảm bảo trong kế hoạch hoạt động kinh doanh của BIDV.

Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu

11	Trụ sở làm việc Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	56-62 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q1, TP HCM	Đã hoàn thành xây dựng
12	Trụ sở PGD Ba Tri, CN Đồng Khởi.	11 Nguyễn Đình Chiểu, TT Ba Tri, Bến Tre	Đã hoàn thành xây dựng
13	Trụ sở làm việc PGD Đắc Mil – Chi nhánh Đắc Nông	Số 38 Nguyễn Tất Thành- TT Đắc Mil- Huyện Đắc Mil- Tỉnh Đắc Nông	Đã hoàn thành xây dựng. Đơn vị kiểm toán đang kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành
14	Trụ sở làm việc PGD Vị Xuyên, CN Hà Giang	Tổ 05, thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	Đang triển khai thi công xây dựng công trình.
15	Trụ sở làm việc PGD Đề Thám, CN Cao Bằng.	Lô số 3 khu đô thị mới Phường Đề Thám, Thành Phố Cao Bằng	Đã phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật.
16	Trụ sở PGD Cầu Kè, CN Trà Vinh	Đường 30/4, Khóm 1, TT Cầu Kè, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh	Đã hoàn thành xây dựng. Đơn vị kiểm toán đang kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành
17	Trụ sở 20 Hàng Tre	20 Hàng Tre, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình
18	Trụ sở 38-40 Hàng Vôi	38-40 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình
19	Trụ sở làm việc Chi nhánh Sông Hàn	111 Nguyễn Chí Thanh, Hải Châu, Đà Nẵng	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình
20	Trụ sở làm việc Chi nhánh Tây Đô	5 Phan Đình Phùng, phường Tây An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình

Nguồn: BIDV

Bảng 19: Một số dự án đầu tư công nghệ chính đang thực hiện từ năm 2019-31/03/2023

TT	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai và thời gian triển khai
1	Dự án Chuyển đổi hệ thống Corebanking	

TT	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai và thời gian triển khai
-	Hạng mục: Mua sắm, triển khai hệ thống phần mềm Corebanking thuộc Dự án Chuyển đổi hệ thống Corebanking	Dự án đang triển khai hợp đồng, dự kiến hoàn thành triển khai năm 2023
-	Hạng mục: Mua sắm, triển khai phần mềm hệ thống tài trợ thương mại của BIDV	Dự án đã hoàn thành triển khai tháng 3/2021
2	Trang bị giải pháp quản lý khoản vay (cho khách hàng doanh nghiệp)	Dự án đã hoàn thành triển khai năm 2020.
3	Mua sắm mới giải pháp quản trị nhân sự tổng thể	Dự án đã hoàn thành triển khai Quý II/2021.
4	Đầu tư và xây dựng Trung tâm dữ liệu mới theo tiêu chuẩn TIER 3	Dự án hoàn thành triển khai và đưa vào sử dụng năm 2020.
5	Triển khai hệ thống Hạ tầng quản trị doanh nghiệp (ECM)	Dự án đã hoàn thành triển khai năm 2020.
6	Trang bị giải pháp hệ thống ALM	Dự án đang triển khai hợp đồng, dự kiến hoàn thành triển khai năm 2023.
7	Triển khai giải pháp Quản trị dữ liệu	Dự án đang triển khai hợp đồng, dự kiến hoàn thành triển khai năm 2023
8	Triển khai quy trình khởi tạo khoản vay bán lẻ trên nền tảng giải pháp quản lý quy trình nghiệp vụ BPM	Dự án đang triển khai hợp đồng, dự kiến sẽ hoàn thành triển khai năm 2024
9	Mua sắm máy ATM đa năng (CRM) giai đoạn 2020-2022	Dự án đang triển khai hợp đồng, dự kiến sẽ hoàn thành triển khai năm 2024
10	Trang bị hệ thống Ngân hàng điện tử cho Khách hàng tổ chức	Dự án đang trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu, dự kiến sẽ hoàn thành triển khai năm 2025

Nguồn: BIDV

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động kinh doanh của BIDV giai đoạn 2021-31.03.2023

a. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 20: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính giai đoạn 2021- 31/03/2023 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Tăng/giảm 22/21	31/03/2023	Tăng giảm so với cùng kỳ
Tổng giá trị tài sản	1.761.696	2.120.609	20,4%	2.106.865	
Vốn chủ sở hữu	86.329	104.190	20,7%	109.848	
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	101.008	121.111	19,9%	37.735	40%

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Tăng/giảm 22/21	31/03/2023	Tăng/giảm so với cùng kỳ
Thu nhập lãi thuần	46.823	56.070	19,7%	13.936	9%
Lãi lỗ từ hoạt động dịch vụ	6.614	5.648	-14,6%	1.517	19%
Lãi lỗ từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.896	3.137	65,4%	673	15%
Lãi lỗ từ mua bán chứng khoán kinh doanh	586	-32	-105,4%	65,73	-
Lãi lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	207	258	24,6%	-0,165	-110%
Lãi lỗ từ hoạt động khác	6.179	4.210	-31,9%	977	-33%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	188	291	55,1%	110	32%
Chi phí hoạt động	-19.465	-22.557	15,9%	-4.832	12%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	43.029	47.025	9,3%	12.447	5%
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	-29.481	-24.015	-18,5%	-5.527	-25%
Lợi nhuận trước thuế	13.548	23.009	69,8%	6.920	53%
Lợi nhuận sau thuế	10.841	18.420	69,9%	5.559	53%
- Phân bổ (lãi) cho cổ đông không kiểm soát	-301	-262	-13,2%	-91	36%
- Lợi nhuận thuần của Ngân hàng mẹ	10.540	18.159	72,3%	5.468	53%
Tỷ lệ LNST trên VCSH bình quân (ROE)	13,06%	19,34%	48,1%	20,78%	

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, Báo cáo hợp nhất Quý I/2023 đã công bố, ROE thời điểm 31/03/2023 đã được quy đổi theo đơn vị năm

Bảng 21: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính giai đoạn 2021- 31/03/2023 theo BCTC riêng

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Tăng/giảm 2022/2021	31/03/2023	Tăng/giảm so với cùng kỳ
Tổng giá trị tài sản	1.721.316	2.080.180	20,8%	2.064.480	
Vốn chủ sở hữu	81.018	96.781	19,5%	102.166	
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	98.200	118.621	20,8%	37.037	41%
Thu nhập lãi thuần	45.157	54.557	20,8%	13.516	9%

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Tăng/giảm 2022/2021	31/03/2023	Tăng/giảm so với cùng kỳ
Lãi lỗ từ hoạt động dịch vụ	5.488	4.813	-12,3%	1.342	23%
Lãi lỗ từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.820	3.018	65,8%	670	21%
Lãi lỗ từ mua bán chứng khoán kinh doanh	393	-77	-119,6%	0,098	-100%
Lãi lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	204	260	27,3%	0,217	-86%
Lãi lỗ từ hoạt động khác	6.025	4.144	-31,2%	963	-33%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	288	304	5,5%	90	159%
Chi phí hoạt động	-17.990	-21.035	16,9%	-4.494	12%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	41.386	45.984	11,1%	12.087	5%
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	-28.842	-23.478	-18,6%	-5.474	-25%
Lợi nhuận trước thuế	12.543	22.506	79,4%	6.613	58%
Lợi nhuận sau thuế	10.072	18.064	79,3%	5.307	58%
Tỷ lệ LNST trên VCSH bình quân (ROE)	12,98%	20,32%	56,5%	21,34%	

Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán, Báo cáo riêng Quý I/2023 đã công bố, ROE thời điểm 31/03/2023 đã được quy đổi theo đơn vị năm

Hoạt động kinh doanh năm 2022 của BIDV duy trì ổn định, bám sát các chỉ tiêu kế hoạch theo mục tiêu đề ra, BIDV tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu với quy mô tổng tài sản lớn nhất trong số các NHTMCP tại Việt Nam, tổng tài sản riêng lẻ và hợp nhất năm 2022 của BIDV đạt lần lượt 2.080.180 tỷ đồng và 2.120.609 tỷ đồng, tăng trưởng 20,8% và 20,4% so với năm 2021, duy trì vị trí là ngân hàng có tổng tài sản lớn nhất Việt Nam. Tổng tài sản riêng lẻ và hợp nhất thời điểm 31/3/2023 của BIDV đạt lần lượt 2.064.480 tỷ đồng và 2.106.865 tỷ đồng, duy trì vị trí là ngân hàng có tổng tài sản lớn nhất Việt Nam.

Tại thời điểm 31/12/2022, vốn chủ sở hữu riêng lẻ và hợp nhất của BIDV đạt giá trị lần lượt là 96.781 tỷ đồng và 104.190 tỷ đồng, tăng trưởng tương ứng là 19,5% và 20,7% so với năm 2021. Tại thời điểm 31/3/2023, vốn chủ sở hữu riêng lẻ và hợp nhất của BIDV đạt giá trị lần lượt là 102.166 tỷ đồng và 109.848 tỷ đồng.

Trong năm 2022, tổng thu nhập của BIDV tăng trưởng tương đối tốt so với năm trước, trong đó các khoản mục chiếm tỷ trọng lớn là thu nhập lãi thuần và thu nhập thuần dịch vụ.

Tại 31/12/2022, thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự tăng trưởng khá đạt mức 118.621 tỷ đồng theo BCTC riêng lẻ và 121.111 tỷ đồng theo BCTC hợp nhất và tương ứng lần lượt tăng 20,8% và 19,9% so với mức 98.200 tỷ đồng và 101.008 tỷ đồng của năm 2021. Thu nhập lãi thuần cũng tăng tương ứng với tốc độ tăng trưởng của thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự, ở mức 54.557 tỷ đồng theo BCTC riêng lẻ và 56.070 tỷ đồng theo BCTC hợp nhất, ở mức xấp xỉ

20%. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự tại 31/03/2023 đạt mức 37.037 tỷ đồng theo BCTC riêng lẻ và 37.735 tỷ đồng theo BCTC hợp nhất. Thu nhập lãi thuần tại 31/03/2023 ở mức 13.516 tỷ đồng theo BCTC riêng lẻ và 13.936 tỷ đồng theo BCTC hợp nhất.

Tuy nhiên, thu nhập từ hoạt động dịch vụ lại ghi nhận mức giảm nhẹ. Tại 31/12/2022, thu nhập từ hoạt động dịch vụ theo BCTC riêng lẻ và hợp nhất lần lượt là 4.813 tỷ đồng và 5.648 tỷ đồng, giảm 12,3% và 14,6% so với năm trước. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ 3 tháng đầu năm 2023 đạt 1.342 tỷ ở BCTC riêng lẻ và đạt 1.517 tỷ ở BCTC hợp nhất, tăng lần lượt 22,7% và 19,0% so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra một số hoạt động khác của BIDV nhìn chung cũng có tăng trưởng tốt như hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt 3.137 tỷ đồng (tăng 65,4%), hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư đạt 258 tỷ đồng (tăng 24,6%), Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần đạt 291 tỷ đồng (tăng 55,1%)... Do đó lợi nhuận thuần của BIDV trong năm 2022 tăng trưởng cao so với năm 2021, xấp xỉ 11,1% và 9,3%, đạt mức 45.984 tỷ đồng và 47.025 tỷ đồng lần lượt theo BCTC riêng lẻ và hợp nhất. Sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, lợi nhuận trước thuế của BIDV trong năm 2022 đạt 22.506 tỷ đồng theo số liệu ngân hàng mẹ và 23.009 tỷ đồng theo số liệu hợp nhất, tương đương tăng xấp xỉ 70-80% so với năm 2021.

Lợi nhuận sau thuế riêng lẻ và hợp nhất năm 2022 đạt lần lượt 18.064 tỷ đồng và 18.420 tỷ đồng, tăng lần lượt 79,3% và 69,9% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế riêng lẻ và hợp nhất đến 31/3/2023 đạt lần lượt 6.613 tỷ đồng và 6.920 tỷ.

b. Các chỉ tiêu khác

❖ **Cơ cấu thu nhập**

Bảng 22: Cơ cấu thu nhập của BIDV giai đoạn 2021- 31/03/2023 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022			31/03/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng (2022/2021) (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi thuần	46.823	74,9	56.070	80,6	19,7	13.936	80,7
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	6.614	10,6	5.648	8,1	-14,6	1.517	8,8
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	1.896	3	3.137	4,5	65,5	673	3,9
4	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	586	0,9	-32	0	-105,5	65,73	0,4
5	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	207	0,3	258	0,4	24,6	-0,165	0,0
6	Lãi thuần từ hoạt động khác	6.179	9,9	4.210	6,1	-31,9	977	5,7
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	188	0,3	291	0,4	54,8	110	0,6

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022			31/03/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng (2022/2021) (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
	Tổng thu nhập hoạt động	62.494	100	69.582	100	11,3	17.278	100

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, Báo cáo hợp nhất Quý I/2023 đã công bố

Bảng 23: Cơ cấu thu nhập của BIDV giai đoạn 2021- 31/03/2023 theo BCTC riêng

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022			31/03/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng (2022/2021) (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi thuần	45.157	76,1	54.557	81,4	20,8	13.516	81,5
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	5.488	9,2	4.813	7,2	-12,3	1.342	8,1
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	1.820	3,1	3.018	4,5	65,8	670	4,0
4	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	393	0,7	-77	-0,1	-119,6	0,098	0,0
5	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	204	0,3	260	0,4	27,6	0,217	0,0
6	Lãi thuần từ hoạt động khác	6.025	10,1	4.144	6,2	-31,2	963	5,8
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	288	0,5	304	0,5	5,6	90	0,5
	Tổng thu nhập hoạt động	59.376	100	67.019	100	12,9	16.581	100

Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán, Báo cáo riêng Quý I/2023 đã công bố

❖ Cơ cấu doanh thu

Bảng 24: Cơ cấu doanh thu của BIDV giai đoạn 2021 – 31/03/2023 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022			31/03/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng (2022/2021) (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	101.008	80,4	121.111	82,9	19,9	37.735	86,5
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	10.370	8,3	10.344	7,1	-0,2	2.673	6,1

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022			31/03/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng (2022/2021) (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	3.760	3	7.119	4,9	89,3	1.811	4,1
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	932	0,7	309	0,2	-66,9	63	0,1
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	430	0,3	348	0,2	-19	0	0,0
6	Thu nhập từ hoạt động khác	8.957	7,1	6.526	4,5	-27,1	1.249	2,9
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	188	0,1	291	0,2	54,8	101	0,3
	Tổng thu nhập hoạt động	125.644	100	146.049	100	16,2	43.641	100

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý I/2023 đã công bố

Bảng 25: Cơ cấu doanh thu của BIDV giai đoạn 2021 – 31/03/2023 theo BCTC riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022			31/03/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng (2022/2021) (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	97.823	83,2	118.621	85,5	20,8	37.037	88,6
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	6.542	5,6	7.768	5,6	-0,7	2.055	4,9
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.935	2,5	5227	3,8	78,1	1.391	3,3
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	887	0,8	95	0,1	-86,7	0,098	0,0
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.854	1,6	348	0,3	-17,8	0	0,0
6	Thu nhập từ hoạt động khác	7.920	6,7	6.419	4,6	-26,8	1.227	2,9
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	158	0,1	304	0,2	5,5	90	0,2
	Tổng cộng	117.594	100	138.782	100	16,5	41.801	100

Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán, Báo cáo riêng Quý I/2023 đã công bố

❖ Cơ cấu chi phí hoạt động

Bảng 26: Cơ cấu chi phí hoạt động của BIDV giai đoạn 2021 – 31/03/2023 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022			31/03/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng (2022/2021) (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Chi phí nhân viên	11.428	58,7	12.837	56,9	12,3	2.730	56,5
2	Chi về tài sản	3.445	17,7	3.440	15,3	-0,1	758	15,7
3	Chi hoạt động quản lý công vụ	3.612	18,6	5.054	22,4	39,9	1.056	21,9
4	Chi phí hoạt động khác	980	5	1.226	5,4	25,1	287	5,9
	Tổng chi phí hoạt động	19.465	100	22.557	100	15,9	4.832	100

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, Báo cáo hợp nhất Quý I/2023 đã công bố

Bảng 27: Cơ cấu chi phí hoạt động của BIDV giai đoạn 2021 – 31/03/2023 theo BCTC riêng

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022			31/03/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng (2022/2021) (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Chi phí nhân viên	11.428	58,7	12.837	56,9	12,3	2.550	56,7
2	Chi về tài sản	3.445	17,7	3.440	15,3	-0,1	691	15,4
3	Chi hoạt động quản lý công vụ	3.612	18,6	5.054	22,4	39,9	981	21,8
4	Chi phí hoạt động khác	980	5	1.226	5,4	25,1	272	6,0
	Tổng chi phí hoạt động	19.465	100	22.557	100	15,9	4.494	100

Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán, Báo cáo riêng Quý I/2023 đã công bố

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

- Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Niêm Yết trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Tốc độ tăng trưởng 2022/2021	31/03/2023
LNST riêng	10.072.391	18.063.825	79,4%	5.307.315
LNST hợp nhất	10.841.271	18.420.014	69,9%	5.559.041

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của BIDV năm 2022 tăng tương ứng là 79,4% và 69,9% so với năm 2021 nhờ đẩy mạnh việc cơ cấu nền vốn, gia tăng nguồn thu ngoại hối, chứng khoán đầu tư và góp vốn.

Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Niêm Yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Năm 2022, để hỗ trợ nền kinh tế phục hồi sau đại dịch Covid-19, BIDV tiếp tục triển khai các biện pháp hỗ trợ khách hàng theo chủ trương của Chính phủ, NHNN, triển khai giảm lãi suất cho vay, các gói tín dụng hỗ trợ lãi suất cho các khách hàng vay vốn thuộc lĩnh vực ưu tiên, các khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19... Bên cạnh đó, năm 2022, BIDV chủ trương triển khai chính sách Zero Fee miễn phí dịch vụ trên nền tảng các kênh số, dẫn đến thu dịch vụ rỗng của BIDV giảm so với năm 2021.

Năm 2023, BIDV tiếp tục triển khai các chính sách ưu đãi lãi suất và hỗ trợ khách hàng, đồng thời cần lường đón ảnh hưởng của Thông tư số 02/2023/TT-NHNN về cơ cấu lại thời gian trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ.

8. Vị thế của BIDV so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của BIDV trong ngành

BIDV là NHTM lâu đời nhất tại Việt Nam với bề dày 66 năm hoạt động và phát triển. BIDV là NHTM cổ phần niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam, có sở hữu chi phối của Chính phủ và có cổ đông chiến lược nước ngoài là một trong những ngân hàng hàng đầu tại Châu Á.

❖ Vị thế dẫn đầu

Năm 2022, BIDV đứng đầu hệ thống ngân hàng Việt Nam về quy mô tổng tài sản (2.121 nghìn tỷ đồng). Là một ngân hàng đa năng, BIDV cung cấp tất cả các dịch vụ ngân hàng và sản phẩm tài chính cho khách hàng cá nhân, tổ chức và Chính phủ. BIDV có thể mạnh về mạng lưới rộng khắp bao gồm 189 chi nhánh trong nước và 895 phòng giao dịch tại tất cả 63 tỉnh thành phố trong cả nước, có hơn 1.000 quan hệ ngân hàng đại lý tại 98 quốc gia trên toàn thế giới. Ngoài ra, BIDV có các công ty trực thuộc hoạt động trong các lĩnh vực chứng khoán (BSC), bảo hiểm (BIC), cho thuê tài chính (BSC), giúp BIDV đáp ứng nhu cầu đa dạng của nền khách hàng rộng lớn bao gồm 10 triệu khách hàng cá nhân và 285 nghìn khách hàng doanh nghiệp. BIDV duy trì vị thế dẫn đầu thị trường trong nhiều lĩnh vực chủ chốt như bán lẻ, SME, kinh doanh ngoại tệ, thanh toán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thanh toán cho thị trường chứng khoán, nghiên cứu thị trường, đồng thời đang hướng mạnh đến lĩnh vực ngân hàng số.

❖ Năng lực tài chính vững mạnh

Tổng tài sản đến 31/12/2022 đạt 2.121 nghìn tỷ đồng, tăng 20,4% so với đầu năm; dư nợ đạt 1.522 nghìn tỷ đồng (tăng 12,3% so với đầu năm), tiền gửi khách hàng đạt 1.474 nghìn tỷ đồng (tăng 6,8% so với đầu năm), tiếp tục duy trì vị thế là ngân hàng có quy mô đứng thứ nhất trên thị trường. Dư nợ cho vay khách hàng chiếm tỷ trọng 72% tổng tài sản.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2022 của BIDV đạt 23.058 tỷ đồng, tăng 70% so với năm ngoái.

Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt. Đến 31/12/2022, tỷ lệ nợ xấu của BIDV là 1,16%, nằm

trong giới hạn kiểm soát của BIDV cũng như NHNN. Đặc biệt, BIDV đã hoàn tất việc mua lại toàn bộ nợ xấu tại VAMC trong năm 2020.

Các tỷ lệ an toàn hoạt động luôn đảm bảo theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước.

❖ **Tiên phong áp dụng chuẩn mực quốc tế**

BIDV là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam thực hiện kiểm toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS (từ 1996), là ngân hàng đầu tiên chủ động mời Moody's xếp hạng tín nhiệm (2006) và thuộc nhóm ngân hàng được định hạng tín nhiệm cao nhất Việt Nam. Đặc biệt, ngày 01/12/2019, BIDV đã được Ngân hàng Nhà nước công nhận đạt chuẩn Basel II trước thời hạn quy định.

8.2. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh Quý I/2023 của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Bảng 28: So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh Quý I/2023 của các ngân hàng cùng quy mô

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tiêu chí	BID	VCB	CTG	MBB	TCB	VPB
Vốn điều lệ	50.585	47.325	48.058	45.340	35.172	67.434
Vốn chủ sở hữu	104.190	135.646	108.305	79.613	113.425	103.502
Tổng tài sản	2.120.609	1.813.815	1.808.430	728.532	699.033	631.013
Tiền gửi khách hàng	1.473.598	1.243.468	1.249.176	443.606	358.404	303.151
Cho vay khách hàng	1.597.152	1.174.081	1.333.109	481.386	465.425	463.469
Tổng thu nhập hoạt động	69.582	68.083	64.117	45.593	40.902	57.797
Lợi nhuận sau thuế	18.420	29.919	16.835	18.155	20.436	16.909
Định hạng tín nhiệm của Moody's (Định hạng nhà phát hành dài hạn)	Ba2	Ba2	Ba2	Ba3	Ba3	Ba3

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý I/2023 của một số ngân hàng niêm yết: BID, VCB, MBB, CTG, TCB và VPB

Tại thời điểm 31/03/2023, BIDV hiện đang đứng đầu hệ thống ngân hàng Việt Nam về quy mô Tổng tài sản, Tiền gửi khách hàng, Cho vay khách hàng và xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Cụ thể:

- ❖ Tổng tài sản đến 31/03/2023 đạt 2.107 nghìn tỷ đồng, tiếp tục là ngân hàng thương mại cổ phần có quy mô tổng tài sản lớn nhất tại Việt Nam; dư nợ đạt 1.597 nghìn tỷ đồng, tăng 5% so với cuối 2022, tiền gửi khách hàng đạt 1.497 nghìn tỷ đồng, tăng 1,6% so với cuối năm 2022.
- ❖ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý I/2023 của BIDV đạt 5.559 tỷ đồng, tăng trưởng 53% so với cùng kỳ năm 2022, tiếp nối đà tăng trưởng lợi nhuận năm 2022. Lợi nhuận BIDV

tăng trưởng mạnh trong Quý 1/2023 nhờ việc cắt giảm 25% chi phí dự phòng rủi ro tín dụng so với cùng kì.

Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt. Các tỷ lệ an toàn hoạt động luôn đảm bảo theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Ngân hàng với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới ngày càng có nhiều biến động ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, quy định quản lý của NHNN ngày càng được thắt chặt để đảm bảo sự an toàn và hiệu quả của toàn hệ thống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao, áp lực cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn thì BIDV với định hướng chiến lược hướng tới sự hiệu quả thông qua việc đa dạng hóa nền khách hàng và sản phẩm dịch vụ, trong đó chú trọng phát triển phân khúc khách hàng bán lẻ, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chuyển dịch cơ cấu thu nhập, gia tăng tỷ trọng nguồn thu phi lãi, nâng cao giá trị doanh nghiệp dựa trên các nền tảng năng lực tài chính vững chắc, tổ chức quản trị kinh doanh theo mô hình ngân hàng hiện đại và phát triển chiến lược ngân hàng số, đội ngũ nhân sự chất lượng cao là hoàn toàn phù hợp với các chính sách của Nhà nước, định hướng của ngành ngân hàng và xu thế phát triển chung trên thế giới.

Với thế mạnh sẵn có như nền tảng khách hàng, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản trị rủi ro và nhân tố con người, BIDV tiếp tục chú trọng vào xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, kỹ thuật tiên tiến nhằm hiện đại hoá và phù hợp với yêu cầu hội nhập; kết hợp xây dựng khung quản trị rủi ro toàn diện cho toàn hàng để hạn chế các rủi ro có thể xảy ra và đảm bảo ứng phó kịp thời trước các nguy cơ của nền kinh tế. BIDV tin tưởng rằng sự phát triển của Ngân hàng sẽ góp phần vào sự phát triển của ngành nghề, chính sách và xu thế phát triển của nền kinh tế nói chung.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu lao động

Tại thời điểm 31/03/2023, BIDV có tổng số 25.467 nhân viên.

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

❖ Chính sách tuyển dụng:

Công tác tuyển dụng lao động được thực hiện tập trung, định kỳ trong toàn hệ thống. BIDV thường xuyên quan tâm thực hiện đổi mới công tác tuyển dụng lao động nhằm tăng cường sức hút trên thị trường lao động, nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng; triển khai ứng dụng phần mềm tuyển dụng và công nghệ thông tin vào các khâu quan trọng của quá trình tuyển dụng, thể hiện tính công khai, minh bạch, thống nhất trong toàn hệ thống. Qua đó, BIDV thu hút được đội ngũ ứng viên có chất lượng cao từ khắp mọi miền của cả nước, tạo ấn tượng tốt đối với xã hội nói chung và thí sinh nói riêng, góp phần quảng bá và nâng cao thương hiệu, hình ảnh BIDV trên thị trường.

❖ Chính sách quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ:

- Công tác quy hoạch được tiến hành bài bản, đúng các quy định của Đảng và Nhà nước trên nguyên tắc tập trung dân chủ, gắn với nhu cầu tạo nguồn phát triển cán bộ để đáp ứng yêu cầu thay thế, mở rộng đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong tương lai. Danh sách

quy hoạch được bổ sung, điều chỉnh hằng năm trên cơ sở theo sát sự phát triển của cán bộ, đưa ra khỏi danh sách quy hoạch những người không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện, không có triển vọng phát triển, bổ sung vào danh sách quy hoạch những nhân tố mới triển vọng...

- Gắn liền với công tác quy hoạch là công tác bổ nhiệm cán bộ. BIDV triển khai việc bổ nhiệm theo yêu cầu công tác, từng bước xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ chủ chốt nòng cốt, góp phần tích cực vào kết quả thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh doanh của ngân hàng. Cán bộ được bổ nhiệm là các cán bộ gương mẫu, uy tín tiêu biểu trong lĩnh vực công tác, sau khi bổ nhiệm phát huy vai trò của cán bộ chủ chốt nên đã tăng cường được cả lượng và chất cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của Trụ sở chính và của hệ thống.
- Công tác luân chuyển cán bộ được thực hiện thường xuyên liên tục nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, công tác đào tạo cán bộ và kiểm soát rủi ro. Đặc biệt những năm gần đây, BIDV đã đẩy mạnh công tác luân chuyển, biệt phái cán bộ lãnh đạo giữa Trụ sở chính với các đơn vị thành viên để bổ sung năng lực lãnh đạo cho các đơn vị còn thiếu nguồn cán bộ tại chỗ, kết hợp với việc đào tạo cán bộ cả về kiến thức quản trị hệ thống và kinh nghiệm thực tiễn cơ sở nhằm nâng cao, phát triển toàn diện trình độ, năng lực cán bộ.

❖ **Chính sách sát hạch, đánh giá cán bộ:**

- Việc sát hạch cán bộ được thực hiện thường xuyên, định kỳ trong toàn hệ thống với việc triển khai công tác kiểm tra năng lực quản lý và năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Công tác sát hạch được tổ chức bài bản, nghiêm túc và khách quan. Kết quả sát hạch được dùng làm cơ sở để thực hiện sắp xếp, bố trí công việc, đào tạo và xem xét quy hoạch, bổ nhiệm đối với cán bộ.
- Công tác đánh giá cán bộ được thực hiện định kỳ tháng/quý /06 tháng/ cả năm với việc sử dụng bộ chỉ tiêu KPIs các vị trí chức danh làm cơ sở phân giao và đánh giá kết quả công việc. Hệ thống bộ chỉ tiêu KPIs trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho các cấp quản lý trong công tác quản trị điều hành, đánh giá hiệu quả làm việc của người lao động. Theo đó, các chỉ tiêu đánh giá cán bộ được quy định rõ ràng và mang tính định lượng, hạn chế và tiến đến triệt tiêu việc đánh giá cán bộ mang tính cảm tính và bình quân chủ nghĩa, góp phần thúc đẩy tăng năng suất lao động của hệ thống.

❖ **Chính sách đào tạo:** công tác đào tạo luôn được chú trọng đẩy mạnh và tăng cường trong toàn hệ thống. Đặc biệt, BIDV đã triển khai thành công Chương trình đào tạo lãnh đạo ngân hàng tương lai để đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn bị nguồn cán bộ lãnh đạo các cấp cho hệ thống. Công tác đào tạo đã nhận được đánh giá tích cực từ đông đảo học viên và các đơn vị liên quan với kế hoạch đào tạo được đổi mới và ngày càng sát hơn với nhu cầu công việc thực tế, công tác tổ chức bài bản, nội dung đào tạo phong phú, thiết thực cùng với việc ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trong công tác tổ chức đào tạo.

❖ **Chế độ đãi ngộ và khen thưởng:** BIDV luôn quan tâm, chăm lo phát triển toàn diện người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ quyền lợi về vật chất, tinh thần cho người lao động trên cơ sở mức độ đóng góp, cống hiến của người lao động cho sự nghiệp phát triển của BIDV, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành. Chính sách khen thưởng, đãi ngộ của BIDV nhằm tuyên dương và khen thưởng xứng đáng với những tập thể, cá nhân có thành tích, sáng kiến trong lao động, có năng suất và hiệu quả công tác cao để người lao động vừa yên tâm công tác, vừa không ngừng nâng cao năng suất lao động, phát huy năng lực bản thân.

10. Chính sách cổ tức và chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của Trái Phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

10.1. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của BIDV, cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của HĐQT. BIDV chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, trích lập các quỹ BIDV và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ và Pháp luật; ngay sau khi trả hết cổ tức đã định, BIDV vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).

Tình hình trả cổ tức của BIDV trong 2 năm gần nhất như sau

❖ Chi trả cổ tức 2019:

- Tỷ lệ thực hiện: 8%/cổ phiếu
- Ngày thanh toán: 03/02/2021
- Đối tượng trả cổ tức: toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2019.

❖ Chi trả cổ tức 2020 bằng tiền mặt:

- Tỷ lệ thực hiện quyền: 2%/cổ phiếu
- Ngày thanh toán: 24/01/2022
- Đối tượng trả cổ tức: toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2020.

❖ Chi trả cổ tức 2020 bằng cổ phiếu:

- Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:25,77119312
- Ngày đăng ký cuối cùng: 24/12/2021
- Đối tượng trả cổ tức: toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
- Nguồn vốn phát hành: từ lợi nhuận còn lại lũy kế đến năm 2019 và lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ và chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020.

10.2. Chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm BIDV có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Trái Phiếu) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

10.3. Thứ tự ưu tiên thanh toán

Trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bị thanh lý, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm hoặc không có bảo đảm khác. Các Trái Phiếu phát hành cùng đợt sẽ có thứ tự thanh toán ngang



nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ.

Trong Thời Hạn Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.

10.4. Thanh toán gốc lãi Trái Phiếu

Thanh toán lãi Trái Phiếu: Lãi thu được từ các lĩnh vực mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí, sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bị lỗ.

Thanh toán gốc Trái Phiếu: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) nguồn thu nợ từ các dự án được tài trợ vốn từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và (ii) nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

❖ Nguyên tắc hạch toán kế toán

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Những nguyên tắc chính:

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Thông tư 11, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 11 được áp dụng với các tài sản Có (gọi tắt là “nợ”) bao gồm:

- Cho vay;
- Cho thuê tài chính;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Bao thanh toán;
- Các khoản cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;
- Các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng;
- Số tiền mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch

trên hệ thống giao dịch Upcom (sau đây gọi tắt là trái phiếu chưa niêm yết), không bao gồm mua trái phiếu chưa niêm yết bằng nguồn vốn ủy thác mà bên ủy thác chịu rủi ro;

- Ủy thác cấp tín dụng;
- Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của NHNN về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và gửi tiền tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài;
- Mua, bán nợ theo quy định của NHNN về hoạt động mua, bán nợ;
- Mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;
- Mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành.

Theo đó, nhóm nợ của khách hàng là nhóm nợ có rủi ro cao hơn khi thực hiện phân loại nợ đồng thời theo Điều 10, Điều 11 của Thông tư 11 và nhóm nợ của khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng (“CIC”) của NHNN cung cấp tại thời điểm phân loại nợ.

Ngân hàng thực hiện giữ nguyên nhóm nợ đối với một số khoản vay theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (“Thông tư 01”) ngày 13 tháng 3 năm 2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19; Thông tư số 03/2021/TT-NHNN (“Thông tư 03”) ngày 02 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01; Thông tư số 14/2021/TT-NHNN (“Thông tư 14”) ngày 07 tháng 9 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01 và các văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro.

Các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Nợ xấu là các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Các khoản nợ được phân loại và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng vào thời điểm cuối mỗi tháng và được ghi nhận hạch toán vào tháng tiếp theo. Dự phòng rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm đó.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản nợ được tính bằng giá trị còn lại của khoản nợ trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được khấu trừ theo các tỷ lệ được quy định trong Thông tư 11. Dự phòng cụ thể được trích lập dựa trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản nợ theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Theo Thông tư 03, Ngân hàng cần thực hiện trích dự phòng cụ thể đối với các khách hàng có số dư nợ được cơ cấu cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư này như sau:

- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021: tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022: tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung, và;
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Theo Thông tư 11, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4 tại ngày 31 tháng 12, ngoại trừ các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng nước ngoài; các khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam; các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước; và các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định tại Thông tư 11.

- Đầu tư chứng khoán

+ Chứng khoán kinh doanh:

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hân và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên cơ sở thực thu.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng. Chứng khoán thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 11 được trích lập dự phòng theo Thông tư 11. Chứng khoán không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 11 được trích lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh”.

+ Chứng khoán đầu tư:

Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hân với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất, và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hân trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng

để bán. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán.

Định kỳ, chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 11 được trích lập dự phòng theo Thông tư 11. Chứng khoán không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 11 được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục “Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

Phân loại lại

Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của NHNN, việc phân loại lại sau khi mua chỉ được thực hiện tối đa một (01) lần đối với mỗi khoản mục chứng khoán đã đầu tư. Trong những trường hợp đặc biệt hoặc khi có số lượng lớn chứng khoán phải phân loại lại (lớn hơn hoặc bằng 50% giá trị khoản mục), Ngân hàng sẽ thực hiện thuyết minh trên báo cáo tài chính về sự tác động của việc phân loại lại trong tổng tài sản, công nợ, nguồn vốn cũng như thu nhập và chi phí của Ngân hàng.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn mà Ngân hàng nắm giữ dưới 11% quyền biểu quyết với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và đồng thời Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc không là đối tác chiến lược; hoặc không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu nhập lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng trong thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 11 được trích lập dự phòng theo Thông tư 11. Chứng khoán không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 11 được lập dự phòng giảm giá khi



giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp:

+ Việc xác định thuế thu nhập của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

+ Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam và các nước sở tại đối với công ty con ở nước ngoài.

❖ **Trích khấu hao tài sản cố định**

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định.

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5
Tài sản cố định hữu hình khác	4
Phần mềm máy tính	3 - 8
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 20

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không phải trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn được cấp quyền sử dụng đất.

❖ **Trích lập các quỹ**

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
- Quỹ dự trữ tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế
- Các quỹ khác (nếu có) sẽ do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định
- **Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước:**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số dư tại ngày 31/12/2022	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại ngày 31/03/2023
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	(70.391)	145.350	(153.639)	(78.680)
Thuế TNDN	2.402.348	1.359.774	(2.382.182)	1.379.940
Các loại thuế khác	178.066	679.339	(601.905)	255.500
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	175.217	18.362	(16.806)	176.773
Tổng	2.685.240	2.202.825	(3.154.532)	1.733.533

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý I/2023 đã công bố

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 29: Chi tiết chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2021 – 31/03/2023

Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo BCTC riêng			Theo BCTC hợp nhất		
		Năm 2021	Năm 2022	31/03/2023	Năm 2021	Năm 2022	31/03/2023
1. Quy mô vốn							
- Vốn điều lệ	Tỷ đồng	50.585	50.585	50.585	50.585	50.585	50.585
- Tổng tài sản có	Tỷ đồng	1.721.316	2.080.180	2.064.480	1.761.696	2.120.609	2.106.865
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	8,60	8,87	9,14	8,97	9,33	9,50
2. Kết quả hoạt động kinh doanh							
- Doanh số huy động tiền gửi	Tỷ đồng	32.459.549	36.967.070	8.175.586	N/A	N/A	N/A
- Doanh số cho vay	Tỷ đồng	3.775.577	4.084.793	1.079.537	3.945.059	4.232.700	1.091.924
- Doanh số thu nợ	Tỷ đồng	3.615.600	3.902.249	1.003.821	3.785.378	4.050.288	1.015.576
- Nợ quá hạn	Tỷ đồng	9.812	12.153	20.200	14.049	16.368	24.278
- Nợ khó đòi	Tỷ đồng	12.264	16.681	23.477	13.546	17.622	24.730
- Hệ số sử dụng vốn (*)	%	82,65	76,92	81,84	83,24	77,34	82,43
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	%	0,10%	0,01	0,03	0,10%	0,01	0,03

Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo BCTC riêng			Theo BCTC hợp nhất		
		Năm 2021	Năm 2022	31/03/2023	Năm 2021	Năm 2022	31/03/2023
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	%	0,74%	0,81	1,29	1,04%	1,07	1,52
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	%	0,93%	1,12	1,50	0,99%	1,16	1,55
3. Khả năng thanh khoản (**)							
Khả năng thanh toán ngay (Tỷ lệ dự trữ thanh khoản)	%	14,10	17,67	14,42	N/A	N/A	N/A
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	%	21,46	21,67	21,15	N/A	N/A	N/A
Khả năng chi trả trong 30 ngày	%						
- VND		77,99	75,62	74,74	N/A	N/A	N/A
- USD		113,43	131,00	82,50	N/A	N/A	N/A

Trong đó:

- Nguồn số liệu: BIDV.

- Chỉ tiêu "Tổng tài sản có" theo BCTC riêng, hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng lẻ, hợp nhất giữa niên độ Quý I/2023 đã công bố.

- Chỉ tiêu "Tỷ lệ an toàn vốn" theo Số liệu đã báo cáo NHNN theo chương trình BCTK TT 11.

- Chỉ tiêu "Doanh số huy động tiền gửi" theo số liệu riêng lẻ, khai thác trên hệ thống nội bộ ngân hàng.

(*) Chỉ tiêu "Hệ số sử dụng vốn" bằng Tổng dư nợ cho vay/Tổng nguồn vốn huy động x 100%, trong đó:

+ Tổng dư nợ cho vay bao gồm cho vay khách hàng.

+ Tổng nguồn vốn huy động bao gồm tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá, tiền gửi và vay từ Chính Phủ và NHNN, tiền gửi và vay các TCTD khác

(**) Các số liệu trên là số riêng ngân hàng, được sử dụng để báo cáo NHNN về tình hình an toàn thanh khoản theo quy định hiện hành tại thời điểm 31/03/2023 là ngày làm việc cuối cùng của tháng (NHNN chỉ quy định các giới hạn đảm bảo an toàn thanh khoản đối với số liệu riêng lẻ, không quy định đối với số liệu hợp nhất).

12. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị

Bảng 30: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị BIDV

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Phan Đức Tú	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Ngọc Lâm	Ủy viên
3	Ông Đặng Văn Tuyên	Ủy viên
4	Bà Phan Thị Chinh	Ủy viên
5	Ông Ngô Văn Dũng	Ủy viên
6	Ông Phạm Quang Tùng	Ủy viên
7	Ông Yoo Je Bong	Ủy viên
8	Ông Trần Xuân Hoàng	Ủy viên
9	Ông Lê Kim Hòa	Ủy viên
10	Ông Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên độc lập

Nguồn: BIDV

12.1.1. Ông Phan Đức Tú - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ tên:	Phan Đức Tú
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	22/12/1964
Nơi sinh:	Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	040064000382 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 13/09/2018
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
- 01/1983 - 08/1985:	Cán bộ Ngân hàng Nhà nước Huyện Minh Long, Nghĩa Bình
- 09/1985 - 09/1987:	Phụ trách phòng Tín dụng - Tổng hợp, Ngân hàng Nhà nước Huyện Minh Long, Nghĩa Bình
- 10/1987 - 09/1988:	Cán bộ phòng Nghiệp vụ, Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Khu vực I
- 10/1988 - 10/1992:	Phó phòng Nguồn vốn và Quản lý kinh doanh kiêm Phụ trách Trung tâm tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Quảng Ngãi
- 11/1992 - 01/1994:	Trưởng phòng Nguồn vốn và Quản lý kinh doanh BIDV Quảng Ngãi
- 02/1994 - 11/1998:	Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Ngãi

- 11/1998 - 02/2005: Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Ngãi.
- 03/2005 - 05/2007: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ - BIDV
- 06/2007 - 04/2012: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 05/2012 - 11/2018: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc BIDV
- 11/2018 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị BIDV

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 54.726 cổ phiếu (chiếm 0,0011% vốn điều lệ).
- Sở hữu đại diện: 1.638.710.185 cổ phiếu (tương đương 40% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ) sở hữu đại diện cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (chiếm 32,3949234% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 11.676 cổ phiếu

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 31/03/2023)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Đoàn Thị Trần Hùng Phi	Vợ	11.676	0,0002

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	20
Tổng cộng	20

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.1.2. Ông Lê Ngọc Lâm - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Họ tên: **Lê Ngọc Lâm**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 23/07/1975
 Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	001075008069, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư cấp ngày 13/01/2016
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
- 09/1997 – 01/2005:	Cán bộ BIDV
- 01/2005 – 05/2006:	Phó Trưởng phòng Tín dụng 2 BIDV
- 6/2006 – 8/2007:	Phó Trưởng phòng Pháp chế tín dụng BIDV
- 8/2007 – 8/2008:	Trưởng phòng Pháp chế tín dụng BIDV
- 8/2008 – 3/2009:	Trưởng phòng Quản lý rủi ro tín dụng 1 BIDV
- 03/2009 - 10/2010:	Phó Giám đốc Ban Quản lý rủi ro Tín dụng - BIDV
- 10/2010 - 03/2012:	Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Sở Giao dịch 1.
- 04/2012 - 04/2013:	Giám đốc ban Quản lý rủi ro Tín dụng BIDV
- 04/2013 - 01/2015:	Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp BIDV
- 01/2015 – 11/2018:	Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 11/2018 – 03/2021:	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành BIDV
- 03/2021 – nay:	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc BIDV
- 2016 – nay:	Ủy viên Ban chấp hành Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Ủy viên Ban chấp hành Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân:	909 cổ phiếu (chiếm 0,00002% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện:	1.229.032.638 cổ phiếu (tương đương 30% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ) sở hữu đại diện cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (chiếm 24,2961926% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan:	11 cổ phiếu (chiếm 0,0000002% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 31/03/2023)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Lê Thị Phương Hải	Vợ	11	0,0000002

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	16
Tổng cộng	16

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.1.3. Ông Đặng Văn Tuyên - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ tên:	Đặng Văn Tuyên
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	09/04/1973
Nơi sinh:	Hà Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	035073003681 do Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/11/2020
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật, Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
Quá trình công tác:	
- 04/1996 – 08/2000:	lần lượt là Chuyên viên, Thanh tra viên Thanh tra Ngân hàng Trung ương;
- 08/2000 – 03/2016:	lần lượt là Chuyên viên, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng thuộc Vụ Tổ chức cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- 03/2016 – 02/2020:	là Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- 02/2020 – 28/04/2023:	là Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 28/04/2023 – nay:	là Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 28/04/2023:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 28/04/2023:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	0
Tổng cộng	0

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV.

12.1.4. Bà Phan Thị Chinh - Ủy viên Hội đồng quản trị

- Họ tên: **Phan Thị Chinh**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 06/01/1968
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 011920202 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/09/2010
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
- 05/1991 – 12/1994: Cán bộ BIDV
 - 01/1995 – 05/2002: Phó Trưởng phòng BIDV
 - 05/2002 – 02/2003: Trưởng phòng BIDV
 - 03/2003 – 07/2004: Phó Giám đốc Ban Trụ sở chính BIDV
 - 08/2004 - 05/2007: Giám đốc Ban Tài chính BIDV
 - 06/2007 - 03/2014: Phó Tổng Giám đốc BIDV.
 - 04/2014 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

- 11/2016 - nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần thanh toán quốc gia (Napas).

- 08/2018 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh Tháp BIDV

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần thanh toán quốc gia (Napas).

- Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh Tháp BIDV

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 36.707 cổ phiếu (chiếm 0,0007% vốn điều lệ)

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	33
Tổng cộng	33

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.1.5. Ông Ngô Văn Dũng - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Ngô Văn Dũng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/01/1968

Nơi sinh: Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 011858489 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 09/09/2008

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

- 07/1991 - 12/1996: Cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- 01/1997 - 11/1998: Phó Trưởng phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 12/1998 - 01/2000: Phó Trưởng phòng Chi nhánh BIDV Thăng Long
- 02/2000 - 04/2001: Trưởng phòng Chi nhánh BIDV Thăng Long
- 05/2001 - 08/2002: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Thăng Long
- 09/2002 - 08/2004: Phó Giám đốc Ban Tín dụng BIDV
- 09/2004 - 07/2007: Giám đốc Ban Quản lý rủi ro BIDV
- 08/2007 - 11/2007: Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh BIDV Hà Nội.
- 12/2007 - 05/2015: Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Nội.
- 06/2015 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV
- 07/2018 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH 01 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản BIDV (BAMC).
- 04/2019 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH 01 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản BIDV (BAMC).
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 981 cổ phiếu (chiếm 0,00002% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	51
Tổng cộng	51

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.1.6. Ông Phạm Quang Tùng - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên:	Phạm Quang Tùng
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12/09/1971
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	034071000042 do Cục CSĐKQLCT và DLQG về dân cư cấp ngày 31/03/2014
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Kinh tế, Cử nhân Luật
Quá trình công tác:	
- 08/1996 - 06/2000:	Cán bộ phòng Thẩm định tư vấn BIDV
- 07/2000 - 07/2002:	Phó Trưởng phòng Thẩm định tư vấn BIDV
- 08/2002 - 04/2003:	Trưởng phòng Tín dụng dịch vụ BIDV
- 05/2003 - 07/2004:	Phó Giám đốc Ban Tín dụng và dịch vụ BIDV
- 08/2004 - 02/2005:	Phó Giám đốc Ban Tín dụng BIDV
- 03/2005 - 12/2005:	Phó Giám đốc BIDV Chi nhánh Sở giao dịch 1
- 01/2006 - 12/2008:	Quyền Giám đốc Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam
- 01/2009 - 09/2010:	Giám đốc Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam
- 09/2010 - 10/2010:	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.
- 10/2010 - 04/2011:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.
- 04/2011 - 05/2016:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.
- 06/2016 - 12/2017:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB).

- 12/2017 - 04/2018: Tiếp nhận trở lại BIDV công tác để triển khai quy trình bổ nhiệm lãnh đạo cấp cao tại BIDV.

- 04/2018 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 01 cổ phiếu (chiếm ~0% vốn điều lệ)

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	3
Tổng cộng	3

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.1.7. Ông Yoo Je Bong - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Yoo Je Bong**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 07/08/1962

Nơi sinh: Hàn Quốc

Quốc tịch: Hàn Quốc

Số Hộ Chiếu: M82753714 cấp ngày 11/12/2017 bởi Bộ Ngoại giao Hàn Quốc.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 07/1988 - 09/1991: Thư ký Công ty TNHH Tài chính đầu tư

- 09/1991 - 02/1994: Phó Trưởng phòng Ngân hàng Boram

- 02/1994 - 07/1997: Quản lý cấp cao Chi nhánh Hongkong của Ngân hàng Boram

- 07/1997 - 12/1998: Quản lý cấp cao Ngân hàng Boram
- 01/1999 - 03/2000: Quản lý cấp cao Chi nhánh Kwanghwamoon/Chi nhánh Busan – Ngân hàng Hana
- 03/2000 - 08/2004: Trưởng nhóm Quan hệ nhà đầu tư - Ngân hàng Hana
- 08/2004 - 07/2006: Trưởng bộ phận Đào tạo học thuật ở nước ngoài - Ngân hàng Hana
- 08/2006 - 07/2010: Trưởng Ban Kinh doanh toàn cầu - Ngân hàng Hana;
- 08/2010 - 02/2012: Phó chủ tịch & Giám đốc thường trực phụ trách Kinh doanh toàn cầu - Ngân hàng Jilin;
- 03/2012 - 11/2014: Chủ tịch & Giám đốc điều hành, Ngân hàng TNHH Hana (Trung Quốc);
- 12/2014 - 07/2015: Giám đốc điều hành Khối Kinh Doanh Toàn Cầu, Ngân hàng Hana;
- 08/2015 - 12/2015: Phó Chủ Tịch Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Minsheng;
- 01/2016 - 12/2018: Giám Đốc Khối Chiến Lược Toàn Cầu, Tập Đoàn Tài Chính Hana (trong đó giai đoạn 01/2016 – 12/2017 kiêm chức vụ Phó Giám đốc Ngân hàng phụ trách Khối kinh doanh toàn cầu, Ngân hàng KEB Hana);
- 01/2019 - 10/2019: Phó Tổng Giám Đốc Tập Đoàn Tài Chính Hana, Chuyên Trách Chiến Lược Miền Nam Và Miền Bắc,
- 11/2019 - nay Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	9
Tổng cộng	9

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.1.8. Ông Trần Xuân Hoàng - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Trần Xuân Hoàng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/10/1965

Nơi sinh: Phù Mỹ, Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 031065004184 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 18/12/2017

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 11/1987 - 06/1989: Giáo viên Trường nghiệp vụ Ngân hàng Thị xã Kon Tum
- 07/1989 - 07/1992: Cán bộ Chi nhánh BIDV Gia Lai
- 07/1992 - 10/1993: Phó Trưởng phòng Chi nhánh BIDV Gia Lai
- 10/1993 - 06/1996: Trưởng phòng Chi nhánh BIDV Gia Lai
- 07/1996 - 07/2006: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Gia Lai
- 07/2006 - 08/2008: Phó Giám đốc BIDV Chi nhánh Sở Giao dịch 2.
- 08/2008 - 04/2012: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV
- 05/2012 - 03/2020: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 03/2020 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV
- 2015 – nay: Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Bất động sản và xây dựng nhà Mê Kông (MHBR).
- 09/2019 - nay: Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC);

- Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Bất động sản và xây dựng nhà Mê Kông (MHBR).

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 101 cổ phiếu (chiếm 0,0000020% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 43.326 cổ phiếu (chiếm 0,0009% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 31/03/2023)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Hoàng Thị Giang Hà	Vợ	43.326	0,0009

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	1
Tổng cộng	1

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.1.9. Ông Lê Kim Hòa - Ủy viên Hội đồng quản trị

- Họ tên: **Lê Kim Hòa**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/10/1965
- Nơi sinh: Đắk Lắk
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 066065000004 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 28/03/2016
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
- 12/1987 - 03/1995: Cán bộ Chi nhánh BIDV Đắk Lắk.
 - 04/1995 - 01/1997: Phó Trưởng phòng Chi nhánh BIDV Đắk Lắk.
 - 02/1997 - 05/1997: Trưởng phòng Chi nhánh BIDV Đắk Lắk.
 - 05/1997 - 10/2002: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Đắk Lắk.
 - 11/2002 - 07/2007: Giám đốc Chi nhánh BIDV Đắk Lắk.
 - 08/2007 - 08/2008: Giám đốc Ban tín dụng BIDV
 - 09/2008 - 02/2009: Giám đốc Ban Quản lý rủi ro tín dụng BIDV

- 03/2009 - 04/2009: Phó giám đốc Chi nhánh BIDV TP Hồ Chí Minh.
- 05/2009 - 08/2013: Giám đốc Chi nhánh BIDV TP Hồ Chí Minh.
- 09/2013 - 05/2014: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV TP Hồ Chí Minh.
- 06/2014 - 02/2018: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 03/2018 - 03/2020: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV TP Hồ Chí Minh.
- 03/2020 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV
- 2016 - nay: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC).

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC).

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 54.060 cổ phiếu (chiếm 0,0011% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	97
Tổng cộng	97

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.1.10. Ông Nguyễn Văn Thạnh - Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập (*)

Họ tên: **Nguyễn Văn Thạnh**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1960

Nơi sinh: Vụ Bản, Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 036060003921

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

- 04/1982 - 04/1985: Cán bộ tín dụng NHNN thị xã Hòn Gai – Quảng Ninh.
- 05/1985 - 03/1991: Cán bộ tín dụng NHNN tỉnh Hà Nam Ninh.
- 04/1991 – 08/1994: Phó phòng Kế toán Ngân hàng Công thương Hà Nam Ninh.
- 09/1994 - 01/1996: Chánh Văn phòng Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- 02/1996 – 09/1999: Trưởng phòng Quản lý tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- 10/1999 – 01/2012: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- 01/2012 – 05/2015: Chủ tịch Hội đồng quản trị Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam.
- 05/2015 – 01/2020: Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 01/02/2020 - 28/04/2022: Nghi hưu theo chế độ bảo hiểm xã hội.
- 29/04/2022 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập BIDV.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	30
Tổng cộng	30

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.2. *Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát*

Bảng 31: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát BIDV

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Cao Cự Trí	Thành viên ban Kiểm soát phụ trách hoạt động của ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên ban Kiểm soát

Nguồn: BIDV

12.2.1. *Ông Cao Cự Trí - Thành viên phụ trách Ban Kiểm soát*

Họ tên:	Cao Cự Trí
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	04/10/1966
Nơi sinh:	Xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	040066000196, do Cục CSĐKQL CT và DLQG về DC cấp ngày 04/03/2017
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế
Chứng chỉ nghề nghiệp:	Chứng chỉ của Hội Kế toán Quản trị Công chứng Úc (CMA Australia)
Quá trình công tác:	
- 10/1984 - 06/1995:	Cán bộ Ngân hàng Nhà nước (Tỉnh Nghệ An, Ngân hàng Nhà nước Trung ương)
- 07/1995 - 01/1996:	Phó Trưởng phòng - Phòng Tổng hợp – Ngân hàng Nhà nước tỉnh Nghệ An
- 02/1996 - 06/1996:	Quyền Trưởng phòng-Phòng Tổng hợp – Ngân hàng Nhà nước tỉnh Nghệ An
- 07/1996 - 01/1997:	Trưởng phòng-Phòng Tổng hợp – Ngân hàng Nhà nước Nghệ An
- 01/1997 - 06/2002:	Phó Trưởng phòng - Ngân hàng Nhà nước Trung ương
- 07/2002 - 02/2004:	Phó Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 BIDV
- 02/2004 - 09/2006:	Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 BIDV
- 10/2006 - 02/2009:	Phó Giám đốc - Sở Giao dịch 3 BIDV (trong đó từ 20/07/2007 – 15/10/2007 là Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Lựa chọn định

chế, Giám Trưởng Phòng Thẩm định và Trưởng phòng Quản lý tín dụng - Sở Giao dịch 3 BIDV).

- 03/2009 - 04/2012: Phó Trưởng Ban Kiểm Soát BIDV
- 05/2012 - 12/2020: Thành viên Ban Kiểm Soát kiêm Trưởng Kiểm toán nội bộ BIDV
- 01/2021 – nay: Thành viên phụ trách Ban Kiểm soát BIDV

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên phụ trách Ban Kiểm soát BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 4.503 cổ phiếu (chiếm 0,0001% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	30
Tổng cộng	30

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.2.2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ tên: **Nguyễn Thị Thu Hà**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 17/01/1980
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 030180004532 do Cục Cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư cấp ngày 13/11/2017
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài Chính Ngân Hàng
- Chứng chỉ nghề nghiệp: Chứng chỉ của Hội Kế toán Quản trị Công chứng Úc (CMA Australia)

Quá trình công tác:

- 10/2002 - 07/2004: Chuyên viên Ban Tài Chính Kế toán BIDV
- 08/2004 - 02/2007: Chuyên viên Ban Tài Chính BIDV
- 03/2007 - 04/2011: Phó Trưởng phòng Ban Tài chính BIDV
- 05/2011 - 07/2015: Trưởng phòng Ban Tài chính BIDV
- 08/2015 - 02/2020: Phó Giám đốc Ban Quản lý hiệu quả hoạt động BIDV
- 03/2020 - 10/2020: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Hai Bà Trưng
- 11/2020 - 03/2021: Phó Giám đốc Ban Kế hoạch BIDV
- 03/2021 - nay: Thành viên Ban Kiểm Soát BIDV

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm Soát BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	71
Tổng cộng	71

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Bảng 32: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc BIDV

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc
2	Ông Quách Hùng Hiệp	Phó Tổng Giám đốc

3	Ông Trần Phương	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Thiên Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Phan Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Hoàng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
8	Ông Trần Long	Phó Tổng Giám đốc
9	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Phó Tổng Giám đốc
10	Ông Sung Ki Jung	Thành viên Ban điều hành
11	Ông Từ Quốc Học	Trưởng Khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ
12	Bà Tạ Thị Hạnh	Kế toán trưởng

Nguồn: BIDV

12.3.1. Ông Lê Ngọc Lâm - Tổng Giám đốc

Xem phần 12.1.2

12.3.2. Ông Quách Hùng Hiệp - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên:	Quách Hùng Hiệp
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23/09/1969
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	001069007554, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư cấp ngày 20/06/2016
Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ Kinh tế
Quá trình công tác:	
- 05/1991 - 03/1994:	Cán bộ Trụ sở chính BIDV
- 04/1994 - 08/1996:	Cán bộ Phòng Quan hệ Quốc tế và NHDL – Trụ sở chính BIDV
- 08/1996 - 05/1999:	Phó Trưởng phòng Quan hệ quốc tế và NHDL – Trụ sở chính BIDV
- 06/1999 - 07/2002:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (Biệt phái LVB).

- 08/2002 - 03/2004: Phó Giám đốc Ban Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ BIDV
- 03/2004 - 03/2005: Giám đốc Ban Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ BIDV
- 12/2004 - 03/2010: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh VID - Public (Kiêm nhiệm)
- 04/2005 - 10/2006: Phó Giám đốc Chi nhánh Sở Giao dịch 1 BIDV
- 11/2006 - 12/2006: Phó Giám đốc Sở Giao dịch 3 BIDV
- 01/2007 - 03/2011: Giám đốc Sở Giao dịch 3 BIDV
- 10/2010 - 04/2012: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 05/2012 - 01/2019: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 01/2019 - 05/2019: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc chi nhánh BIDV Thăng Long.
- 05/2019 - nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 05/2019 - nay: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng liên doanh Lào Việt (LVB)

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng liên doanh Lào Việt (LVB)

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 44.118 cổ phiếu (chiếm 0,0009% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	15
Tổng cộng	15

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.3.3. Ông Trần Phương - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Trần Phương**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 27/12/1973
Nơi sinh: Bắc Giang



- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 013045909 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/03/2008
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác:
- 10/1997-11/2000: Cán bộ BIDV Chi nhánh Hà Nội
 - 12/2000-07/2004: Phó Trưởng phòng BIDV Chi nhánh Hà Nội
 - 08/2004 - 01/2006: Cán bộ Phòng Kế hoạch – Ban Kế hoạch phát triển Trụ sở chính BIDV
 - 02/2006 - 07/2006: Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Ban Kế hoạch phát triển BIDV
 - 08/2006 - 12/2006: Trưởng Phòng Nghiên cứu Phát triển – Ban Kế hoạch Phát triển BIDV
 - 01/2007 - 08/2008: Phó Giám đốc điều hành, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Cổ phần hoá BIDV
 - 09/2008 - 04/2012: Giám đốc Ban Kế hoạch Phát triển BIDV
 - 05/2012 - 11/2012 : Phó Tổng Giám đốc BIDV - Kiêm nhiệm giám đốc Ban Quản lý dự án Cổ phần hóa BIDV
 - 12/2012 - 10/2019: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng BIDV - Kiêm nhiệm giám đốc Trung tâm Ngân hàng Số BIDV.
 - 11/2019 - nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 26.596 cổ phiếu (chiếm 0,0005% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 7.750 cổ phiếu (chiếm 0,00015% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại thời điểm 31/03/2023)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Phạm Thị Kim Oanh	Vợ	7.750	0,00015

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.3.4. Ông Lê Trung Thành - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Lê Trung Thành**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/09/1964

Nơi sinh: An Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 024788171 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/08/2007

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

- 10/1988 - 01/1992: Cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh An Giang
- 02/1992 - 11/1992: Cán bộ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang
- 12/1992 - 07/1993: Quyền Trưởng phòng BIDV An Giang
- 08/1993 - 08/2002: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV An Giang
- 09/2002 - 01/2004: Phó Giám đốc điều hành Chi nhánh BIDV An Giang.
- 02/2004 - 11/2004: Trưởng ban chuyên trách phát triển mạng lưới kinh doanh BIDV tại Thành Phố Hồ Chí Minh.
- 12/2004 - 07/2014: Giám đốc Chi nhánh BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
- 07/2014 - 03/2018: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 04/2018 – 04/2019: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- 05/2019 – nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 2.832 cổ phiếu (chiếm 0,000056% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.3.5. Ông Nguyễn Thiên Hoàng - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Nguyễn Thiên Hoàng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/06/1973

Nơi sinh: Bồ Trạch – Quảng Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 044073001666 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 11/11/2019

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 01/1994 - 12/1999: Cán bộ Chi nhánh BIDV Quảng Bình
- 01/2000 - 01/2003: Phó trưởng phòng Tín dụng Chi nhánh BIDV Quảng Bình
- 02/2003 - 10/2006: Trưởng phòng Tín dụng BIDV Quảng Bình
- 11/2006 - 09/2007: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.
- 10/2007 - 04/2012: Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.
- 05/2012 - 07/2012: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.
- 07/2012 - 05/2016: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV
- 06/2016 – 09/2016: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV.
- 09/2016 - Nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 3 cổ phiếu (chiếm 0,0000001% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 2 cổ phiếu (chiếm 0,00000004% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại thời điểm 31/03/2023)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Nguyễn Thị Thanh Hương	Em gái	2	0,00000004

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	14
Tổng cộng	14

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.3.6. Ông Phan Thanh Hải – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Phan Thanh Hải**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1977

Nơi sinh: Chương Mỹ – Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 001077021938 do Cục QLHC về TTXH cấp ngày 11/1/2019

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác:

- 07/2000 - 11/2001: Cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.
- 12/2001 - 10/2002: Cán bộ Chi nhánh Sở giao dịch 1 BIDV
- 10/2002 - 03/2005: Cán bộ Ban Quản lý tín dụng BIDV
- 04/2005 - 01/2007: Cán bộ Ban Tổ chức cán bộ BIDV
- 01/2007 - 08/2008: Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ 1 – Ban Tổ chức cán bộ BIDV
- 09/2008 - 12/2009: Trưởng phòng Ban Phát triển sản phẩm & Tài trợ thương mại BIDV
- 01/2010 - 10/2010: Phó Giám đốc Ban Phát triển sản phẩm & Tài trợ thương mại BIDV.
- 11/2010 - 03/2012: Phó Giám đốc Ban Quản lý rủi ro tín dụng.
- 04/2012 - 08/2014: Giám Đốc Chi nhánh BIDV Vĩnh Long (Biệt phái/trung tập).

- 09/2014 - 10/2014: Phó Giám đốc thứ nhất Ban Kế hoạch chiến lược BIDV.
- 10/2014 - 04/2019: Giám đốc Ban Kế hoạch chiến lược BIDV.
- 04/2019 – 05/2019: Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn BIDV.
- 05/2019 - 03/2020: Trưởng khối Ngân hàng bán buôn, kiêm Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn BIDV.
- 03/2020 – nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 6 cổ phiếu (chiếm 0,0000001% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 172 cổ phiếu (chiếm 0,000003% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại thời điểm 31/03/2023)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Đoàn Thị Hồng	Vợ	172	0,000003

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.3.7. Ông Hoàng Việt Hùng – Phó Tổng Giám đốc

- Họ tên: **Hoàng Việt Hùng**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/10/1972
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 182037476 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 19/02/2008
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác:
 - 12/1996 - 12/2003: Cán bộ phòng Tín dụng Chi nhánh BIDV Nghệ An
 - 12/2003 - 02/2006: Phó trưởng phòng Hành chính quản trị Chi nhánh BIDV Nghệ An

- 03/2006 - 02/2007: Trưởng phòng hành chính quản trị – Chi nhánh BIDV Nghệ An.
- 03/2007 - 10/2007: Trưởng phòng Tín dụng 1 – Chi nhánh BIDV Nghệ An.
- 11/2007 - 12/2012: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Nghệ An.
- 01/2013 - 04/2019: Giám đốc Chi nhánh BIDV Nghệ An.
- 04/2019 - 03/2020: Giám đốc Ban Tổ chức nhân sự BIDV
- 03/2020 - nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Tổ chức nhân sự.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Tổ chức nhân sự.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 10 cổ phiếu (chiếm 0,0000002% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.3.8. Ông Trần Long – Phó Tổng Giám đốc

- Họ tên: **Trần Long**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/03/1976
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 038076000418 do Cục Cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư cấp ngày 16/03/2016
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:
- 01/1999 - 05/2001: Cán bộ phòng Tín dụng – Sở giao dịch 1 BIDV
 - 05/2001 - 08/2002: Phó trưởng phòng Tín dụng 2 - Sở giao dịch 1 BIDV
 - 08/2002 - 10/2002: Chuyên viên Phòng Tín dụng – dịch vụ 3 Ban Tín dụng Trụ sở chính BIDV



- 10/2002 - 02/2004: Chuyên viên Phòng Quản lý dự án – Sở giao dịch 3 BIDV
- 02/2004 - 08/2006: Phó trưởng phòng Quản lý dự án – Sở giao dịch 3 BIDV
- 08/2006 - 10/2007: Trưởng phòng Thư ký tổng hợp – Trụ sở chính BIDV.
- 11/2007 - 02/2012: Tổng Giám đốc – CTCP cho thuê máy bay (VALC) – đơn vị liên doanh góp vốn của BIDV.
- 02/2012 – 05/2012: Phó Giám đốc Ban Kế hoạch chiến lược BIDV
- 05/2012 – 09/2014: Giám đốc Ban Kế hoạch chiến lược BIDV
- 09/2014 – 03/2020: Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Thành.
- 03/2020 – 06/2020: Phó Tổng Giám đốc BIDV, kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Thành, kiêm giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn
- 06/2020- nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	44
Tổng cộng	44

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.3.9. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Nguyễn Thị Quỳnh Giao**
Giới tính: **Nữ**
Ngày tháng năm sinh: **29/11/1978**
Nơi sinh: **Phú Xuyên, Hà Tây (Hà Nội)**

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 012908555 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 23/08/2006

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 12/2000 - 09/2003: Cán bộ phòng Tín dụng 1- Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1
- 09/2003 - 10/2006: Phó Trưởng phòng Tín dụng 1 – Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 11/2006 - 08/2007: Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 08/2007 - 10/2008: Trưởng phòng Tín dụng 1, Giám đốc Phòng giao dịch – Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 10/2008 - 08/2009: Trưởng phòng Quan hệ khách hàng 1 – Khối Quan hệ khách hàng Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 08/2009 - 06/2010: Giám đốc phòng giao dịch 1 – Khối trực thuộc Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 07/2010 - 07/2010: Trưởng phòng Tổ chức nhân sự - Khối Quản lý nội bộ Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 08/2010 - 03/2012: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 04/2012 - 05/2015: Giám đốc Ban Phát triển Ngân hàng bán lẻ.
- 06/2015 - 03/2020: Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Nội.
- 03/2020 - nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 3 cổ phiếu (chiếm 0,0000001% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023:

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.3.10. Ông Sung Ki Jung – Thành viên Ban điều hành

Họ tên: **Sung Ki Jung**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/04/1967
- Nơi sinh: Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Hộ chiếu số: 81004694 cấp ngày 20/07/2012 bởi Bộ Ngoại giao Hàn Quốc
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
- 09/2010 - 01/2015: Trưởng Trung tâm kinh doanh Toàn cầu, Ngân hàng PT Bank Keb Hana Indonesia.
 - 02/2015 - 12/2015: Trưởng Nhóm tiếp thị kinh doanh toàn cầu, Ngân hàng Keb Hana.
 - 01/2016 - 12/2016: Trưởng bộ phận Nhóm Chiến lược Toàn Cầu, Tập đoàn Tài chính Hana.
 - 01/2017 - 08/2018: Trưởng Bộ Phận kinh doanh Toàn Cầu, Ngân hàng Keb Hana.
 - 08/2018 - 08/2019: Trưởng Bộ Phận Chiến lược Toàn Cầu, Ngân hàng Keb Hana.
 - 09/2019 - 12/2019: Trưởng Khối Thành lập Hợp tác BIDV – Hana, Ngân hàng Keb Hana.
 - 01/2020 - nay: Thành viên Ban điều hành BIDV.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban điều hành BIDV.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	9
Tổng cộng	9

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.3.11. Ông Từ Quốc Học - Trưởng Khối Pháp chế và Giám sát tuân thủ

Họ tên: **Từ Quốc Học**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **25/09/1963**

Nơi sinh: **Hà Bắc**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Số CMND/CCCD: **013244265 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 19/11/2009**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Tài chính ngân hàng**

Quá trình công tác:

- 12/1986 - 06/1987: **Cán bộ Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Huyện Lục Nam, Hà Bắc**
- 07/1988 - 06/1988: **Cán bộ Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng tỉnh Hà Bắc**
- 07/1988 - 07/1991: **Cán bộ Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp Hà Bắc**
- 07/1991 - 11/1993: **Cán bộ Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng tỉnh Hà Bắc**
- 12/1993 - 01/1997: **Phó trưởng phòng Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng tỉnh Hà Bắc**
- 02/1997 - 09/1999: **Trưởng phòng BIDV Bắc Giang**
- 09/1999 - 11/2005: **Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Bắc Giang.**
- 11/2005 - 05/2010: **Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Thành.**
- 06/2010 - 06/2010: **Quyền Giám đốc Chi nhánh BIDV Hòa Bình (Biệt phái/trung tập)**
- 07/2010 - 07/2013: **Giám đốc Chi nhánh BIDV Hòa Bình.**
- 07/2013 - 05/2019: **Giám đốc Ban Kiểm tra và Giám sát tuân thủ BIDV**
- 05/2019 - nay: **Trưởng Khối Pháp chế và Giám sát tuân thủ kiêm Giám đốc Ban Kiểm tra và Giám sát tuân thủ BIDV**

Chức vụ công tác hiện nay: **Trưởng Khối Pháp chế và Giám sát tuân thủ kiêm Giám đốc Ban Kiểm tra và Giám sát tuân thủ**

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: **Không**

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: **0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)**

- Sở hữu đại diện: **0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)**

- Sở hữu của người có liên quan: 2.679 cổ phiếu (chiếm 0,00006% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Từ Thị Thu Huyền	Em ruột	1.333	0,00003
Nguyễn Thị Hồng Vân	Vợ	11	0,0000002
Phan Văn Khôi	Em rể	2	0,00000004
Phạm Mạnh Hùng	Em rể	1.333	0,00003

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

12.3.12. Bà Tạ Thị Hạnh - Kế toán trưởng

Họ tên: **Tạ Thị Hạnh**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 05/05/1972

Nơi sinh: Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 033172000269 do Cục trưởng cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 22/6/2015

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Ngân hàng

Quá trình công tác:

- 09/1994 - 01/1999: Cán bộ Phòng Tài chính – Kế toán Sở giao dịch BIDV
- 01/1999 - 02/2001: Phó trưởng phòng Tài chính – Kế toán Sở giao dịch BIDV
- 02/2001 - 05/2002: Phó trưởng phòng Phụ trách Tài chính – Kế toán Sở giao dịch BIDV
- 06/2002 - 10/2006: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Sở giao dịch BIDV
- 11/2006 - 12/2009: Phó Giám đốc BIDV - Chi nhánh Sở Giao dịch 1
- 01/2010 - 05/2011: Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng BIDV
- 06/2011 - 10/2011: Kế toán Trưởng kiêm Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng BIDV
- 11/2011 - 04/2012: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán BIDV
- 05/2012 – nay: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán BIDV

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán BIDV

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- Sở hữu cá nhân: 2.833 cổ phiếu (chiếm 0,00006% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 31/03/2023: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

13. Tài sản

Bảng 33: Chi tiết tài sản cố định tại 31/03/2023

Đơn vị: Tỷ đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao/Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Theo BCTC riêng				
1. TSCĐ hữu hình	13,395	8,102	5,293	39.51%
2. TSCĐ vô hình	6,368	2,096	4,272	67.09%
Tổng	19,763	10,198	9,565	48.40%
Theo BCTC hợp nhất				
1. TSCĐ hữu hình	14,703	8,715	5,988	40.73%
2. TSCĐ vô hình	6,647	2,260	4,388	66.01%
Tổng	21,350	10,975	10,376	48.60%

Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng Quý I/2023 đã công bố

Một số tài sản lớn của BIDV tại thời điểm 31/03/2023 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao/Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
QSD đất 50 năm tại Nguyễn Huệ, Q1, TP HCM	489.870	118.361	371.509	75,84
Quyền sử dụng (QSD) đất tại 74 Thợ Nhuộm, HN	416.718	0	416.718	100,00
Trụ sở chính tại Tháp A 191 Bà Triệu HN	374.382	168.496	205.886	54,99

Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao/Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
QSD đất lâu dài tại Nguyễn Thị Minh Khai, TP HCM	300.113	0	300.113	100,00
Trụ sở làm việc BIDV tại 263 Cầu Giấy	234.540	33.770	200.769	85,60

Nguồn: BIDV

14. Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận trong các năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận các năm tiếp theo

Bảng 34: Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận các năm tiếp theo

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2023	% tăng/giảm so với 2022	Năm 2024
Dư nợ tín dụng	Tăng trưởng đảm bảo tuân thủ giới hạn tín dụng do NHNN giao.		Tại thời điểm lập Bản cáo bạch này, BIDV chưa xây dựng kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận năm 2024.
Huy động vốn	Phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng; đảm bảo an toàn, hiệu quả.		
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Dự kiến tăng 10-15%, phù hợp với diễn biến thị trường, năng lực của BIDV và phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.		
Tỷ lệ nợ xấu (theo Thông tư số 11/2921/TT-NHNN)	≤ 1,4%		
Vốn điều lệ	61.557,1 tỷ đồng	↑21.7%	

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2023 của BIDV số 393/2023/NQ-ĐHĐCD ngày 28/04/2023

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch: Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch: Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch các chỉ tiêu KHKD chủ yếu, ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều hành KHKD 2023 phù hợp với tình hình thực tế và theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; tỷ lệ và hình thức chi trả cổ tức thực hiện theo phê duyệt của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên

❖ Cơ sở để đạt được kế hoạch lợi nhuận 2023

BIDV xây dựng kế hoạch và tính toán khả năng có thể đảm bảo đạt mục tiêu trên cơ sở các căn cứ sau:

- Đẩy mạnh quy mô hoạt động gắn với an toàn, nâng cao hiệu quả, chuyển dịch cơ cấu theo hướng tập trung tối ưu hóa tài sản có rủi ro (RWA) và hiệu quả dựa trên rủi ro (RoRWA).

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, nâng cao chất lượng tài sản; đẩy mạnh thu hồi và xử lý nợ xấu, nợ tiềm ẩn, nợ ngoại bảng.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động gắn với chuyển dịch cơ cấu thu nhập.
- Tập trung nguồn vốn và nhân lực triển khai các dự án CNTT trọng điểm, thực hiện đồng bộ các giải pháp chuyển đổi số, góp phần chuyển đổi toàn diện hoạt động của toàn hệ thống trên các mặt quy trình, mô hình, cải tiến chất lượng, sản phẩm, quản lý rủi ro... hướng tới ngân hàng công nghệ hiện đại.
- Nâng cao năng lực quản trị điều hành, năng lực quản lý rủi ro, chủ động ứng phó trước những biến động khó lường của thị trường tài chính, đảm bảo kỷ luật, kỷ cương trong tất cả các mặt hoạt động.
- Quyết liệt và tập trung triển khai các phương án tăng vốn điều lệ, vốn tự có trong năm 2023 nhằm nâng cao năng lực tài chính, cải thiện hệ số CAR.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi toàn diện, gắn với củng cố, bồi đắp văn hóa doanh nghiệp.

14.3. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của BIDV số 393/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2023, kế hoạch tăng vốn điều lệ của BIDV trong các năm tiếp theo dự kiến như sau:

- a. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến:
 - Vốn điều lệ tại 31/12/2022: 50.585,2 tỷ đồng
 - Số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 10.971,9 tỷ đồng
 - Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 61.557,1 tỷ đồng (tăng 21,7% so với 31/12/2022)
- b. Thông tin về cổ phiếu phát hành thêm:

Hình thức phát hành	Loại chứng khoán phát hành	Mệnh giá	Số phượng cổ phiếu phát hành	Nguồn tiền để tăng vốn điều lệ
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	Cổ phiếu phổ thông	10.000 đồng/cổ phiếu	641.926.672 cổ phiếu	6.419,27 tỷ đồng
Phát hành thêm cổ phiếu bằng hình thức chào bán ra công chúng hoặc chào bán riêng lẻ (tiếp tục thực hiện Phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên 2022 phê duyệt tại Nghị Quyết số 383/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022)	Cổ phiếu phổ thông	10.000 đồng/cổ phiếu	455.267.143 cổ phiếu	4.552,67 tỷ đồng
Tổng cộng			1.097.193.815 cổ phiếu	10.971,9 tỷ đồng

(i) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông



- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 641.926.672 cổ phiếu
 - Giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá: 6.419.266.720.000 đồng
 - Tỷ lệ thực hiện: Dự kiến 12,69% số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2022. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh số lượng và tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm trên cơ sở phê duyệt chính thức của các cơ quan có thẩm quyền.
 - Đối tượng phát hành: Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của BIDV tại thời điểm chốt quyền được nhận cổ tức bằng cổ phiếu theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua và theo quy định của pháp luật.
 - Thời gian thực hiện: Dự kiến năm 2023, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm phát hành cụ thể sau khi nhận được sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- (ii) *Phát hành thêm cổ phiếu cho nhà đầu tư theo hình thức phát hành riêng lẻ hoặc chào bán ra công chúng*: tiếp tục thực hiện Phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên 2022 phê duyệt tại Nghị Quyết số 383/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, HSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của BIDV.

Trên cơ sở phân tích tiềm năng phát triển của ngành ngân hàng và các thông tin thu thập được, cùng đánh giá về BIDV trên các phương diện như năng lực lãnh đạo của đội ngũ lãnh đạo, hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống công nghệ thông tin, nền tảng khách hàng cũng như định hướng chiến lược phát triển, HSC cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của BIDV dự kiến cho năm 2023 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của BIDV.

Đánh giá về khả năng trả nợ gốc và lãi Trái Phiếu

Theo phương án phát hành đã được Hội đồng quản trị BIDV thông qua, phương án thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu của BIDV như sau:

- Thanh toán lãi Trái Phiếu: Lãi thu được từ các lĩnh vực mà BIDV dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí, sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của BIDV bị lỗ;
- Thanh toán gốc Trái Phiếu: BIDV sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) nguồn thu nợ từ các dự án được tài trợ vốn từ nguồn vốn phát hành trái phiếu và (ii) nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của BIDV để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

Trên cơ sở các kết quả kinh doanh tích cực, hoạt động kinh doanh liên tục có lãi qua các năm, cùng với thương hiệu uy tín và tiềm lực tài chính mạnh của BIDV, Tổ Chức Tư Vấn đánh giá khả năng trả nợ gốc và lãi Trái Phiếu của BIDV là có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của BIDV.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Ngân hàng mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Trong quá trình hoạt động kinh doanh ngân hàng, BIDV đã khởi kiện một số khách hàng tại các Tòa án có thẩm quyền để đưa ra yêu cầu thanh toán nợ, xử lý tài sản bảo đảm. Đây là một trong các phương thức, biện pháp xử lý, thu hồi các khoản nợ xấu, nợ tiềm ẩn rủi ro được thực hiện thông thường trong hoạt động kinh doanh ngân hàng tại Việt Nam và không gây bất lợi nghiêm trọng đến hoạt động chung của BIDV cũng như khả năng thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo cam kết của BIDV.

Đến thời điểm hiện tại BIDV chỉ liên quan đến vụ án hình sự phát sinh từ việc cho vay đối với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kenmark (“Vụ án”) xảy ra tại BIDV Thành Đô. Ngày 16/03/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên bản án đối với Vụ án này, sau khi có Bản án, một số đương sự đã kháng cáo, hiện Tòa án có thẩm quyền đang tiến hành xử lý theo trình tự thủ tục xét xử phúc thẩm Vụ án. Về cơ bản, hướng xử lý, cơ chế xử lý đối với các khoản tiền, tài sản mà Cơ quan tiến hành tố tụng xác định BIDV bị thất thoát hoặc thiệt hại trong vụ án này bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của BIDV. Vụ việc trên không ảnh hưởng đến khả năng thực hiện các quyền, nghĩa vụ phát sinh đối với trái phiếu phát hành năm 2022.

V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT**1. Tên trái phiếu**

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2021 (BIDL2129006C).

2. Loại trái phiếu

Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành là trái phiếu không chuyên đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của BIDV theo quy định (“**Trái Phiếu**”).

3. Mã trái phiếu

BID123003

4. Tổng số lượng trái phiếu niêm yết

1.000 (Một nghìn) trái phiếu.

5. Mệnh giá

100.000 đồng/trái phiếu (Một trăm nghìn đồng một trái phiếu).

6. Tổng giá trị trái phiếu niêm yết

100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

7. Ngày phát hành

16/01/2023 (“Ngày Phát Hành”)

8. Ngày đáo hạn

16/01/2031 (“Ngày Đáo Hạn”)

9. Thời hạn trái phiếu

08 (tám) năm kể từ Ngày Phát Hành.

10. Mục đích phát hành trái phiếu

Căn cứ Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 370/NQ-BIDV ngày 11/05/2021, số 842/NQ-BIDV ngày 22/09/2021, số 1260/NQ-BIDV ngày 24/12/2021 và số 940/NQ-BIDV ngày 31/10/2022, số tiền thu được từ phát hành Trái Phiếu ra công chúng được BIDV sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động cho BIDV và thực hiện cho vay nền kinh tế đối với các ngành nghề dự kiến như sau:

- Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, sản xuất điện năng khác
- Công nghiệp, thương mại công nghiệp
- Lĩnh vực khác.

11. Nguồn thanh toán trái phiếu

Kế hoạch trả lãi Trái Phiếu

BIDV thực hiện thanh toán lãi Trái Phiếu định kỳ một (01) năm một lần kể từ Ngày Phát Hành (16/01/2023).

BIDV sẽ sử dụng lãi thu được từ các lĩnh vực mà BIDV dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí, sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của BIDV bị lỗ.

Kế hoạch trả nợ gốc Trái Phiếu

BIDV thực hiện thanh toán/hoàn trả gốc Trái Phiếu vào: (i) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, (ii) Ngày Đáo Hạn hoặc (iii) ngày đến hạn khác khi BIDV thực hiện mua lại Trái Phiếu.

BIDV sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) nguồn thu nợ từ các dự án được tài trợ vốn từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và (ii) nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của BIDV để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

12. Tiền lãi và lãi suất

12.1. Tiền lãi

- (a) Tiền lãi Trái Phiếu được tính kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm Ngày Đến Hạn Gốc (tùy trường hợp áp dụng), và được thanh toán vào Ngày Thanh Toán Lãi.

Nếu Trái Phiếu được BIDV mua lại vào ngày tròn ba (03) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu (“**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại**”) thì Ngày Thanh Toán Lãi năm thứ 03 (ba) sẽ là Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi năm thứ 03 (ba) sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

Nếu Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc không phải là Ngày Làm Việc thì ngày thanh toán thực tế sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc. Trong trường hợp

đến Ngày Đến Hạn Gốc mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu mà không phải do lỗi của BIDV hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán theo từng trường hợp cụ thể thì số tiền thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đó sẽ được BIDV hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán theo từng trường hợp cụ thể đó giữ hộ và không được hưởng lãi.

- (b) Mỗi Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi kể từ Ngày Đến Hạn Gốc của Trái Phiếu đó (tùy từng trường hợp áp dụng) trừ khi tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán vào các ngày đó do lỗi của BIDV hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán theo từng trường hợp cụ thể.

Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán mà do lỗi của BIDV hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán theo từng trường hợp cụ thể tại (i) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì khoản tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi theo mức 150% Lãi Suất của Kỳ Thanh Toán Lãi thứ 03 (ba); hoặc (ii) Ngày Đáo Hạn thì khoản tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi theo mức 150% Lãi Suất của Kỳ Thanh Toán Lãi thứ 08 (tám) (kể cả trước và sau khi có quyết định về việc giữ lại hoặc từ chối thanh toán) cho đến ngày, nhưng không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu đến hạn thanh toán.

- (c) Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, nếu khoản tiền lãi đến hạn của Trái Phiếu bị từ chối thanh toán hoặc được thanh toán không đầy đủ do lỗi của BIDV hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán theo từng trường hợp cụ thể thì Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi quá hạn đối với số tiền bị chậm trả tính từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế theo mức lãi suất bằng 150% Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Thanh Toán Lãi bị chậm trả.
- (d) Tiền lãi phát sinh từ việc tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu không được thanh toán hoặc bị từ chối thanh toán theo quy định tại Điểm 12.1(b) và (c) nêu trên sẽ do bên gây ra lỗi (tùy từng trường hợp là BIDV hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán theo từng trường hợp cụ thể) chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (e) Công thức tính tiền lãi cho Điểm 12.1(a) như sau:

$$\text{Tiền lãi Trái Phiếu được hưởng} = \frac{\text{Mệnh giá Trái Phiếu năm giữ thực tế tại Ngày Chốt Danh Sách} \times \text{LS} \times \text{N}}{365}$$

Trong đó:

- + **LS:** có nghĩa là Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Thanh Toán Lãi.



+ N : có nghĩa là số ngày được tính kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành hoặc ngày đầu tiên của Kỳ Thanh Toán Lãi cho đến nhưng không bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Thanh Toán Lãi tiếp theo hoặc Ngày Đáo Hạn.

(f) Tiền lãi tại các Điểm 12.1(b), (c) và (d) nêu trên sẽ được tính trên cơ sở một năm có ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

12.2. Lãi Suất

(g) Lãi suất của Trái Phiếu cho từng Kỳ Tính Lãi được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm) và được Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu (trước khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại VSD) hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (sau khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại VSD) xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất theo công thức sau:

Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1,4% (một phẩy bốn phần trăm)/năm

(h) Vì mục đích của Điểm 12.2 (a):

(i) “**Ngày Xác Định Lãi Suất**” có nghĩa là Ngày Phát Hành đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên hoặc Ngày Làm Việc thứ bảy (07) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

(ii) “**Lãi Suất Tham Chiếu**”, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là trung bình cộng lãi suất (là lãi suất hoặc trần lãi suất trong trường hợp không có lãi suất) tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.

(iii) “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Khu vực/TP Hà Nội, (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” và gọi chung là “**Các Ngân Hàng Tham Chiếu**”).

(iv) Nếu BIDV không thực hiện mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi từ năm thứ sáu (06) cho đến Ngày Đáo Hạn sẽ bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ **3,07% (ba phẩy không bảy phần trăm)/năm**.

(v) “**Kỳ Tính Lãi**” của Trái Phiếu là khoảng thời gian để xác định lại lãi suất của Trái Phiếu, định kỳ 01 (một) năm một lần kể từ Ngày Phát Hành.

(i) Lãi Suất Tham Chiếu được xác định theo các nguyên tắc sau:

(i) Trường hợp Ngân Hàng Tham Chiếu hoặc Các Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố mức lãi suất cho kỳ hạn 12 tháng (áp dụng cho lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau), Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định lãi suất công bố của Các Ngân Hàng Tham Chiếu áp dụng cho kỳ hạn tương đương 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng; hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng và kỳ hạn tương đương 12 tháng.

(ii) Trường hợp vào Ngày Xác Định Lãi Suất mà Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không xác định được Lãi Suất Tham Chiếu do một

hoặc một số (nhưng không phải tất cả) trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc kỳ hạn tương đương 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng; hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng và kỳ hạn tương đương 12 tháng) thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc kỳ hạn tương đương 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng; hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng và kỳ hạn tương đương 12 tháng) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại tại Ngày Xác Định Lãi Suất tương ứng. Khi đó, Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải có bằng chứng chứng minh trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động hoặc không công bố lãi suất nêu trên. Để tránh nhầm lẫn, nguyên tắc này không áp dụng đối với trường hợp trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào vẫn công bố nhưng thay đổi cách thức công bố lãi suất (công bố lãi suất theo Chi nhánh cụ thể) dẫn đến việc (một hoặc một số) Lãi Suất Tham Chiếu của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu tại Điểm 12.2(b) không xác định được thì Ngân Hàng Tham Chiếu được sử dụng có giá trị tương đương là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch, và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch 1 (bao gồm cả trường hợp Chi nhánh Ngân Hàng Tham Chiếu đó đổi tên) để thay thế cho Ngân Hàng Tham Chiếu tương ứng.

- (iii) Trường hợp vào Ngày Xác Định Lãi Suất mà Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không xác định được Lãi Suất Tham Chiếu do trang thông tin điện tử chính thức của cả bốn (04) Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động và/hoặc không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn, trả sau, 12 tháng (hoặc kỳ hạn tương đương 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng; hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng và kỳ hạn tương đương 12 tháng) thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc kỳ hạn tương đương 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng; hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng và kỳ hạn tương đương 12 tháng) được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1 công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Thông tin về lãi suất này phải được cung cấp cho Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (tùy từng trường hợp áp dụng) bằng văn bản.
- (iv) Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý rằng kết quả xác định Lãi Suất của Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng.
- (j) Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu thì (A) nếu quy định áp dụng trần lãi suất không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điểm 12.2 (a) nêu trên thì lãi suất Trái Phiếu sẽ tiếp tục được áp dụng theo quy định tại Điểm 12.2 (a) đó; (B) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu và lãi suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điểm 12.2 (a) nêu trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì lãi suất Trái

Phiếu sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật; (C) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu nhưng lãi suất Trái Phiếu được quy định tại Điểm 12.2 (a) nêu trên không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì lãi suất Trái Phiếu là mức lãi suất được xác định như tại Điểm 12.2 (a) nêu trên.

12.3. *Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi*

Trong khoảng thời gian từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đến Hạn Gốc, BIDV được quyền ngừng thanh toán tiền lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của BIDV bị lỗ (“**Số Tiền Lãi Chậm Trả**”). Việc chậm trả lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào.

Số Tiền Lãi Chậm Trả sẽ không được nhập vào gốc và sẽ được hưởng lãi suất kể từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế (là ngày BIDV thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Chậm Trả và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Chậm Trả).

Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Chậm Trả là Lãi Suất cho Kỳ Thanh Toán Lãi tương ứng mà BIDV chậm trả lãi (mức lãi suất này được áp dụng trong suốt thời gian chậm trả lãi của Số Tiền Lãi Chậm Trả tương ứng).

Trong trường hợp Số Tiền Lãi Chậm Trả được hưởng lãi không tròn một Kỳ Thanh Toán Lãi thì số tiền lãi sẽ được tính trên cơ sở số ngày thực tế chậm trả trong kỳ và một năm có ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

13. **Kỳ hạn trả lãi, trả gốc**

13.1. Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, định kỳ một (01) năm một lần kể từ ngày Phát Hành (“**Kỳ Thanh Toán Lãi**”), vào Ngày Thanh Toán Lãi cho đến khi BIDV hoàn thành việc thanh toán gốc Trái Phiếu theo quy định tại Điểm 13.2 dưới đây.

13.2. Tiền gốc Trái Phiếu được thanh toán bằng 100% mệnh giá vào Ngày Đáo Hạn Gốc (tùy từng trường hợp phát sinh). Để tránh nhầm lẫn, vào mỗi ngày đến hạn thanh toán theo Điểm này, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ nhận được số tiền bằng tổng số tiền gốc cộng với lãi phát sinh và chưa được thanh toán tính đến và không bao gồm ngày thanh toán đó.

14. **Số lượng Trái Phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:** Không có.

15. **Xếp hạng tín nhiệm:** Không có.

16. **Phương pháp tính giá**

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi Nhà Đầu Tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó: PV: là Giá của Trái Phiếu.

FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu

CFi: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i

n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá trái phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá trái phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

- 1) Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày t+1 so với ngày giao dịch);
- 2) Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
- 3) Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phóng theo mô hình phù hợp;
- 4) Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
- 5) Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...).
- 6) Áp dụng công thức nêu trên để tính giá trái phiếu

Ví dụ minh họa:

Một Trái Phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá Trái phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu
- Ngày phát hành: 16/01/2023
- Ngày đáo hạn: 16/01/2031
- Lãi suất Trái Phiếu: Bằng tổng Lãi Suất Tham Chiếu và 0,9%/năm
- Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu: dùng để xác định lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
- Kỳ trả lãi: 01 năm/lần
- Ngày định giá (ngày niêm yết dự kiến): 16/07/2023
- Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại: 08 kỳ
- Lãi coupon chưa xác định: Dự báo trong giai đoạn tới chưa có nhiều biến động; Giả sử lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi là 6,9%.
- Lợi suất yêu cầu hay Lãi suất chiết khấu (k): Bằng tổng của 0,9% và bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày định giá trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt



Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- Cơ sở tính ngày (day count convention): Actual/365
- Lãi suất tham chiếu giả định tại ngày niêm yết: 6%/năm

Với các đặc điểm và giả định nêu trên, giả sử tại ngày niêm yết dự kiến là 16/07/2023, giá của Trái Phiếu là:

Kỳ	1	2	3	4	5	6	7	8
	16/01/2024	16/01/2025	16/01/2026	16/01/2027	16/01/2028	16/01/2029	16/01/2030	16/01/2031
Lãi suất coupon	6,90%	6,90%	6,90%	6,90%	6,90%	6,90%	6,90%	6,90%
Dòng tiền lãi $CF(i) = CPN \times$ số ngày thực tế của kỳ tính lãi/365	6.900	6.919	6.900	6.900	6.900	6.919	6.900	6.900
Gốc trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-	100.000
Số ngày nắm giữ	184	550	915	1.280	1.645	2.011	2.376	2.741
Lãi suất chiết khấu	6,70%	6,70%	6,70%	6,70%	6,70%	6,70%	6,70%	6,70%

$$PV = \frac{6.900}{(1 + 6,7\%)^{184/365}} + \frac{6.919}{(1 + 6,7\%)^{550/365}} + \frac{6.900}{(1 + 6,7\%)^{915/365}} + \frac{6.900}{(1 + 6,7\%)^{1.280/365}} + \frac{6.900}{(1 + 6,7\%)^{1.645/365}} + \frac{6.919}{(1 + 6,7\%)^{2.011/365}} + \frac{6.900}{(1 + 6,7\%)^{2.376/365}} + \frac{106.900}{(1 + 6,7\%)^{2.741/365}}$$

$$PV = 6.678 + 6.258 + 5.881 + 5.496 + 5.151 + 4.827 + 4.536 + 65.686 = 104.514 \text{ VND}$$

17. Phương thức thực hiện quyền

Không có (vì Trái Phiếu đăng ký niêm yết là loại trái phiếu không chuyển đổi)

18. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi suất đáo hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1 + k)^i} + \frac{FV}{(1 + k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

Một Trái Phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá Trái phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu
- Ngày phát hành: 16/01/2023
- Ngày đáo hạn: 16/01/2031
- Lãi suất Trái Phiếu giả định: 10%/năm

- Kỳ trả lãi: 01 năm/lần
- Ngày giao dịch dự kiến: 16/07/2023
- Giá giao dịch dự kiến: 104.000 đồng/Trái Phiếu.

Với các đặc điểm trên, nếu nhà đầu tư giao dịch với giá 104.000 đồng/Trái Phiếu và nắm giữ tới ngày đáo hạn thì Lợi suất Trái Phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:

Ngày trả lãi	16/01/2024	16/01/2025	16/01/2026	16/01/2027	16/01/2028	16/01/2029	16/01/2030	16/01/2031
Kỳ trả lãi	1	2	3	4	5	6	7	8
Lãi suất (%/năm)	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%
Dòng tiền trả lãi CFi	10.000	10.027	10.000	10.000	10.000	10.027	10.000	10.000
Dòng tiền gốc TP	-	-	-	-	-	-	-	100.000
Số ngày tính đến ngày trả lãi	184	550	915	1.280	1.645	2.011	2.376	2.741

$$103.000 = \frac{10.000}{(1+k)^{184/365}} + \frac{10.027}{(1+k)^{550/365}} + \frac{10.000}{(1+k)^{915/365}} + \frac{10.000}{(1+k)^{1.280/365}} + \frac{10.000}{(1+k)^{1.645/365}} + \frac{10.027}{(1+k)^{2.011/365}} + \frac{10.000}{(1+k)^{2.376/365}} + \frac{110.000}{(1+k)^{2.741/365}}$$

Áp dụng phương pháp nội suy: $k = 10,16\%$. Do đó $YTM = 10,16\%$

19. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp BIDV mất khả năng trả nợ hoặc chấm dứt hoạt động

Trong trường hợp BIDV bị thanh lý, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi BIDV đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm hoặc không có bảo đảm khác. Các Trái Phiếu sẽ có thứ tự thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

20. Việc Mua lại Trái phiếu

20.1. Mua Lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại (ngày tròn ba (03) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu)

- (i) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, bằng việc gửi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông báo này là không hủy ngang), BIDV có quyền mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại với giá mua lại bằng mệnh giá Trái Phiếu.
- (ii) Trong trường hợp BIDV mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho BIDV và nhận được 100% khoản tiền gốc Trái Phiếu do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và tất cả các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan tới các Trái Phiếu (nếu có) sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành.

(iii) Vì mục đích mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại như quy định tại Điểm này,

BIDV và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thông báo việc mua lại trên trang thông tin điện tử chính thức của BIDV và của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 10 (mười) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của BIDV mà không do lỗi của BIDV hoặc không thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho BIDV (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho BIDV. Tiền mua lại Trái Phiếu sẽ được: (i) thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy chế của VSD đối với các Trái Phiếu đã lưu ký tại VSD; (ii) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (theo ủy quyền của BIDV) thanh toán vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với các Trái Phiếu chưa được lưu ký tại VSD hoặc (iii) thanh toán thông qua hình thức hợp tác khác theo thỏa thuận với Người Sở Hữu Trái Phiếu đó và quy định của pháp luật.

- 20.2. Không ảnh hưởng tới Điểm 20.1 trên, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, BIDV thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất cứ lúc nào bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho BIDV hay không. Việc chào mua Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu. Bất cứ Trái Phiếu nào do BIDV mua lại sẽ không được tính vào tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp những Người Sở Hữu Trái Phiếu để quyết định những vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với BIDV.

21. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết

Theo báo cáo mới nhất của Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) vừa công bố, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2022 ước tính tăng 5,92% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. GDP bình quân đầu người năm 2022 của Việt Nam ước đạt 95,6 triệu đồng/người, tương đương 4.110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021.

Đặc biệt, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) là chỉ số quan trọng liên quan đến lạm phát cũng vừa được Tổng cục Thống kê công bố. Theo đó, chỉ số CPI tháng 12/2022 giảm 0,01% so với tháng trước nhưng tăng 4,55% so với tháng 12/2021. CPI bình quân năm 2022 tăng 3,15% so với năm 2021.

Nhận định xu hướng giá cả năm 2023, theo Tổng cục Thống kê, áp lực lạm phát còn rất lớn. Nguyên nhân là diễn biến giá cả hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu trên thế giới đang có xu hướng giảm do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại nhưng rủi ro tăng trở lại khá cao do xung đột giữa Nga - Ucraina vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục phục hồi trong năm 2023 do tác động của các gói hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng cùng với nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ tăng sẽ đẩy giá cả hàng hóa lên cao. Bên cạnh đó, năm 2023 một số sắc thuế hết hiệu lực; thực hiện tăng lương cơ sở từ tháng 7/2023; khởi công một loạt dự án lớn... sẽ làm giá cả một số mặt hàng tăng lên, đặc biệt là xăng dầu.

Hình 4: Lạm phát cơ bản của Việt Nam giai đoạn 2010 – 2021



Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu (các) dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị Trái Phiếu sẽ giảm khi lãi suất thị trường tăng, và ngược lại. Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng, khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái Phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, do đó làm giảm giá trị hiện tại của Trái Phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị Trái Phiếu. Có thể kết luận rằng, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của Trái Phiếu.

Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn Trái Phiếu không có biến động bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất do một số các nguyên nhân sau đây:

- Trái Phiếu được bán bằng mệnh giá và có mức biên độ cố định và kỳ xác định lãi suất 1 năm/lần sẽ giúp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết giảm thiểu những rủi ro bởi việc tăng giảm lãi suất thị trường.
- Ngoài ra, xét về tình hình kinh tế vĩ mô, Việt Nam đang trong quá trình phục hồi sau khủng hoảng, luôn đưa ra mục tiêu kiềm chế lạm phát qua các năm, do đó rủi ro của lạm phát tăng trưởng cao trong các năm tới dự kiến sẽ không nằm ở mức cao.

22. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo

Không có (vì Trái Phiếu đăng ký niêm yết là loại trái phiếu không có tài sản bảo đảm)

23. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành):

Đối với loại Trái Phiếu do BIDV đã phát hành và đăng ký niêm yết, hiện tại không có quy định về giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong tương lai, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và khi đó có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ nhà đầu tư trong nước cho nhà đầu tư nước ngoài.

24. Các loại thuế có liên quan

a) Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%.
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của Pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai Thuế thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp Thuế thu nhập Doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ trái phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu là 5%;
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng trái phiếu tại thời điểm chuyển nhượng

c) Thuế giá trị gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC, lãi trái phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

d) Khấu trừ thuế

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào (“Thuế”) do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền, hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế.

Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy từng trường hợp áp dụng) ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ thị trường. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

Tên công ty : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Địa chỉ : Tháp BIDV, 164 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 22200588 Fax: (84.24) 22200399

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Tên công ty : Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Địa chỉ : Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 62883568 Fax: (84.24) 62885678

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:

Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)
Trụ sở chính : Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.28) 3823 3299/(84.28) 3829 3826 Fax: (84.28) 3823 3301
Website : www.hsc.com.vn


ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)
Trụ sở chính : Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.28) 38233299 Fax: (84.28) 238233301


VII. CÁC PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Phụ lục II: Điều lệ
3. Phụ lục III: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021, 2022 và Báo cáo tài chính Quý I/2023 (Hợp nhất và Riêng lẻ)
5. Phụ lục V: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật

Bản Cáo Bạch này được ban hành ngày 15 tháng 06 năm 2023

Đại diện Tổ chức đăng ký niêm yết
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM 




PHAN ĐỨC TÚ
Chủ tịch HĐQT


LÊ NGỌC LÂM
Tổng Giám đốc



TRẦN LONG
Phó Tổng Giám đốc có liên
quan đến việc đăng ký niêm yết



CAO CỰ TRÍ
Thành viên phụ trách
Ban Kiểm Soát



TẠ THỊ HẠNH
Kế toán trưởng

Đại diện Tổ chức tư vấn niêm yết
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



PHAM NGOC BICH
Giám đốc điều hành

100